



**SAVICO**

# A Steady Stance

Vững vàng một vị thế

**Saigon General Service Corporation | Báo Cáo Thường Niên 2009**

**Annual Report 2009**



# Vững Vàng Một Vị Thế

Thông điệp của Chủ Tịch Hội đồng Quản trị	5
Tóm lược lịch sử hoạt động và phát triển của Công ty	14
Các lĩnh vực hoạt động của Savico	16
Báo cáo của Tổng Giám Đốc	25
Công tác phát triển thương hiệu và tham gia các hoạt động hướng đến cộng đồng	34
Hệ thống quản trị và nguồn nhân lực	38
Thông tin về Cổ đông và Quản Trị Công ty	40
Báo cáo tài chính năm 2009	48
• Báo cáo kiểm toán của Công ty Kiểm toán KPMG	51
• Bảng cân đối kế toán hợp nhất	52
• Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	55
• Báo cáo thay đổi vốn chủ sở hữu hợp nhất	57
• Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	59
• Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất	62
Hệ thống các chi nhánh, Công ty con, liên doanh liên kết và danh mục đầu tư của Savico	92

## Tầm nhìn

Trở thành công ty đầu tư chuyên ngành dịch vụ hàng đầu tại Việt Nam, hội nhập khu vực và Quốc tế.

## Sứ mạng

Nhà cung cấp dịch vụ tốt nhất, mọi hoạt động của Công ty luôn hướng đến sự thỏa mãn của khách hàng.

“Thỏa mãn khách hàng là hạnh phúc chính mình”

## Các giá trị cốt lõi

“SAVICO địa chỉ tin cậy của các cổ đông và nhà đầu tư, nơi kết nối, gia tăng các lợi ích của khách hàng, cổ đông, người lao động, và cộng đồng xã hội trên nền tảng văn hóa Savico”

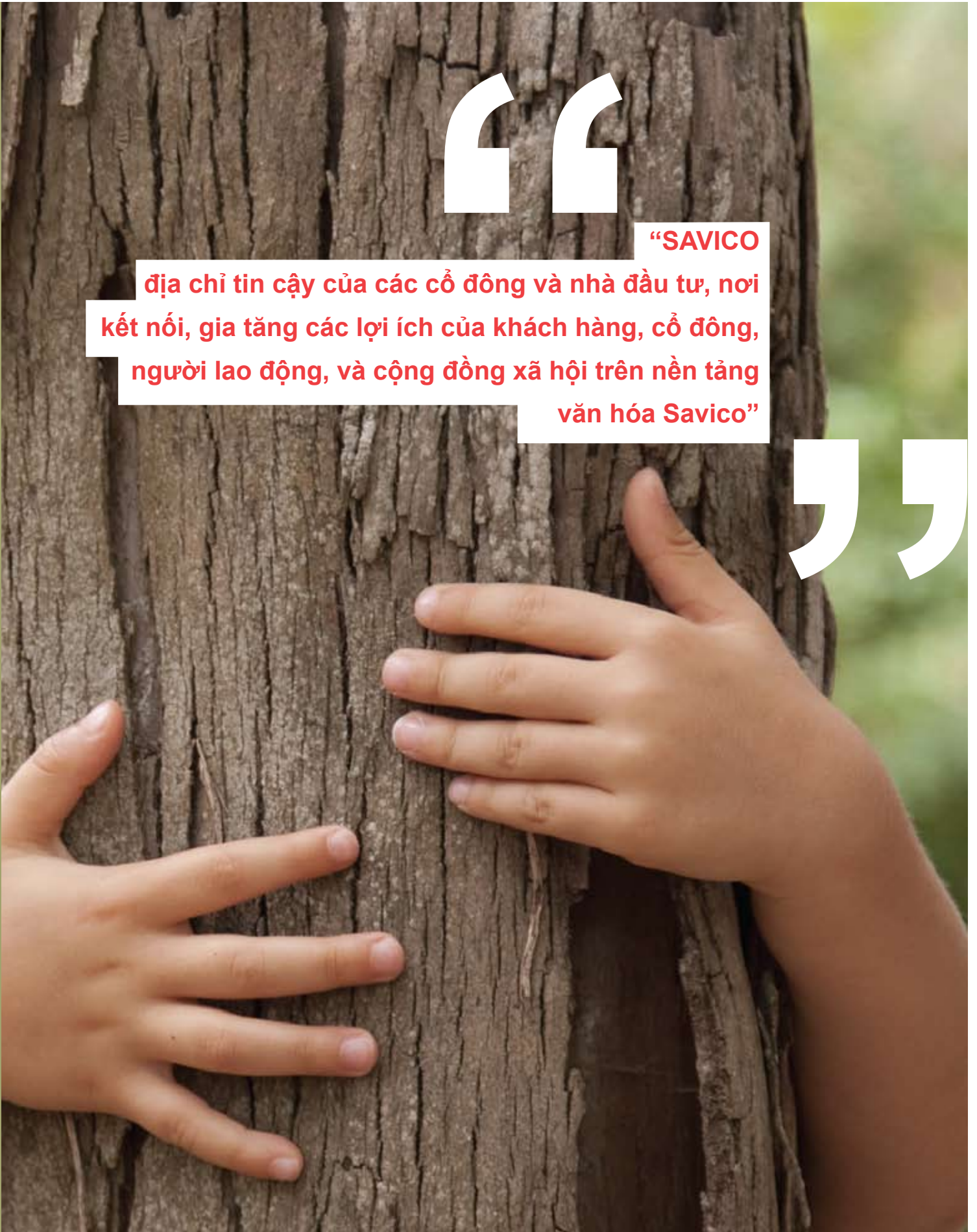
“Tôn trọng, lắng nghe và xem lợi ích của khách hàng, đối tác, cổ đông là lợi ích của chính mình”

“Đoàn kết, vượt qua thách thức; Tự đổi mới, đón đầu cơ hội, gặt hái thành công”.

“

**“SAVICO  
địa chỉ tin cậy của các cổ đông và nhà đầu tư, nơi  
kết nối, gia tăng các lợi ích của khách hàng, cổ đông,  
người lao động, và cộng đồng xã hội trên nền tảng  
văn hóa Savico”**

”



## Thông Điệp Của Chủ Tịch Hội Đồng Quản Trị



## Kính thưa Quý cổ đông, các nhà đầu tư,

Năm 2009, tình hình kinh tế trong nước thật sự khó khăn hơn dự đoán với những biến động trái chiều so với kinh tế thế giới, Chính Phủ đã chuyển mục tiêu từ ưu tiên kiểm chế lạm phát sang tập trung ngăn chặn suy giảm tăng trưởng, ổn định kinh tế vĩ mô, bảo đảm an sinh xã hội và đã ban hành nhiều gói giải pháp kích thích kinh tế, tuy nhiên nền kinh tế còn tiềm ẩn nhiều rủi ro, tăng trưởng chưa bền vững như: tình trạng nhập siêu và mất cân đối trong cán cân thanh toán tỷ giá, giá vàng, giá dầu tăng cao trong những tháng cuối năm, xuất hiện nguy cơ tái lạm phát đã ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của Công ty.

Ngay từ đầu năm, Hội đồng quản trị đã chỉ đạo Ban điều hành tập trung mọi biện pháp tích cực và quyết liệt, kịp thời điều chỉnh mục tiêu và giải pháp cho phù hợp với diễn biến tình hình của thị trường; đồng thời tổ chức chỉ đạo thực hiện khẩn trương và quyết liệt để hoàn thành vượt mức chỉ tiêu kế hoạch kinh doanh. Điểm nổi bật, chính là công tác điều hành chính sách tài chính trong toàn hệ thống từng bước đi từ an toàn tiến đến bền vững, tranh thủ mọi cơ hội để tập trung phát triển lĩnh vực dịch vụ ô tô, xe gắn máy, đồng thời mở rộng mạng lưới kinh doanh để nâng cao thị phần và vị thế cạnh tranh; Xây dựng các giải pháp và lộ trình cụ thể để phát triển các dự án theo hướng tối đa hóa hiệu quả đầu tư; Lĩnh vực dịch vụ tài chính tăng cường công tác dự báo, đánh giá, xây dựng hệ thống phòng ngừa rủi ro và nắm bắt các cơ hội khởi sắc của thị trường tài chính để thanh khoản các danh mục đầu tư tài chính không phù hợp.

Savico đã kết thúc năm 2009 với nhiều thành công tốt đẹp, Lợi nhuận trước thuế trong toàn hệ thống đã đạt hơn 178% kế hoạch, đó là kết quả của sự điều hành nhanh nhạy, kịp thời của Hội đồng quản trị, cán bộ quản lý điều hành trong toàn hệ thống của Savico. Đó cũng là kết quả của sự động viên, chia sẻ, hợp tác và tin tưởng của toàn thể cổ đông, nhà đầu tư, khách hàng đã tiếp thêm nguồn động lực, niềm tin cho Hội Đồng Quản Trị, Ban Điều Hành và toàn thể cán bộ nhân viên cùng chung sức cố gắng hiến cho sự nghiệp xây dựng và phát triển công ty. Qua 5 năm đương đầu với những khó khăn thách thức đã giúp cho Hội đồng quản trị nhiều bài học và kinh nghiệm quý giá, là môi trường tốt để rèn luyện bản lĩnh, kinh nghiệm ứng phó vào công tác quản trị điều hành, đó là: (1) Muốn phát triển doanh nghiệp bền vững, phải có chiến lược kinh doanh phù hợp trên cơ sở quản trị tài chính an toàn. Trong khó khăn, thách thức sẽ xuất hiện nhiều cơ hội, phải nắm bắt kịp thời để phát triển hoạt động kinh doanh; (2) Huy động và tận dụng mọi nguồn lực bên trong và bên ngoài để gia tăng đầu tư, phát triển hệ thống, mở rộng thị trường là yếu tố quyết định để bảo đảm sự tăng trưởng; (3) Xây dựng hệ thống quản trị minh bạch, chuyên nghiệp, toàn thể cán bộ quản lý điều hành phải biết tự nghiêm khắc nhìn nhận những thiếu sót và thành công, chăm lo đào tạo bồi dưỡng đội ngũ cán bộ có đủ phẩm chất, năng lực, bản lĩnh đảm đương mọi nhiệm vụ công ty giao.

## Thông Điệp Của Chủ Tịch Hội Đồng Quản Trị

Năm 2010, là năm đầu tiên nhiệm kỳ II năm 2010-2015 của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát. Hội đồng quản trị sẽ tiếp tục hoàn thiện chiến lược xây dựng thành công mô hình Công ty đầu tư vững mạnh trên phạm vi cả nước và khu vực vào năm 2015, với điều kiện AN TOÀN TÀI CHÍNH – PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG, tổ chức phát triển mạnh mẽ, quảng bá thương hiệu Savico ở ba lĩnh vực. Tiếp tục thực hiện việc liên kết ngành, lĩnh vực kinh doanh, kiểm soát thị phần theo vùng thị trường thông qua việc thành lập hai Công ty cổ phần Savico tại Đà Nẵng, Cần Thơ tiếp tục nghiên cứu sự cần thiết để thành lập các Công ty Cổ phần chuyên ngành trong tương lai.

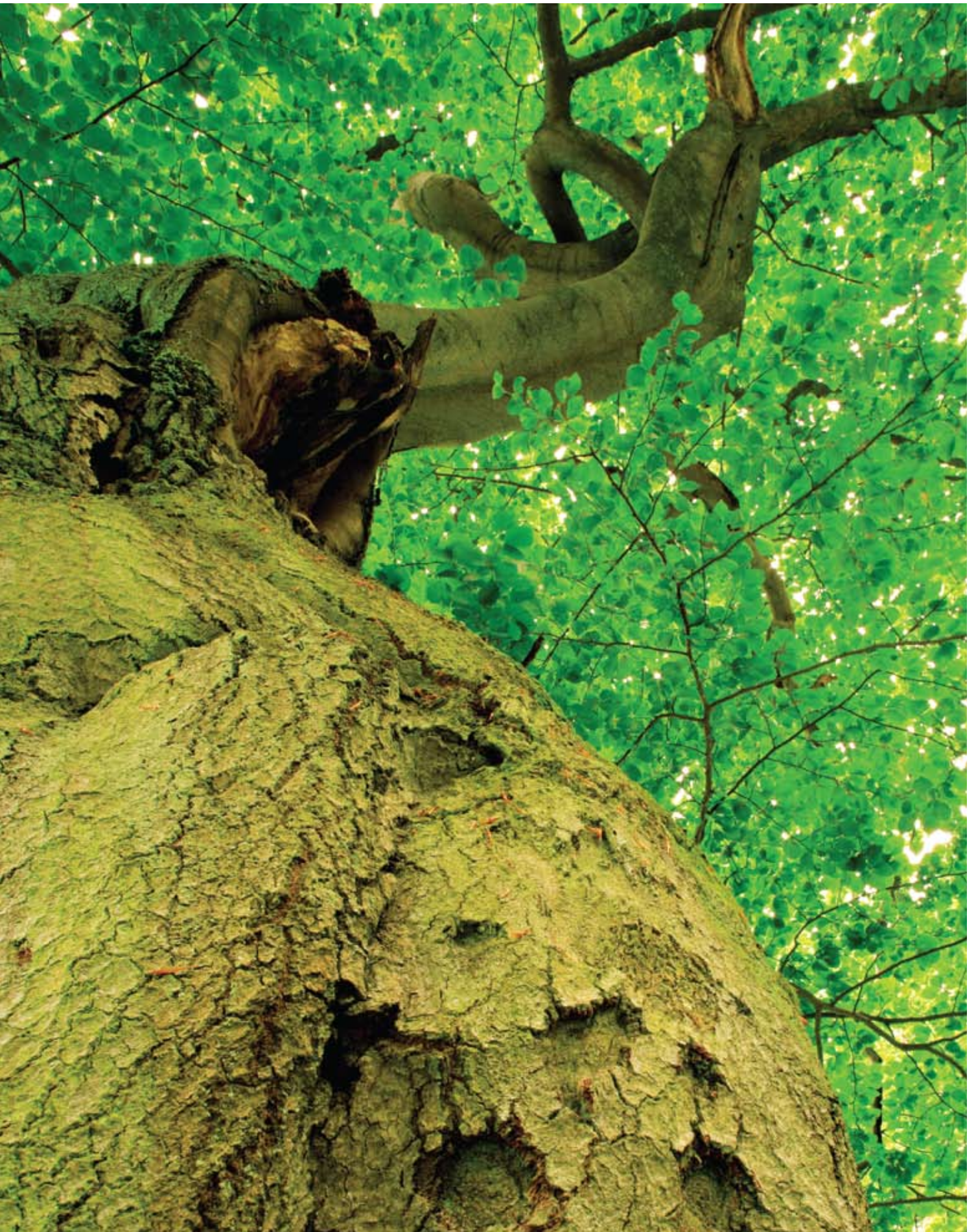
Thay mặt Hội Đồng Quản Trị, xin chân thành cảm ơn Quý cổ đông, nhà đầu tư, khách hàng đã tích cực hỗ trợ và hợp tác đóng góp cho sự phát triển của Công ty trong thời gian vừa qua. Đặc biệt, xin bày tỏ lòng biết ơn chân thành đến các thành viên Hội Đồng Quản Trị, toàn thể quý cổ đông, Tổng Công ty Bến Thành, các đối tác, các đơn vị tư vấn, ngân hàng, các cơ quan ban ngành Trung ương, Thành phố, Ủy ban chứng khoán nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội, Sở Giao dịch chứng khoán Tp.HCM, Trung tâm lưu ký, nhất là sự đồng thuận hỗ trợ từ phía Ban Điều Hành, cán bộ nhân viên trong toàn hệ thống giúp cho Hội Đồng Quản Trị nhiệm kỳ I năm 2005 – 2010 hoàn thành trách nhiệm của mình, đã xây dựng nền móng và tạo đà cho sự phát triển Công ty trong chặng đường kế tiếp. Savico sẽ tiếp tục hoàn thành sứ mệnh của mình và thực hiện vượt mức kế hoạch kinh doanh năm 2010 với tốc độ phát triển nhanh và bền vững, xứng đáng với sự tin cậy của Quý cổ đông, khách hàng, nhà đầu tư.

Xin chân thành cảm ơn.



**NGUYỄN VĨNH THỌ**  
Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị





### Ông Nguyễn Vĩnh Thọ

Chủ tịch Hội đồng quản trị

Ngày sinh: 01/01/1961

Nơi sinh: Gia Lai

Địa chỉ thường trú: 17 Trần Nhật

Duật, Q.1, Tp.HCM

Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Quản trị kinh doanh

Các chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức kinh tế khác: Chủ tịch HĐQT Công ty CP Savico Hà Nội, Chủ tịch HĐQT Công ty CP Toyota Đông Sài Gòn (TESC), Chủ tịch HĐQT Công ty Liên Doanh Toyota Giải Phóng (TGP), Chủ tịch HĐQT Công ty Liên Doanh Savico – Vinaland, Chủ tịch HĐQT Công ty CP Dana (Dana Ford).



### Ông Lương Quang Hiến

Thành viên Hội đồng quản trị

Ngày sinh: 25/11/1967

Địa chỉ thường trú: 93 đường 37 Phường

Tân Quy, Quận 7, Tp.Hồ Chí Minh

Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Quản trị kinh doanh

Các chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức

kinh tế khác: Phó Tổng Giám Đốc

Công ty CP Kinh Đô



### Bà Hoàng Thị Thảo

Thành viên Hội đồng quản trị

Ngày sinh: 11/12/1958

Nơi sinh: Tp.HCM

Địa chỉ thường trú: 89/4

Trần Văn Đương, P.9, Q.3,

Tp.HCM

Trình độ chuyên môn: Kế toán trưởng

Các chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức kinh tế khác:

không

# Hội Đồng Quản

**Ông Võ Hiến**

Thành viên Hội đồng quản trị  
 Ngày sinh: 20/06/1956  
 Nơi sinh: Hòa Vang  
 Đà Nẵng  
 Địa chỉ thường trú: 159 Lý  
 Tự Trọng, P.Bến Thành, Q.1,  
 Tp.HCM  
 Trình độ chuyên môn: Cao  
 đẳng Sư phạm  
 Các chức vụ đang nắm giữ  
 tại các tổ chức kinh tế khác:  
 không



**Ông Lê Điền**

Thành viên Hội đồng quản trị  
 Ngày sinh: 05/06/1962  
 Nơi sinh: Quảng Nam  
 Địa chỉ thường trú: 82/52 Đinh Bộ  
 Lĩnh, P.26, Q. Bình Thạnh, Tp.HCM  
 Trình độ chuyên môn:  
 Cử nhân Kinh tế  
 Các chức vụ đang nắm giữ tại các tổ  
 chức kinh tế khác: không



**Ông Nguyễn Bình Minh**

Thành viên Hội đồng quản trị  
 Ngày sinh: 13/02/1972  
 Nơi sinh: Hà Nội  
 Địa chỉ thường trú: 150/1 Ung Văn Khiêm, P.25,  
 Q.Bình Thạnh, TP.HCM  
 Trình độ chuyên môn: Cử nhân Quản trị kinh doanh  
 Các chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức kinh tế  
 khác: Chủ tịch HĐQT Công ty CP Sài Gòn Ngôi Sao,  
 Chủ tịch HĐQT Công ty TNHH Đông Đô Thành,  
 Thành viên HĐQT Công ty TNHH ComfortDelgro  
 Savico Taxi.



**Ông Tế Trí Dũng**

Thành viên Hội đồng quản trị  
 Ngày sinh: 14/08/1981  
 Nơi sinh: Tp.HCM  
 Địa chỉ thường trú: 56 Đinh Công Tráng, P.Tân  
 Định, Q.1, Tp.HCM  
 Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Kinh tế  
 Các chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức kinh  
 tế khác: Thành viên HĐQT Công ty Liên Doanh  
 Khách sạn Norfolk,  
 Thành viên HĐQT Công ty Vàng Bạc Đá Quý  
 Bến Thành.

**n Trị**



**Ông Mai Việt Hà**

Phó Tổng Giám Đốc

Ngày sinh: 18/02/1973.

Nơi sinh: Hưng Yên

Địa chỉ thường trú: Số A4-6 chung cư Khánh Hội ,  
360C Bến Vân Đồn, P. 1, Q. 4, Tp.HCM

Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Quản trị kinh doanh

Các chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức kinh tế

khác: Chủ Tịch HĐQT Công ty TNHH DVTM Sài Gòn,

Chủ tịch HĐQT Công ty CP Siêu xe,

Thành viên HĐQT Công ty TNHH Sài Gòn Ôtô,

Thành viên HĐQT Công ty TNHH Đông Đô Thành.



**Ông Võ Hiến**

Phó Tổng Giám Đốc



**Ông Nguyễn Vĩnh Thọ**

Tổng Giám Đốc

# Ban Tổng Giám



**Ông Phan Tuấn Dũng**

Phó Tổng Giám Đốc

Ngày sinh: 21/08/1969

Nơi sinh: Quảng Nam

Địa chỉ thường trú: 10 Nguyễn Đức Cảnh,  
P.Thuận Phước, Q.Hải Châu, Tp.Đà Nẵng

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế

Các chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức kinh tế  
khác: Tổng Giám Đốc – Thành viên HĐQT Công  
ty CP Dana (Dana Ford).

**Ông Tạ Phước Đạt**

Phó Tổng Giám Đốc

Ngày sinh: 15/06/1969

Nơi sinh: Tp.HCM

Địa chỉ thường trú: 115/110 A Lê Văn Sỹ,  
P.13, Q.Phú Nhuận, Tp.HCM

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kế Toán

Các chức vụ đang nắm giữ tại các tổ  
chức kinh tế khác: Chủ tịch HĐQT Công  
ty TNHH TM DV TH Bến Thành – Savico,  
Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Việt  
Thái, Thành viên HĐQT Công ty Du Lịch  
Bến Thành Long Hải (Tropicana Beach).



**Ông Nguyễn Bình Minh**

Phó Tổng Giám Đốc

**Đốc**



**Bà Nguyễn Phương Loan**

Thành viên Ban Kiểm Soát

Ngày sinh: 06/11/1962

Nơi sinh: Tp.HCM

Địa chỉ thường trú: 518/8/1 Lê Văn

Sỹ P.11, Q.Phú Nhuận, Tp.HCM

Trình độ chuyên môn: Thương mại  
ngành kế toán

Các chức vụ đang nắm giữ tại các tổ  
chức kinh tế khác: không



**Ông Nguyễn Phúc Hưng**

Thành viên Ban Kiểm Soát

Ngày sinh: 22/08/1964

Nơi sinh: Tp.HCM

Địa chỉ thường trú: 24 Huyền Quang, P.Tân Định, Q.1, Tp.HCM

Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế

Các chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức kinh tế khác: không

**Ông Lê Xuân Đức**

Trưởng Ban Kiểm Soát

Ngày sinh: 10/08/1953

Nơi sinh: Thanh Hoá

Địa chỉ thường trú: 471 Phan Văn Trị, P.7, Q.5, Tp.HCM

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Tài chính – Kế Toán

Các chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức kinh tế khác

Trưởng Ban Kiểm Soát Công ty CP Kinh Doanh Nhà

Bến Thành

# Ban Kiểm Soát



# Tóm Lược Lịch Sử Hoạt Động Của Savico

## 01

### Lịch sử hình thành và phát triển:

#### Giai đoạn Công ty là Doanh nghiệp Nhà nước (1982 – 2004)

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn (Savico) nguyên là doanh nghiệp nhà nước được thành lập vào ngày 01/09/1982 với tên gọi là Công ty dịch vụ Quận 1.

Năm 1986, Công ty đổi tên từ Công ty Dịch vụ Quận 1 thành Công ty Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn với tên giao dịch là Savico.

Năm 1990, Công ty khởi xướng ngành kinh doanh ô tô, xe gắn máy, dịch vụ du lịch, dịch vụ taxi tạo nền tảng cho việc phát triển hệ thống Dịch vụ - Thương mại sau này.

Từ năm 1998 – 2004, Công ty tập trung chuyển hướng dẫn hoạt động của Công ty sang mô hình Công ty đầu tư, tập trung xây dựng và phát triển chuỗi đại lý phân phối của các nhãn hiệu có uy tín như: Toyota, Ford, GM-Daewoo, Suzuki,... bên cạnh việc phát triển các dự án bất động sản và đầu tư vào những ngành then chốt như: Ngân hàng, Bưu chính viễn thông,...

#### Giai đoạn hoạt động theo mô hình Công ty cổ phần (từ 2005 đến 2010)

Ngày 04/01/2005 Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn (Savico) chính thức đi vào hoạt động.

Ngày 21/12/2006, cổ phiếu Savico với mã chứng khoán SVC chính thức niêm yết và giao dịch tại Trung tâm Giao dịch Chứng khoán Hà Nội. Đến ngày 01/06/2009, cổ phiếu Savico được chuyển niêm yết và giao dịch tại Sở Giao Dịch Chứng Khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HOSE).

Qua 05 năm hoạt động theo mô hình công ty cổ phần, Savico đã xác định mục tiêu chiến lược trở thành Công ty Đầu tư hoạt động trên ba lĩnh vực: Dịch vụ - Thương mại (nền tảng), Dịch vụ Bất động sản, Dịch vụ Tài chính.

## 02

### Tên gọi Công ty và Hệ thống các đơn vị thành viên:

Tên công ty	: CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ TỔNG HỢP SÀI GÒN
Tên giao dịch	: SAVICO
Mã chứng khoán	: SVC

#### Trụ sở chính

Địa chỉ	: 68 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh
Điện thoại	: (84-8) 3.821 3913
Fax	: (84-8) 3. 821 3553 – (84-8) 3.8215992
Website	: www.savico.com.vn
Email	: savico@savico.com.vn

#### Hệ thống các chi nhánh và đơn vị thành viên:

02 Chi nhánh: Savico – Đà Nẵng, Savico – Cần Thơ  
 09 Công ty con, 07 Công ty Liên Doanh Liên kết  
 15 Doanh nghiệp Savico đầu tư tài chính





## Các Lĩnh Vực Hoạt Động Của Savico



Công ty TNHH Toyota Cần Thơ

Công ty tập trung phát triển lĩnh vực Dịch vụ - Thương Mại làm nền tảng trên cơ sở tổ chức 03 hệ thống: Dịch vụ - Thương mại về Ôtô, Dịch vụ - Thương mại về xe gắn máy, Dịch vụ - Thương mại khác. Qua đó, Savico kiểm soát được thị trường, thị phần, khách hàng, nâng cao uy tín thương hiệu:

### Hệ thống Dịch vụ - Thương Mại về Ôtô:

Đã tổ chức phân phối cho các nhãn hiệu có uy tín như Toyota, Ford, GM-Daewoo, Hyundai, Suzuki thông qua hệ thống các Công ty thành viên.

#### ■ Khu vực miền Bắc:

Công ty liên doanh Toyota Giải phóng đầu tư thành lập đại lý Toyota Pháp Vân, Công ty Cổ phần Savico Hà Nội chuẩn bị đầu tư Công ty TNHH Toyota Long Biên khai trương vào quý 2/2010.

#### ■ Khu vực miền Trung:

Công ty cổ phần Dana, chi nhánh Ford Bình Định, chi nhánh Ford Gia Lai (chuyên phân phối xe Ford); Công ty cổ phần Ôtô Hyundai Sông Hàn - Đà Nẵng (chuyên phân phối xe Hyundai).

#### ■ Khu vực Hồ Chí Minh – Miền Đông Nam Bộ:

Công ty cổ phần Toyota Đông Sài Gòn (TESC) phát triển thêm Đại lý Toyota Gò Vấp (chuyên phân phối xe Toyota) và chuẩn bị khai thác mua bán xe cũ nhãn hiệu Toyota, Công ty TNHH Đông Đô Thành (chuyên phân phối xe GM-Daewoo), Công ty TNHH Sài Gòn ô tô (Saigon Ford), Công ty cổ phần Bến Thành ô tô (Bến Thành Ford) (chuyên phân phối xe Ford), Công ty cổ phần ô tô Thành phố (Hyundai Trần Hưng Đạo) (chuyên phân phối xe Hyundai), Công ty cổ phần Sài Gòn Ngôi Sao (chuyên phân phối xe ô tô - gắn máy Suzuki).

#### ■ Khu vực Đồng Bằng Sông Cửu Long:

Tổ chức phân phối, thành lập mới Công ty TNHH Toyota Cần Thơ (chuyên phân phối xe Toyota), chi nhánh Ford Cần Thơ (chuyên phân phối xe Ford).

## Dịch Vụ - Thương Mại



Công ty TNHH TM DV TH Bến Thành Savico

### Hệ thống Dịch vụ -Thương mại về xe gắn máy:

Công ty tập trung phân phối tại thị trường Tp. HCM và Cần Thơ. Đến nay Công ty cổ phần SAVICO đã thành lập được 04 Công ty gồm:

Công ty cổ phần Sài Gòn Ngôi Sao chuyên phân phối xe Suzuki, Công ty TNHH Thương Mại Dịch Vụ Sài Gòn (Yamaha Cần Thơ) chuyên phân phối xe Yamaha; Chi nhánh SAVICO Cần Thơ chuyên phân phối xe Yamaha và Suzuki; Công ty TNHH TM DVTH Bến Thành Savico chuyên phân phối xe SYM.

Công ty đã tổ chức mở rộng khai thác thị phần tại Tp.Hồ Chí Minh và Đồng Bằng Sông Cửu Long. Tại Tp.Cần Thơ có 05 cửa hàng, trực thuộc 02 đơn vị kinh doanh, hiện đã mở đại lý chuyên phân phối xe Suzuki tại An Giang.

### Hệ thống Dịch vụ Thương mại khác:

Kinh doanh dịch vụ vận chuyển hành khách (Công ty TNHH ComfortDelgro Savico Taxi), các đơn vị kinh doanh mỹ phẩm, điện máy, dịch vụ thẩm mỹ,...

## Các Lĩnh Vực Hoạt Động Của Savico



Dịch vụ - Bất Động Sản

Dự án Savico Plaza Hanoi

Công ty đẩy mạnh xây dựng và phát triển chuỗi hệ thống dịch vụ bất động sản: Khu phức hợp Savico (Savico Plaza), Trung tâm Thương Mại Savico (Savico Trading Center) nhằm hỗ trợ, phát triển lĩnh vực Dịch vụ - Thương mại, Đầu tư xây dựng các chuỗi Cao ốc Văn phòng (Savico Office Building), Khu dân cư (Savico Residence), Khách sạn & Khu nghỉ dưỡng (Savico Hotel & Resort).

Nhóm dự án	Dự án	Qui mô	Savico đầu tư	Đối tác
<b>Khu Phức hợp Savico Plaza</b>	1. Savico Plaza 115 – 117 Hồ Tùng Mậu, Quận 1	Diện tích đất: 3.055 m <sup>2</sup> , 22 tầng cao, chức năng TT thương mại, văn phòng và căn hộ với tổng vốn đầu tư 48 triệu USD.	50,5%	Vinacapital 49,5%
	2. Savico Plaza 104 Phố Quang, Quận Tân Bình	Diện tích đất: 9.028 m <sup>2</sup> , khu phức hợp gồm chức năng: Căn hộ dịch vụ, Trung tâm Thương mại, Văn phòng cho thuê và Khách sạn.	100%	
	3. Savico Plaza Long Biên, Hà Nội	Diện tích đất: 46.400 m <sup>2</sup> . Dự án được chia thành 02 khu: Khu A với chức năng Đại Siêu thị, Trung tâm Thương mại, Khu giải trí, Khu B với chức năng Showroom ô tô và Văn phòng cho thuê.	100%	

## Dịch vụ Bất Động Sản



Cao ốc văn phòng HTMC- Savico 91 Pasteur, Q.1, TP.HCM

Nhóm dự án	Dự án	Qui mô	Savico đầu tư	Đối tác
<b>Savico Trading Center</b>	1. TTTM Savico – Đà Nẵng	Qui mô 01 trệt, 01 lửng 03 tầng cao với tổng diện tích sử dụng 4.738 m <sup>2</sup> , đã đưa vào khai thác kinh doanh	100%	
	2. TTTM Savico – Cần Thơ	Qui mô 01 trệt, 01 lửng với tổng diện tích sử dụng 2.333 m <sup>2</sup> , đã đưa vào khai thác kinh doanh	100%	
<b>Savico Office Building</b>	1. Cao ốc Văn phòng HTMC – Savico 91 Pasteur, Quận 1	Diện tích đất: 1.604 m <sup>2</sup> với 02 hầm và 7 tầng cao với diện tích sàn xây dựng 8.030 m <sup>2</sup> , hoàn tất thi công và đưa vào khai thác kinh doanh vào tháng 04/2010.	51%	Công ty Quản lý Kinh Doanh Nhà Tp.HCM: 49%
	2. Tòa nhà văn phòng 95 – 97 – 99 Trần Hưng Đạo, Q.1	01 trệt, 01 lửng, 05 tầng cao, đã đưa vào khai thác kinh doanh.	100%	
	3. Tòa nhà văn phòng 555 Trần Hưng Đạo, Quận 1	01 trệt, 01 lửng và 05 tầng cao, đã đưa vào khai thác kinh doanh.	100%	
	4. Tòa nhà văn phòng 35 Đồng Khởi.	01 hầm, 01 trệt và 06 tầng cao, đã đưa vào khai thác kinh doanh.	100%	

## Các Lĩnh Vực Hoạt Động Của Savico

Nhóm dự án	Dự án	Qui mô	Savico đầu tư	Đối tác
<b>Savico Office Building</b>	5. Cao ốc văn phòng 56 Bến Văn Đồn, Quận 4	Diện tích đất: 3.010 m <sup>2</sup> , với 02 hầm, 01 trệt, 01 lửng và 24 tầng cao, tổng diện tích sàn xây dựng 35.049 m <sup>2</sup> .	49%	Cty CP XNK Khánh Hội (Khahomex) 51%
	6. Cao ốc văn phòng 9-15 Lê Minh Xuân, Quận Tân Bình	Diện tích đất 993 m <sup>2</sup> , tổng diện tích sàn xây dựng 8.690 m <sup>2</sup>	30%	Cty XNK Tân Bình (Titco), Cty CP XNK Khánh Hội (Khahomex)
	7. Cao ốc văn phòng 277 – 279 Lý Tự Trọng, Quận 1	01 hầm, 01 trệt và 10 tầng cao với 4.000 m <sup>2</sup> diện tích sàn văn phòng.	100%	
<b>Savico Residence</b>	1. Dự án Khu dân cư Quốc lộ 13, Thủ Đức	Diện tích đất 18.247 m <sup>2</sup> chức năng: chung cư cao tầng (17 tầng) kết hợp trung tâm thương mại	100%	100%
	2. Dự án Khu dân cư Hiệp Bình Phước – Tam Bình, Thủ Đức	Diện tích đất 57.233 m <sup>2</sup> , được quy hoạch làm chung cư cao tầng (18 tầng) gồm gần 1.400 căn hộ kết hợp trung tâm thương mại và nhà liên kế với tổng diện tích sàn xây dựng 176.000 m <sup>2</sup> .	100%	
	3. Dự án 1014B Thoại Ngọc Hầu, Tân Phú	Chung cư cao tầng (20 tầng) kết hợp Trung tâm thương mại trên diện tích khu đất 10.814 m <sup>2</sup> .	30%	Cty XNK Tân Bình (Titco), Cty CP XNK Khánh Hội (Khahomex)
	4. Dự án Khu biệt thự Long Hòa, Cần Giờ.	Diện tích đất gần 30 hecta với chức năng biệt thự sinh thái vườn, nhà phố liên kế.	50%	Cty CP Ngoại thương & Phát triển Đầu tư TpHCM (Fideco)
<b>Savico Hotel &amp; Resort</b>	1. Resort Mercure Sơn Trà.	Diện tích đất 57.650 m <sup>2</sup> chức năng gồm: 20 căn biệt thự bãi biển cao cấp, khách sạn Mercure có qui mô 120 phòng, chuẩn 4 sao cùng các tiện nghi giải trí khác spa, thể thao bãi biển,...	100%	
	2. Khu biệt thự Hồ Tràm – Xuyên Mộc	Diện tích đất gần 10 ha. Khu biệt thự bãi biển với hơn 58 căn dự kiến được xây dựng theo tiêu chuẩn cao cấp	100%	

## Dịch vụ Bất Động Sản



Cao ốc văn phòng KHAHOMEX - SAVICO 56 Bến Vân Đồn, Q.4, TP.HCM

## Các Lĩnh Vực Hoạt Động Của Savico



Dịch Vụ Tài Chính

Lễ chuyển niêm yết và giao dịch cổ phiếu Savico tại Sở Giao dịch Chứng khoán TP.HCM

Hoạt động của lĩnh vực Dịch vụ Tài chính tập trung quản lý hiệu quả sử dụng vốn và dòng tiền của danh mục đầu tư, thực hiện xây dựng cấu trúc tài chính của Công ty theo hướng an toàn để tiến đến phát triển bền vững. Mục tiêu sắp tới của Savico là phát triển các định chế tài chính nhằm hỗ trợ phát triển 2 lĩnh vực Dịch vụ - Thương mại và Dịch vụ Bất động sản. Bên cạnh đó, Savico cũng tham gia đầu tư vào các ngành nghề phù hợp với chiến lược phát triển của Công ty nhằm khai thác các cơ hội đầu tư, gia tăng hiệu quả kinh doanh.



## Dịch Vụ Tài Chính



Hội nghị giới thiệu đợt phát hành tăng vốn

# Báo Cáo Của Tổng Giám Đốc





## Báo Cáo Tổng Kết Hoạt Động Kinh Doanh 2009

### HOẠT ĐỘNG KINH DOANH NĂM 2009:

#### Kết quả hoạt động kinh doanh:

Năm 2009, Công ty đã tập trung vào các giải pháp điều hành nhằm đạt mục tiêu kế hoạch kinh doanh với kết quả đạt được khả quan, doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ 3.093 tỷ đồng, đạt 137,48% kế hoạch; Lợi nhuận trước thuế 125,7 tỷ đồng, đạt 178,22% kế hoạch, cụ thể:

Chỉ tiêu	Đvt	Thực hiện năm 2008	Kế hoạch năm 2009	Thực hiện năm 2009	So với KH (%)
• Doanh thu bán hàng & DV	Trđ	2.120.656	2.250.000	3.093.441	137,48
• Lợi nhuận trước thuế	Trđ	61.866	70.500	125.649	178,22
• Lợi nhuận sau thuế	Trđ	55.292	54.500	99.874	183,25
• Thu nhập cổ đông Cty mẹ	Trđ	39.953	42.400	71.885	169,54
• Cổ tức	Trđ	13%	10%		
• EPS	Vnđ/cp	2.236		3.425	

#### Về lĩnh vực Dịch vụ - Thương mại:

Vốn đầu tư cho lĩnh vực Dịch vụ-Thương mại đầu năm 2009 là 527 tỷ đồng, đến 31/12/2009 là 806 tỷ đồng, tăng 53% so với đầu năm, chiếm tỷ trọng 44,99 % tổng tài sản Công ty.

#### ■ Ngành hàng Ô tô:

Trong năm 2009, hệ thống ô tô Savico tiếp tục dẫn đầu trong hệ thống phân phối của các nhà cung cấp với việc sản lượng tiêu thụ đạt 9.225 xe các loại, tăng 30% so với năm 2008, chiếm 7,6% thị phần của Hiệp hội các nhà sản xuất ô tô Việt Nam; trong đó nhãn hiệu Toyota chiếm 20% thị phần Toyota Việt Nam, nhãn hiệu Ford chiếm 22% thị phần Ford Việt Nam, nhãn hiệu GM-Daewoo chiếm 4% thị phần GM-Daewoo Việt Nam (Vidamco) và nhãn hiệu Suzuki chiếm 22% thị phần Suzuki Việt Nam. Doanh thu toàn hệ thống ô tô Savico đạt 5.176 tỷ đồng tăng 49% so với cùng kỳ 2008 và lợi nhuận trước thuế đạt 140 tỷ đồng tăng 52% so với cùng kỳ 2008.

## Báo Cáo Của Tổng Giám Đốc

Trong năm, hệ thống các đơn vị ô tô đã tập trung phát triển mạng lưới kinh doanh và chú trọng nâng cao chất lượng dịch vụ như triển khai xây dựng 02 đại lý 3S Toyota Pháp Vân và Toyota Long Biên tại Hà Nội; Khai trương và đi vào hoạt động đại lý Toyota 3S tại Cần Thơ, đây là đại lý duy nhất của Toyota Việt Nam tại thị trường Đồng bằng sông Cửu Long; Khởi công xây dựng Trung tâm kinh doanh xe Toyota đã qua sử dụng tại 18 Phan Văn Trị, quận Gò Vấp, Tp.HCM, đây là đơn vị duy nhất được Toyota Việt Nam chấp thuận cho kinh doanh thử nghiệm lĩnh vực này; Bên cạnh đó xây dựng mới một đại lý 3S Bến Thành Ford tại 831 Trường Chinh, quận Tân Phú, Tp.HCM trong tháng 11/2009; Và hai đại lý 3S Hyundai Trần Hưng Đạo, quận 1, Tp.HCM và Hyundai Sông Hàn tại Đà Nẵng.

### ■ Ngành hàng xe gắn máy:

Thị trường xe gắn máy trong năm 2009 tương đối ổn định, nhu cầu không tăng nhiều, tuy nhiên do kế hoạch sản xuất năm 2009 của các nhà cung cấp không đáp ứng kịp thời nhu cầu thị trường, đã đẩy giá xe gắn máy tăng cao, đặc biệt đối với những nhãn hiệu, dòng xe được khách hàng ưa chuộng như Yamaha, Suzuki, SYM... tạo cơ hội tốt cho các đơn vị kinh doanh xe gắn máy trong hệ thống Savico.

Sản lượng tiêu thụ xe gắn máy của toàn hệ thống Savico là 13.695 chiếc, đạt 103% kế hoạch, tăng 24% so với năm 2008; Tổng doanh thu toàn hệ thống xe gắn máy Savico đạt 307 tỷ đồng tăng 27% so với năm 2008; Lợi nhuận trước thuế thực hiện được 6,7 tỷ đồng, đạt 137% kế hoạch, tăng 35% so với năm 2008.

Các đơn vị kinh doanh xe gắn máy tiếp tục tập trung khai thác lĩnh vực dịch vụ và phát triển mạng lưới kinh doanh. Công ty TNHH TM DVTH Bến Thành Savico đã chính thức khai trương đại lý 3S tại 331 Trần Hưng Đạo, quận 1; và phát triển thêm đại lý 3S SYM tại 598 – 600 Cách Mạng Tháng 8, quận 3. Chi nhánh Savico Cần Thơ, nâng cấp cửa hàng xe tay ga cao cấp tại số 103 Nguyễn Trãi; Thành lập Chi nhánh Savico An Giang tại 349/30B đường Trần Hưng Đạo, thị xã Long Xuyên; Và Yamaha Cần Thơ đã mở rộng thêm xưởng dịch vụ Yamaha; Phát triển thêm Đại lý 2S tại 164/1B Trần Ngọc Quế, phường Hưng Lợi, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ...

### ■ Các đơn vị Dịch vụ - Thương mại khác: được củng cố từng bước nhằm gia tăng hiệu quả hoạt động.

#### Về lĩnh vực Dịch vụ Bất động sản:

Vốn đầu tư cho lĩnh vực Dịch vụ Bất động sản đầu năm 2009 là 570 tỷ đồng, đến 31/12/2009 là 693 tỷ đồng, tăng 22% so với đầu năm, chiếm tỷ trọng 38,66 % tổng tài sản Công ty.

Doanh thu của lĩnh vực dịch vụ Bất động sản 130,7 tỷ đồng, đạt 94,77% kế hoạch 2009; Lợi nhuận trước thuế 40,2 tỷ đồng, đạt 82,54% kế hoạch 2009.

Trong năm 2009, Công ty đã tập trung đầu tư phát triển nhanh các dự án trọng điểm như: Dự án Savico Plaza Hà Nội đã khởi công vào tháng 06/2009 và ký hợp đồng tiếp thị độc quyền với CBRE; Dự án 115-117 Hồ Tùng Mậu đã phối hợp với Ban bồi thường giải tỏa Quận 1 thực hiện đền bù giải tỏa cho những hộ dân cuối cùng tại đây; Dự án 104 Phố Quang đã được UBND Tp.HCM, Sở Tài Nguyên Môi Trường ký hợp đồng sử dụng đất 50 năm; Dự án khu du lịch Mercure Sơn Trà đã ký kết hợp đồng tư vấn, quản lý kinh doanh khách sạn với tập đoàn quản lý khách sạn Accor của Pháp, và ký hợp đồng kinh doanh tiếp thị với Công ty tư vấn Savills. Dự án 91 Pasteur đã ký kết hợp đồng cho đối tác thuê toàn bộ tòa nhà. Dự án 56 Bến Vân Đồn chính thức khởi công trong tháng 07/2009 và đã được điều chỉnh bổ sung thêm chức năng căn hộ cho thuê; Dự án 277 – 279 Lý Tự Trọng, Công ty đã ký kết hợp đồng cho đối tác thuê toàn bộ tòa nhà; Dự án khu dân cư Hiệp Bình Phước – Tam Bình và dự án Quốc lộ 13, Công ty cũng đang hoàn tất các thủ tục pháp lý và chuẩn bị khởi công trong quý 3 năm 2010.

### Lĩnh vực Dịch vụ Tài chính:

Vốn đầu tư cho lĩnh vực Dịch vụ Tài chính đầu năm 2009 là 265 tỷ đồng, đến 31/12/2009 là 293 tỷ đồng, tăng 11% so với đầu năm, chiếm tỷ trọng 16,34% tổng tài sản Công ty.

Trong năm, Công ty đã theo sát và phân tích diễn biến tình hình thị trường tài chính - chứng khoán, kịp thời cơ cấu lại danh mục đầu tư khi thị trường có dấu hiệu hồi phục, chủ động nắm bắt các cơ hội đầu tư mới với triển vọng đem lại lợi nhuận; Kết quả lợi nhuận trước thuế của lĩnh vực Dịch vụ tài chính đạt 18 tỷ đồng, vượt xa kế hoạch đã đề ra, trong đó lợi nhuận mang lại từ việc cơ cấu danh mục đầu tư cũ là 15,5 tỷ đồng và từ việc đầu tư cho danh mục mới đạt 2,5 tỷ đồng.

Về công tác quản trị tài chính, Công ty đã tập trung hoàn thiện quy chế đầu tư tài chính; Phân tích hoạt động và đánh giá hiệu quả sử dụng vốn đầu tư vào 03 lĩnh vực kinh doanh, trên cơ sở đó tập trung các giải pháp điều hành, cơ cấu lại nguồn vốn, tài sản của Công ty, đến thời điểm 31/12/2009 hệ thống chỉ tiêu tài chính cơ bản của Công ty đạt được:

Chỉ tiêu tài chính		Mục tiêu bền vững	Mục tiêu an toàn	Thực hiện năm 2008	Thực hiện năm 2009
Khả năng thanh toán ngắn hạn	Lần	2,10	1,10	1,15	1,47
Khả năng thanh toán nhanh	Lần	1,40	0,60	0,93	1,21
Hệ số tự tài trợ (Vốn chủ sở hữu/Tổng tài sản)	%	65,00	40,00	35,15	39,36
Tỷ lệ đòn bẩy trên vốn (Nợ vay/(Nợ vay + VCSH))	%	31,60	44,80	49,33	42,18

### Công tác quản trị rủi ro:

Công tác quản trị rủi ro là một trong những nhiệm vụ trọng tâm của Savico nhằm tiếp tục xây dựng cấu trúc tài chính an toàn, giúp cho Công ty phát triển bền vững và trở thành Công ty đầu tư mạnh trong giai đoạn 2010 -2015.

Công tác quản trị tài chính tập trung theo dõi sát các diễn biến của thị trường tài chính – tiền tệ và chính sách điều hành kinh tế của Chính phủ để có các biện pháp phù hợp nhằm kiểm soát chi phí sử dụng vốn. Bên cạnh đó, Công ty tiếp tục đẩy mạnh hoạt động kiểm soát nội bộ nhằm kiểm soát hiệu quả sử dụng vốn, danh mục đầu tư để có các giải pháp điều hành phù hợp, tạo vốn và nâng cao hiệu quả hoạt động chung của toàn Công ty.

Trong năm 2009, Công ty đã bước đầu xây dựng và thực hiện chính sách tài chính linh hoạt nhằm giảm thiểu chi phí sử dụng vốn, nâng cao hiệu quả của hệ thống Công ty.

Công ty đã tập trung hoàn thiện các quy chế hoạt động của Công ty; Phát hành thành công 4,6 triệu cổ phần cho nhà đầu tư riêng lẻ với tổng số tiền thu về trên 181 tỷ đồng để cơ cấu lại nguồn vốn, tài sản của Công ty.

### Cổ tức:

Theo nghị quyết Đại hội đồng Cổ Đông Thường Niên (ĐHĐCĐTN) thường niên ngày 15 tháng 04 năm 2009 mức cổ tức năm 2009 dự kiến là 10%/vốn điều lệ. Tuy nhiên diễn biến thị trường năm 2009 có nhiều thuận lợi, Công ty đạt được hiệu quả khả quan và hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu kế hoạch năm 2009.

Ban điều hành dự kiến đề xuất với Hội đồng quản trị, ĐHCĐTN phê duyệt mức chia cổ tức năm 2009 là 15%/vốn điều lệ. Công ty đã tạm ứng cổ tức đợt 1 là 5%/vốn điều lệ bằng tiền mặt vào tháng 01/2010 và chi trả số cổ tức còn lại bằng tiền mặt sau khi có kết quả biểu quyết về phương án phân phối lợi nhuận năm 2009 của ĐHCĐTN 2010.

# Báo Cáo Của Tổng Giám Đốc

**Sau 5 năm hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần Savico đã đạt được những thành tựu nhất định sau:**

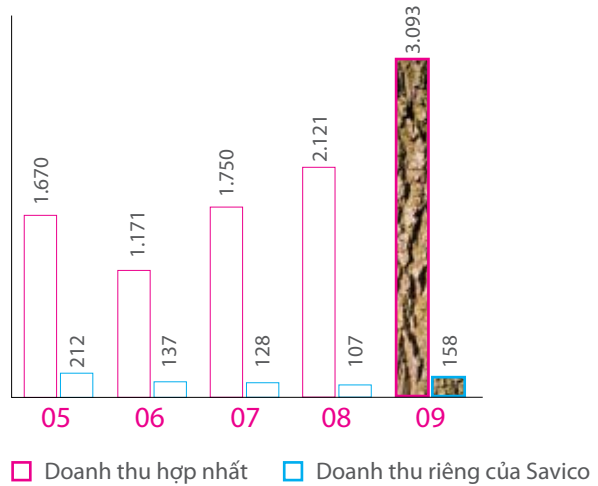
### Doanh thu

Toàn hệ thống tăng trưởng đều qua các năm từ 1.670 tỷ đồng ở năm 2005 thì đến năm 2009 doanh thu toàn hệ thống Savico là 3.093 tỷ đồng. Tốc độ tăng trưởng doanh thu bình quân 17,06%/năm (theo báo cáo tài chính hợp nhất của Savico).

Nếu tính cả doanh thu của các Công ty liên doanh liên kết thì tổng doanh thu toàn hệ thống Savico đạt 2.580 tỷ đồng ở năm 2005 và 5.646 tỷ đồng ở năm 2009. Tốc độ tăng trưởng bình quân trong toàn hệ thống Savico đạt 23,77%/năm.

Bên cạnh sự tăng trưởng về tốc độ thì doanh thu của Savico tập trung chủ yếu từ hệ thống Công ty con, liên doanh liên kết, các đơn vị mà Savico tập trung đầu tư mạnh trong hệ thống Dịch vụ -Thương mại.

**Tăng trưởng doanh thu (Tỷ đồng)**

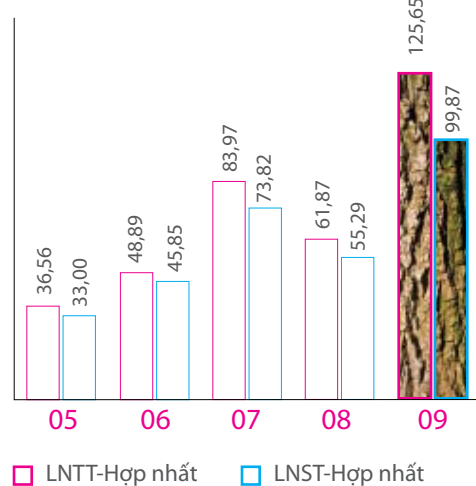


### Lợi nhuận trước thuế

Toàn hệ thống Savico tăng trưởng đều qua các năm từ 36,5 tỷ đồng năm 2005 lên 125,6 tỷ đồng năm 2009. Tốc độ tăng trưởng bình quân 48,74%/năm.

Lợi nhuận sau thuế toàn hệ thống tăng từ 33 tỷ đồng năm 2005 lên 99,8 tỷ đồng năm 2009, tăng bình quân 40,53%/năm

**Tăng trưởng lợi nhuận (Tỷ đồng)**

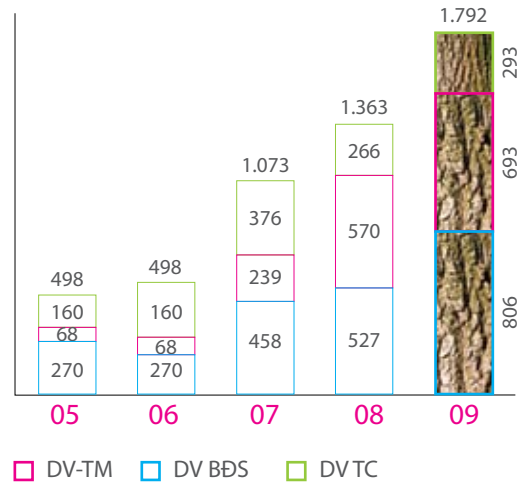


**Tổng tài sản**

Của Công ty tăng từ 498 tỷ đồng ở thời điểm năm 2005 lên đến 1.792 tỷ đồng vào thời điểm cuối năm 2009. Tốc độ tăng trưởng bình quân 51,96%/năm.

Trong giai đoạn này tài sản của Công ty được kiểm tra và điều chỉnh thường xuyên giữa các lĩnh vực đầu tư của Công ty với mục tiêu 50% cho lĩnh vực Dịch vụ - Thương mại, 35-40% cho lĩnh vực Dịch vụ Bất động sản và 10-15% cho lĩnh vực Dịch vụ tài chính.

**Cơ cấu tài sản (Tỷ đồng)**



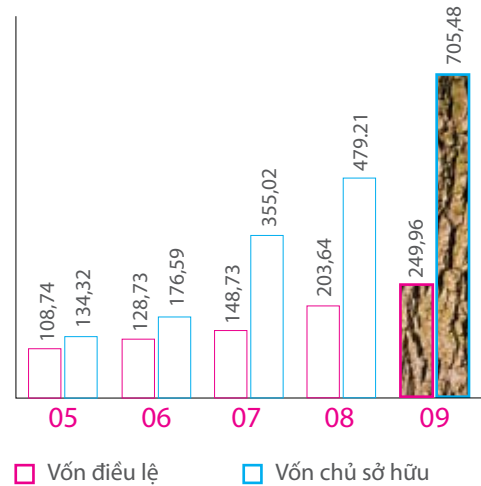
**Vốn điều lệ**

của Công ty tăng từ 108,74 tỷ đồng ở thời điểm năm 2005 lên đến 249,96 tỷ đồng vào thời điểm cuối năm 2009. Tốc độ tăng trưởng bình quân 26,14%/năm.

**Vốn chủ sở hữu**

của Công ty tăng từ 134,32 tỷ đồng ở thời điểm năm 2005 lên đến 705,48 tỷ đồng vào thời điểm cuối năm 2009. Tốc độ tăng trưởng bình quân 85,04%/năm.

**Tăng trưởng vốn (Tỷ đồng)**



# Báo Cáo Của Tổng Giám Đốc

# B

## Mục Tiêu và Phương Hướng Hoạt Động Kinh Doanh Năm 2010 và Giai Đoạn 2010 - 2015

---

### Nhận định tình hình:

Giai đoạn 2010 – 2015, giai đoạn hồi phục kinh tế thế giới, giai đoạn mà kinh tế Việt Nam đặt mục tiêu GDP tăng 6,5% và kiểm chế lạm phát;

Đây cũng là giai đoạn khởi điểm cho những cơ hội để xây dựng và phát triển. Chính vì vậy toàn hệ thống Savico đặt quyết tâm xây dựng và phát triển vượt bậc trong giai đoạn này với mục tiêu tận dụng mọi cơ hội để gia tăng lợi nhuận, tích tụ vốn, khẳng định vị thế của Savico tại thị trường Việt Nam và khu vực.

### Mục tiêu - Nhiệm vụ cụ thể:

Tiếp tục xây dựng và khẳng định vị thế Savico ở 03 lĩnh vực với mục tiêu phát triển bền vững và mở rộng qui mô đầu tư trong phạm vi cả nước và khu vực. Cụ thể:

- Đến năm 2015: Savico trở thành Công ty đầu tư mạnh trong nước và khu vực;
- Đến năm 2020: Savico hội nhập quốc tế.

Lĩnh vực Dịch vụ - Thương Mại: tiếp tục củng cố, nâng cấp, hoàn thiện và mở rộng chuỗi hệ thống phân phối xe ô tô, xe gắn máy. Mở rộng các loại hình sản phẩm ô tô và xe gắn máy cao cấp nhằm mục tiêu giữ vững vị trí là NHÀ CUNG CẤP Ô TÔ, XE GẮN MÁY SỐ 1 tại thị trường Việt Nam.

Lĩnh vực Dịch vụ bất động sản: xây dựng thành công chuỗi hệ thống Trung tâm thương mại, Khu phức hợp tại các trung tâm lớn như Hà Nội, Đà Nẵng, Tp.HCM và Cần Thơ. Trước mắt tập trung hoàn thành Trung tâm thương mại Savico Plaza Hà Nội đưa vào hoạt động trong năm 2011;

Lĩnh vực Dịch vụ tài chính: nhanh chóng xem xét việc thành lập các định chế tài chính phù hợp để giúp điều hành tài chính toàn hệ thống nhằm kiểm soát tốt hiệu quả đầu tư và sử dụng vốn. Tập trung quản lý nguồn vốn đầu tư bằng nguồn vốn tự có của công ty thông qua việc cơ cấu lại tài sản, thanh khoản danh mục đầu tư không hiệu quả, vốn hóa các dự án không nằm trong chiến lược; Đồng thời nhanh chóng xem xét thành lập các định chế tài chính phù hợp để giữ vai trò điều phối trong toàn hệ thống.

Tiếp tục thực hiện việc liên kết ngành, lĩnh vực kinh doanh. Kiểm soát thị phần theo vùng thị trường thông qua việc xây dựng thêm 2 Công ty cổ phần Savico tại Đà Nẵng, Cần Thơ trong năm 2010 và các công ty cổ phần chuyên ngành để gia tăng tính chủ động và hiệu quả đầu tư.

Tập trung xây dựng, phát triển nguồn nhân lực, kết hợp bồi dưỡng chuyên môn, phẩm chất đạo đức, gắn liền bồi dưỡng truyền thống và văn hóa doanh nghiệp vì lợi ích của Công ty. Đây là nhiệm vụ chủ yếu và lâu dài để phát triển công ty bền vững.



**Chỉ tiêu kế hoạch năm 2010: (Hội đồng Quản trị dự kiến trình ĐHĐCĐ phê duyệt)**

Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch 2009	Thực hiện 2009	Kế hoạch 2010 (*)	KH 2010 so với KH 2009 (%)	KH 2010 so với TH 2009 (%)
• Doanh thu bán hàng & dịch vụ	Trđ	2.250.000	3.093.441	<b>4.000.000</b>	177,77	129,30
• Lợi nhuận trước thuế	Trđ	70.500	125.649	<b>100.000</b>	141,84	79,58
• Lợi nhuận sau thuế	Trđ	54.500	99.874	<b>80.000</b>	146,78	80,10
• Thu nhập cổ đông Công ty mẹ	Trđ	42.400	71.885	<b>65.000</b>	153,30	90,42
• Cổ tức	%	10		<b>15</b>	150,00	

(\*) Đây là kế hoạch kinh doanh dự kiến năm 2010, sẽ còn được Công ty xem xét, điều chỉnh sau 6 tháng đầu năm cho phù hợp với tình hình thị trường.

**Giải pháp thực hiện kế hoạch năm 2010:****Lĩnh vực Dịch vụ - Thương mại:**

- Tập trung phát triển lĩnh vực ô tô, xe gắn máy của Savico, duy trì và gia tăng thị phần đối với từng thương hiệu, đặc biệt chú trọng phát triển mảng dịch vụ ô tô, xe gắn máy.
- Đẩy mạnh công tác phát triển mạng lưới kinh doanh nhằm nâng cao vị thế cạnh tranh và hiệu quả đầu tư, cụ thể về lĩnh vực ô tô: Đại lý Toyota 3S Pháp Vân; Toyota 3S Long Biên; Bến Thành Ford; Hyundai Sông Hàn, Đà Nẵng; Hyundai Trần Hưng Đạo, Tp.HCM... Về lĩnh vực xe gắn máy: Công ty Sài Gòn Phương Nam phát triển thêm đại lý Yamaha tại thành phố Hồ Chí Minh; Yamaha Cần Thơ phát triển thêm đại lý thứ 2 tại Cần Thơ; Đại lý Suzuki 3S tại Long Xuyên, An Giang...
- Tập trung thành lập 02 Công ty cổ phần là Savico Đà Nẵng và Savico Cần Thơ để khai thác tiềm năng tại thị trường Miền Trung và Đồng bằng sông Cửu Long.
- Cùng việc phát triển các loại hình dịch vụ ô tô – Autocare, nghiên cứu và phát triển các dự án ngành hàng mới....

**Lĩnh vực Dịch vụ bất động sản:**

- Tập trung hoàn thiện pháp lý và phát triển nhanh các dự án trọng điểm, thu hồi dòng tiền để tái đầu tư vào các dự án khác.
- Tập trung phát triển các dự án trọng điểm như: Khu dân cư Tam Bình-Hiệp Bình Phước, Resort Mercure Sơn Trà Đà Nẵng, 104 Phố Quang, 115-117 Hồ Tùng Mậu, TTTM Savico Plaza Hà Nội, cao ốc văn phòng 277-279 Lý Tự Trọng; xây dựng phương án đầu tư dự án 68 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Quận 1... Đồng thời tìm kiếm cơ hội đầu tư để phát triển các dự án mới.
- Xây dựng hệ thống các công ty tư vấn thiết kế, giám sát, thi công... chuyên nghiệp, tin cậy, để đẩy nhanh tiến độ các dự án.
- Tinh gọn đội ngũ chuyên viên tại bộ phận Bất động sản của Công ty, xây dựng từng Ban quản lý dự án chuyên biệt để tập trung phát triển từng dự án cụ thể.
- Xây dựng giải pháp tổng thể về Tài chính – Bất động sản.

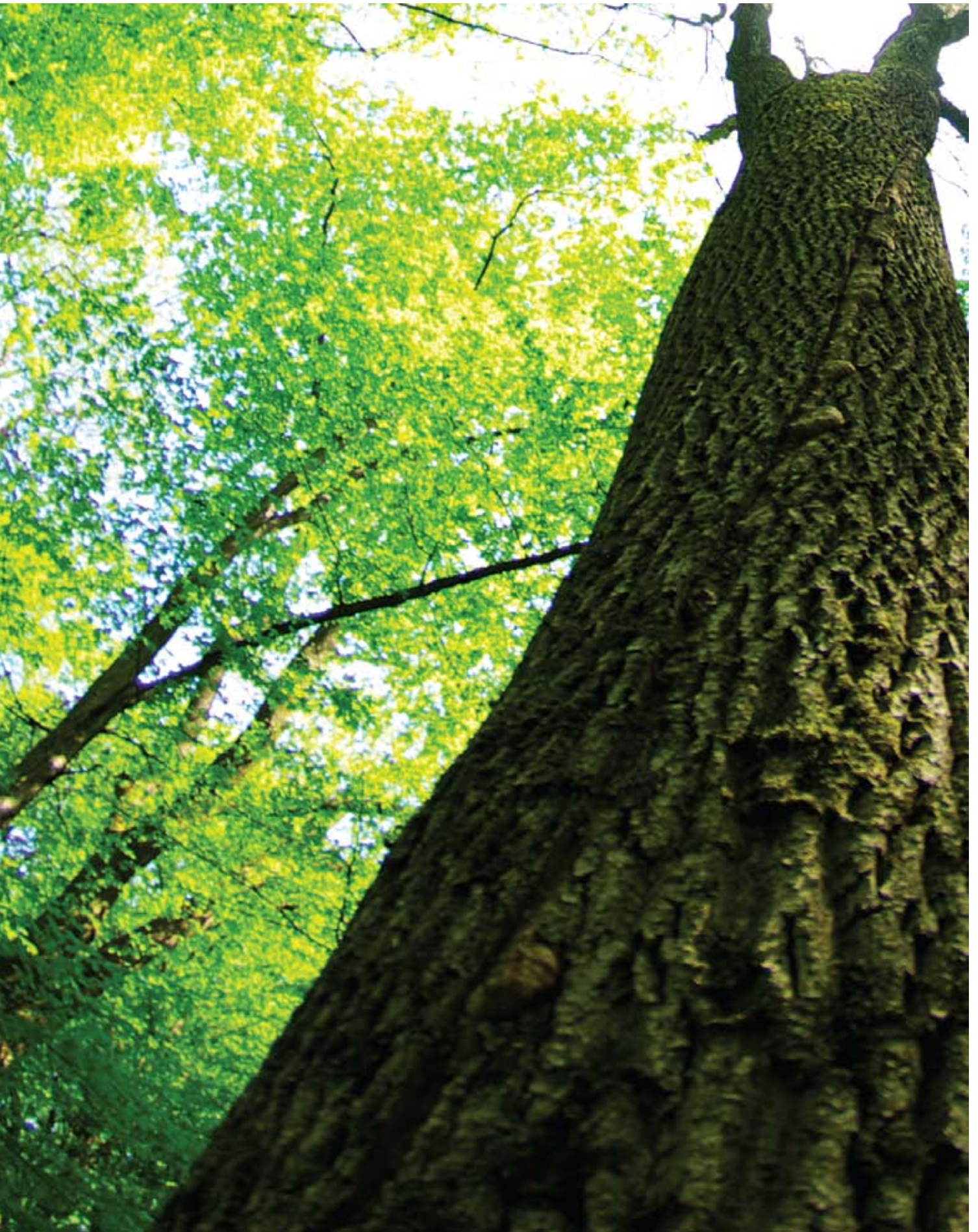
# Báo Cáo Của Tổng Giám Đốc

## Lĩnh vực Tài chính:

- Tiếp tục cơ cấu lại nguồn vốn nhằm đảm bảo hệ thống chỉ tiêu tài chính an toàn, từng bước hướng đến hệ thống chỉ tiêu tài chính phát triển bền vững.
- Tìm kiếm các kênh huy động vốn khác ngoài các tổ chức, ngân hàng truyền thống và chiến lược, nhằm đảm bảo tốt nhu cầu ngày càng phát triển của Công ty, nâng cao hiệu quả sử dụng vốn...
- Tập trung nguồn lực, chuẩn bị các thủ tục cho việc thành lập các định chế tài chính phù hợp nhằm gia tăng hiệu quả tài chính trong toàn hệ thống.
- Theo dõi sát diễn biến tình hình thị trường tài chính, chứng khoán để có cơ sở tái cấu trúc toàn bộ, nâng cao hiệu quả danh mục đầu tư hiện nay, đồng thời có phương án đầu tư hiệu quả cho danh mục mới.
- Tiếp tục nâng cao công tác hạch toán để tăng cường việc giám sát đồng vốn.

## Công tác quản trị:

- Tập trung công tác tuyển dụng, thu hút nguồn nhân lực chuyên nghiệp, có năng lực, đáp ứng nhu cầu nhân sự cho 03 lĩnh vực kinh doanh của Công ty, đặc biệt là đội ngũ phát triển các dự án bất động sản của Công ty.
- Nghiên cứu, áp dụng quy chế tiền lương, các phương thức chi trả lương gắn liền với hiệu quả kinh doanh của từng lĩnh vực, từng bộ phận văn phòng Công ty nhằm khuyến khích động viên người lao động, thu hút nguồn nhân lực có chất lượng chuyên môn cao.
- Hệ thống lại toàn bộ hệ thống văn bản pháp lý nội bộ nhằm gia tăng tính chủ động, sáng tạo, nâng cao hiệu quả và chất lượng công việc.
- Công ty đang thử nghiệm sử dụng “Văn phòng điện tử”.



# Công tác phát triển thương hiệu và tham gia các hoạt động hướng đến cộng đồng

## 1. Công tác phát triển thương hiệu:

Xây dựng và phát triển thương hiệu nhằm khẳng định Savico là một thương hiệu có uy tín. Năm 2009, Savico đã chọn đơn vị tư vấn có uy tín xây dựng hệ thống nhận diện và phát triển thương hiệu. Hiện nay, công tác này đang được thực hiện với các bước cụ thể như: kiểm tra sức khỏe thương hiệu, xây dựng hệ thống nhận diện thương hiệu, thực hiện việc phòng vấn, thu thập thông tin từ cán bộ nhân viên trong hệ thống Savico đến các đối tác, khách hàng, cổ đông nhằm đánh giá mức độ hiểu và nhận biết về thương hiệu Savico để từ đó xây dựng hệ thống nhận diện thương hiệu, kế hoạch truyền thông trong toàn hệ thống dựa trên định hướng chiến lược, mục tiêu hoạt động của công ty 2010 -2015 và tầm nhìn 2020.



Savico đạt giải Sao Vàng Đất Việt

## 2. Các sự kiện nổi bật qua 5 năm cổ phần hóa 2005-2009

- 2.1 Từ một doanh nghiệp nhà nước, Savico chính thức hoạt động theo mô hình công ty cổ phần vào ngày 04/01/2005 với định hướng trở thành Công ty đầu tư hoạt động trên 03 lĩnh vực Dịch vụ - Thương Mại, Dịch vụ Bất động sản và Dịch vụ tài chính.
- 2.2 Savico đã gắn liền việc chuyển đổi mô hình công ty với việc tái cấu trúc bộ máy quản lý, chuyển đổi thành công mô hình quản lý từ **lực kéo** sang **lực đẩy**: từ 4 phòng ban chức năng (31/12/2004 đến 31/12/2009) chuyển thành 09 Bộ phận, đứng đầu là Giám Đốc các Bộ phận chủ động thực hiện theo nhiệm vụ kế hoạch được Tổng Giám Đốc giao;
- 2.3 Quỹ đầu tư Vietnam Opportunity Fund (VOF) và Công ty Bridger Horizon Vietnam Partners, L.P trở thành cổ đông chiến lược đầu tiên của Savico vào ngày 9 tháng 5 năm 2007.
- 2.4 Savico trở thành công ty đại chúng và cổ phiếu của Savico chính thức đăng ký niêm yết và giao dịch với mã chứng khoán SVC tại Trung tâm giao dịch chứng khoán Hà Nội Ngày 21.12.2006. Cổ phiếu Savico chuyển niêm yết và giao dịch từ Trung tâm giao dịch chứng khoán Hà Nội về Sở Giao dịch chứng khoán TP Hồ Chí Minh ngày 1.6.2009.
- 2.5 Thực hiện thành công chiến lược kiểm soát thị trường theo vùng, trên cơ sở thành lập các Công ty cổ phần vùng, các chi nhánh ở các thành phố lớn để hoạt động theo đúng định hướng phát triển của Công ty mẹ.



Lễ trao chứng nhận sở hữu cổ phần cho 2 nhà đầu tư chiến lược



Ông Trần Đắc Sinh, Giám đốc Sở GDCK Tp.HCM trao quyết định niêm yết cổ phiếu cho Savico

- **Miền Bắc:** thành lập Công ty Cổ phần Savico Hà Nội và đã khởi công



Lễ khai trương TTTM Savico Plaza Hà Nội



Chủ tịch HĐQT-TGD Savico nhận giải Doanh nhân tiêu biểu VN



Savico cứu trợ đồng bào lũ lụt tại xã Xuân Quang 2 (Phú Yên)

dự án Savico Plaza Hà Nội vào ngày 29 tháng 6 năm 2009.

- **Miền Trung:** Chi Nhánh Savico Đà Nẵng đã khai trương Trung Tâm Thương Mại Savico Đà Nẵng vào ngày 12 tháng 1 năm 2007.
- **Thành phố Hồ Chí Minh:** ký hợp đồng liên doanh với Công ty Vina Capital thành lập Công ty Liên doanh Savico Vina Land ngày 3 tháng 10 năm 2008 với tổng vốn đầu tư là 48 triệu USD để phát triển dự án 115-117 Hồ Tùng Mậu.
- Công ty CP Toyota Đông Sài Gòn là đơn vị thành viên của Savico khai trương đại lý 3S Toyota tại 18 Phan Văn Trị Gò Vấp vào ngày 26 tháng 11 năm 2008.
- **Cần Thơ và Đồng Bằng Sông Cửu Long:** Chi Nhánh Savico Cần Thơ đã khai trương Trung Tâm Thương Mại Savico Cần Thơ vào ngày 25 tháng 1 năm 2008. Khai trương Công ty TNHH Toyota Cần Thơ, cung cấp sản phẩm và dịch vụ sửa chữa xe Toyota tại Cần Thơ và các tỉnh Đồng Bằng Sông Cửu Long vào ngày 30 tháng 09 năm 2009.

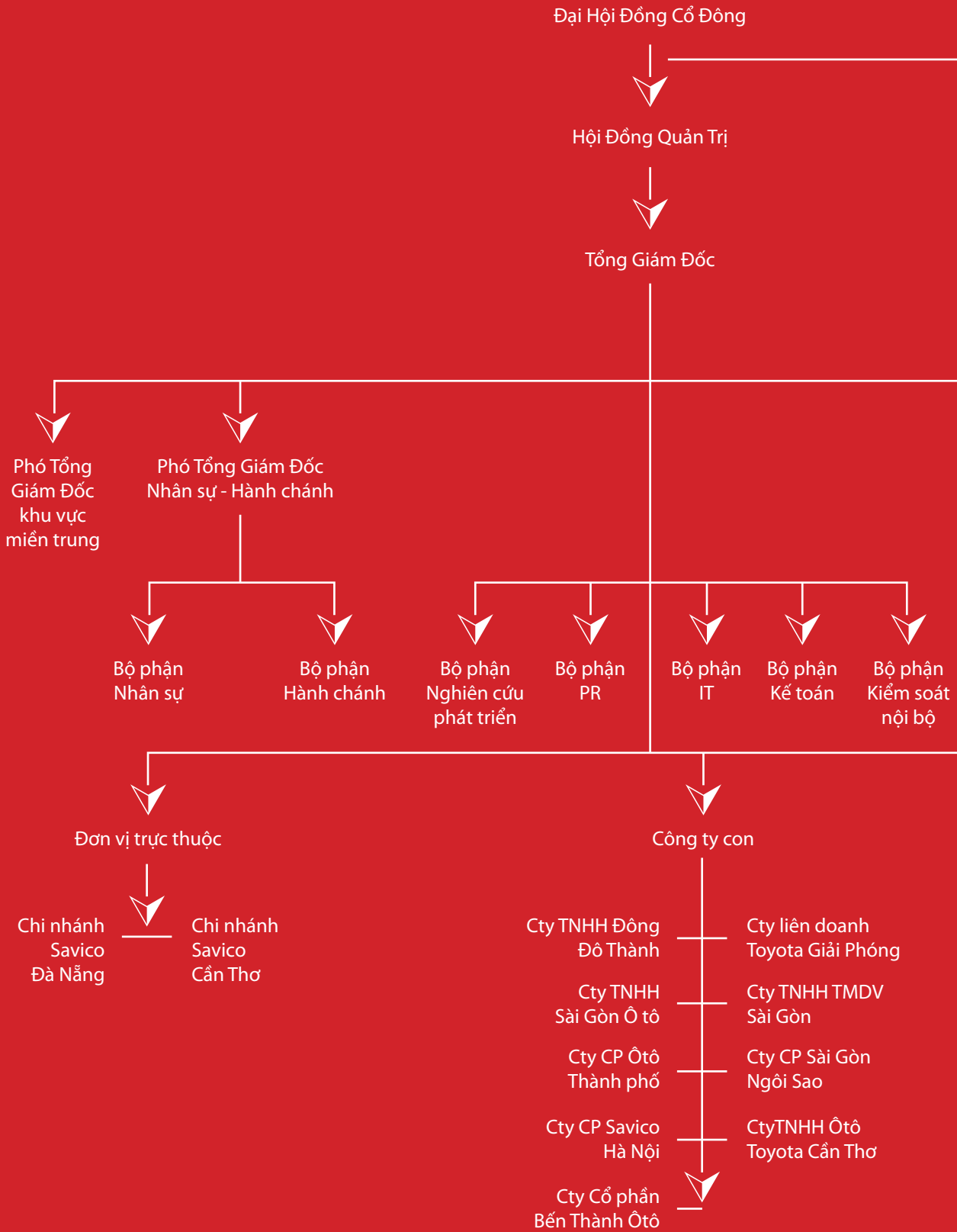
2.6 Savico đã khẳng định uy tín và thương hiệu của mình với đối tác, khách hàng trong và ngoài nước.

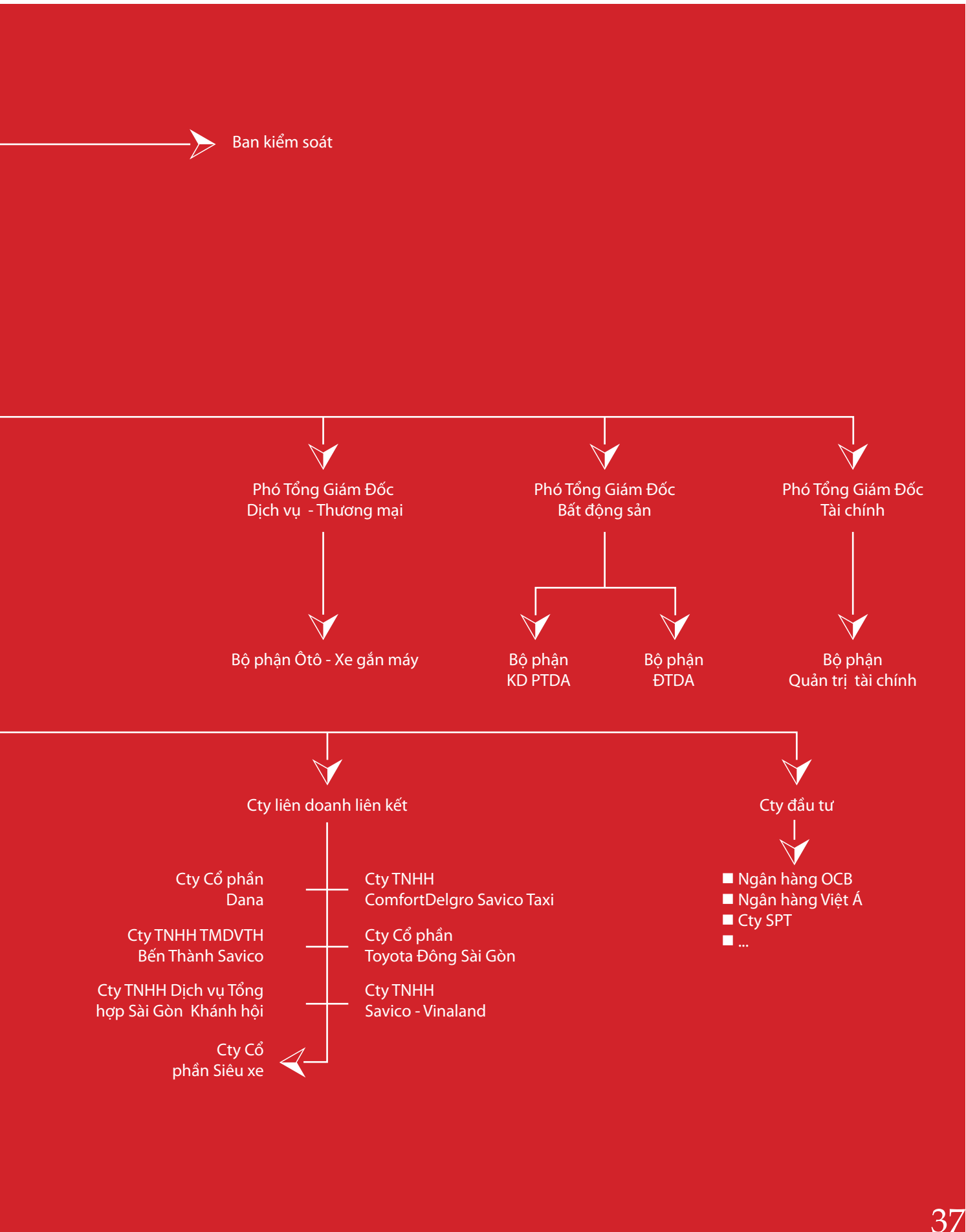
- Chuỗi sự kiện kỷ niệm 25 năm thành lập Công ty (1/9/1982-1/9/2007), đặc biệt với chương trình Đi bộ đồng hành thu hút được sự tham gia của trên 2000 người.
- Savico được công nhận vào Bảng xếp hạng là 1 trong 500 Doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam năm 2008, 2009.
- Đạt giải thưởng Sao Vàng Đất Việt Top 100 trong 3 năm liên tiếp 2007, 2008, 2009.
- Savico nhận giải thưởng Báo cáo thường niên tốt nhất năm 2008.
- Trong năm 2009, Savico có 01 cán bộ quản lý đạt danh hiệu doanh nhân tiêu biểu Việt Nam và 3 cán bộ quản lý đạt danh hiệu Doanh Nhân Sài Gòn tiêu biểu.

### 3. Các hoạt động hướng đến cộng đồng:

Hoạt động của Savico bên cạnh nhiệm vụ tổ chức kinh doanh có hiệu quả luôn hướng đến cộng đồng xã hội. Trong 5 năm qua (2005-2009), kinh phí dành cho các hoạt động xã hội của toàn hệ thống Savico trên 5,3 tỉ đồng gồm các chương trình: thực hiện chính sách đền ơn đáp nghĩa như chăm sóc mẹ VN anh hùng, xây dựng 16 nhà tình nghĩa, 09 nhà tình thương, đóng góp xây dựng các quỹ xóa đói giảm nghèo, Quỹ Vì Trẻ thơ bất hạnh, Quỹ khuyến học Quận Cái Răng v.v... Đặc biệt, năm 2009 Savico đã tổ chức Chương trình Cứu trợ - Về nguồn trực tiếp đến thăm và tặng quà cho đồng lũ lụt tại Xã Xuân Quang 2 thuộc tỉnh Phú Yên, thăm và tặng quà cho thương bệnh binh neo đơn tại bệnh xá Đặng Thùy Trâm, đồng thời viếng thăm các di tích lịch sử như Nghĩa trang Liệt sĩ Trường Sơn, Ngã ba Đồng Lộc.

# Hệ Thống Quản Trị và Nguồn Nhân Lực





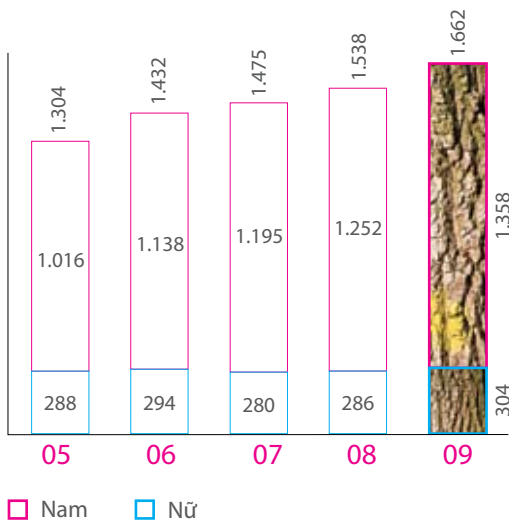
# Hệ Thống Quản Trị và Nguồn Nhân Lực

## CÔNG TÁC QUẢN TRỊ NGUỒN NHÂN LỰC

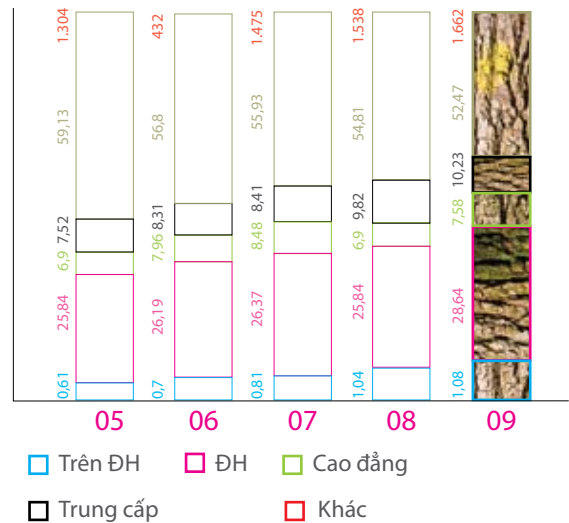
### Các biểu đồ về số lượng nhân sự, trình độ trong toàn hệ thống:

Tổng số lao động tính đến ngày 31/12/2009 là 1.662 người (riêng công ty cổ phần savico 131 lao động)

**Biểu đồ về tổng số lao động toàn hệ thống**



**Trình độ chuyên môn của CB-CNV toàn hệ thống**



### Thành tựu nổi bật của chính sách phát triển nguồn nhân lực qua 05 năm cổ phần hóa:

Chính sách đầu tư về phát triển nguồn nhân lực của Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn (Savico) trải qua 05 năm cổ phần hóa đã thu được một số kết quả khả quan như:

Hệ thống chính sách nhân sự ngày càng hoàn thiện, nâng cao qua từng năm với mục tiêu cao nhất là hình thành một đội ngũ quản trị chuyên nghiệp, có chuyên môn giỏi. Chất lượng nguồn nhân lực của công ty ngày càng phát triển về số lượng và chất lượng; đội ngũ cán bộ lãnh đạo - quản lý của Công ty đa số trẻ, có tầm nhìn chiến lược; đội ngũ chuyên viên có trình độ chuyên môn nghiệp vụ, kỹ năng cao là tài sản quý giá nhất để thực hiện các mục tiêu chiến lược của Công ty đề ra.





Hợp mặt trao học bổng "Chấp cảnh ước mơ"



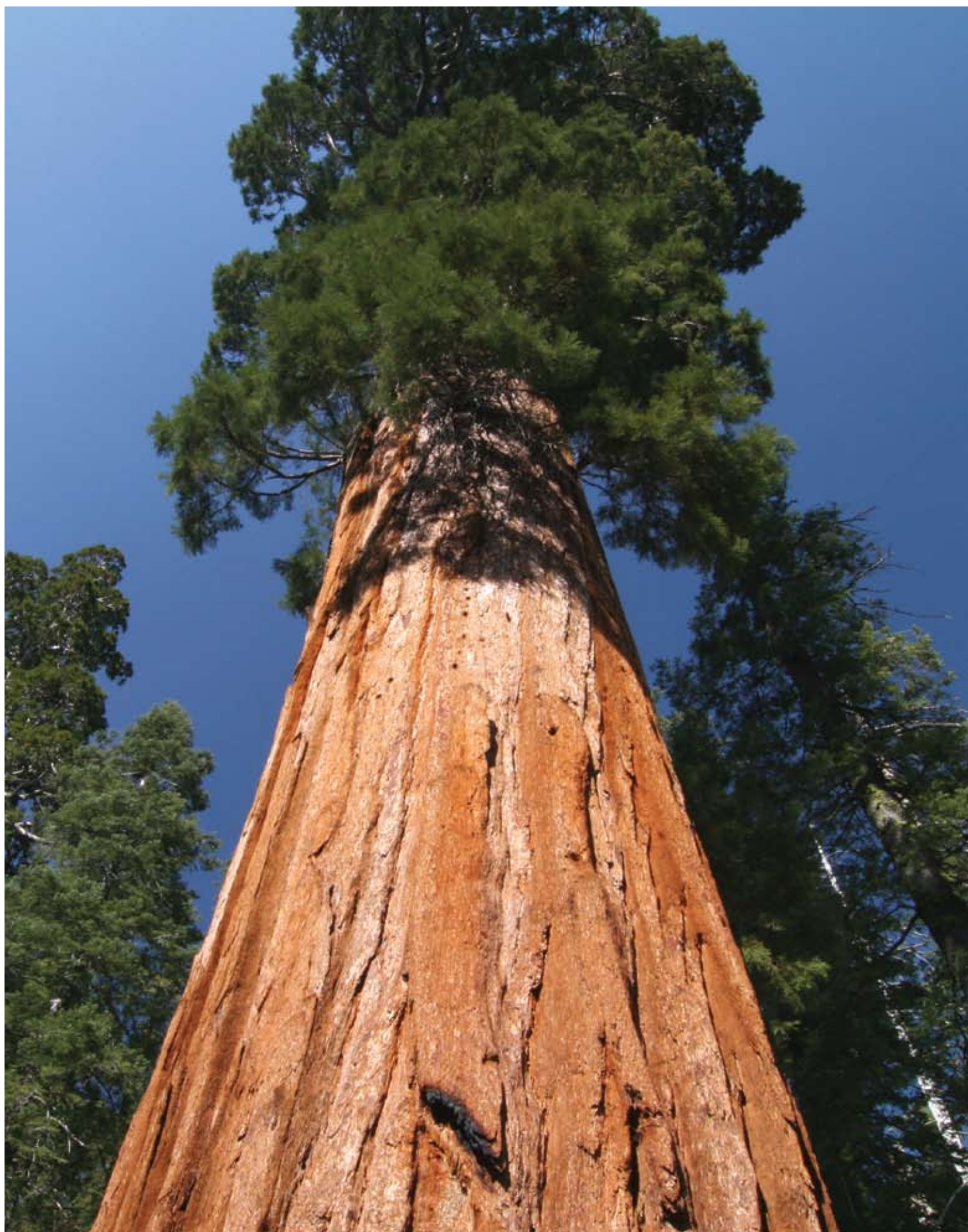
Lớp học tài chính kế toán dành cho lãnh đạo

### Công tác quản trị nguồn nhân lực:

Trong năm 2009, Công ty đã đẩy mạnh việc triển khai thực hiện các chương trình tuyển dụng, đào tạo và duy trì phát triển nguồn nhân lực như sau:

- Savico xác định nguồn nhân lực là yếu tố cốt lõi đối với sự phát triển của công ty; vì vậy, nguyên tắc tuyển dụng của Công ty là lựa chọn những ứng viên tốt nhất vào vị trí phù hợp dựa trên trình độ, năng lực, niềm đam mê của ứng viên để bố trí công việc phù hợp. Bên cạnh đó Công ty còn trao học bổng cho các sinh viên và tổ chức chương trình "Quản trị viên tập sự" để thu hút nguồn lực.
- Với quan niệm đào tạo nguồn nhân lực là một hình thức đầu tư chiến lược, các chương trình đào tạo luôn được thiết kế một cách hiệu quả dựa trên yêu cầu thực tiễn kinh doanh của Công ty và các đơn vị trong hệ thống nhằm đảm bảo cho CBNV có thể áp dụng những kiến thức được đào tạo vào trong công việc như các khóa học nâng cao năng lực quản lý, nghiệp vụ chuyên môn.
- Việc đánh giá nhân sự được thực hiện thường xuyên hàng quý, 06 tháng nhằm phân tích đánh giá chất lượng thực hiện công việc của từng CBNV, qua đó thực hiện chính sách tiền lương phù hợp, nhằm gia tăng hiệu quả công việc cho CBNV.

## Thông Tin Cổ Đông và Quản Trị Công Ty



## HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN KIỂM SOÁT NĂM 2009

### Hoạt động của Hội đồng Quản trị

#### Kết quả thực hiện Nghị quyết của ĐHĐCĐ năm 2009:

HĐQT đã thực hiện nhiệm vụ của ĐHĐCĐ giao một cách cẩn trọng, ngay từ đầu năm đã tổ chức nhiều phiên họp để chỉ đạo Ban Điều Hành (BDH) và cán bộ quản lý điều hành tại các công ty trong hệ thống Công ty cổ phần Savico tìm ra các giải pháp tích cực, đặc biệt tập trung chỉ đạo các công ty thành viên tận dụng các cơ hội phát triển hệ thống 3S, 2S ô tô- xe gắn máy gồm có 6 đại lý ô tô, 4 đại lý xe gắn máy, trong đó 3 đại lý đã đi vào hoạt động, đồng thời củng cố và phát triển hệ thống cung ứng dịch vụ. Thực hiện cơ cấu lại nguồn vốn, triển khai các dự án bất động sản trọng tâm, vốn hóa một số dự án để cân đối tài chính tập trung nguồn vốn đầu tư cho các dự án tốt. Tổ chức theo dõi tình hình thực hiện Nghị quyết, quyết định của ĐHĐCĐ, HĐQT định kỳ hàng tháng, quý, qua đó, giúp cho HĐQT có những chỉ đạo kịp thời cho BDH tận dụng các cơ hội, khai thác những nguồn lực của công ty một cách tốt nhất.

Điểm nổi bật, HĐQT đã thường xuyên bám sát các chỉ đạo của Chính phủ, UBND Thành phố về tình hình diễn biến thị trường tài chính, bất động sản để phân tích, đánh giá và có các quyết định kịp thời, chính xác với tình hình diễn biến của thị trường nhằm cơ cấu lại các danh mục đầu tư. Thực hiện Nghị quyết ĐHĐCĐTN 2009, Công ty đã tiến hành chuyển niêm yết và giao dịch cổ phiếu Savico (SVC) từ Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội vào Sở Giao dịch chứng khoán Tp.HCM từ ngày 01/06/2009, đây là quyết định đúng đắn, kịp thời nhằm gia tăng hiệu quả của công ty.

#### Hoạt động của HĐQT:

HĐQT đã tổ chức 07 phiên họp, và trưng cầu trên 40 lần bằng hình thức gửi Phiếu xin ý kiến bằng văn bản cho các thành viên HĐQT, qua đó đã ban hành 68 quyết định liên quan đến các lĩnh vực hoạt động của Công ty, cụ thể:

- 11 quyết định về việc thành lập Công ty và Chi nhánh;
- 10 quyết định liên quan đến lĩnh vực Dịch vụ BĐS;
- 17 quyết định liên quan đến lĩnh vực Dịch vụ Tài chính;
- 12 quyết định về nhân sự;
- 18 quyết định về một số vấn đề hoạt động của Công ty;
- Trong năm, đã kiểm tra việc thực hiện Quy chế Quản trị và các quy định do HĐQT ban hành, tổ chức cuộc họp với các Tiểu ban HĐQT để phân tích, đánh giá tình hình thực tiễn, dự báo xu hướng phát triển của lĩnh vực kinh doanh và hoạch định chiến lược năm 2010 – 2015, tầm nhìn 2020.
- Tiếp tục thu hút nguồn nhân lực có trình độ để tăng cường hiệu quả quản trị giúp cho Ban Điều Hành, cử nhân sự làm người đại diện vốn của Công ty tại các doanh nghiệp khác, bổ sung thêm 03 thành viên vào Tiểu Ban Tài chính của HĐQT. Các Tiểu Ban Tài Chính, Bất Động Sản, Dịch vụ Thương Mại đã có nhiều tham mưu, tư vấn, hỗ trợ cho các hoạt động của HĐQT, qua đó đã giúp cho HĐQT có những quyết định kịp thời và hiệu quả.

# Thông Tin Cổ Đông và Quản Trị Công Ty

## Giám sát quản lý điều hành:

HĐQT đã thường xuyên giám sát các hoạt động của TGD, bộ máy giúp việc cho TGD và người đại diện phần vốn tại các công ty có vốn góp của Savico, phối hợp với Ban Kiểm soát của Công ty xây dựng kế hoạch kiểm tra định kỳ và đột xuất về các mặt hoạt động như:

- Thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch của ĐHĐCĐ và HĐQT.
- Các nội dung thực hiện Nghị quyết ĐHĐCĐ, và báo cáo kết quả đã thực hiện các quyết định HĐQT đã ban hành.
- Hàng quý HĐQT xem xét, đánh giá việc thực hiện kế hoạch kinh doanh và các chỉ tiêu kinh tế để có biện pháp chỉ đạo kịp thời cho BĐH đáp ứng các yêu cầu về nguồn lực cho các hoạt động của Công ty.
- Tổ chức chỉ đạo và giám sát việc phát hành cổ phiếu cho nhà đầu tư riêng lẻ thực hiện nghiêm túc, tuân thủ theo các qui định của UBCK Nhà nước, Điều lệ Công ty cổ phần Savico, và pháp luật hiện hành.
- Kiểm tra tình hình chấp hành việc tuân thủ các qui định của Nhà nước và các cơ quan chức năng, các qui định hoạt động của Công ty.
- HĐQT đã chỉ đạo Tiểu Ban Tài Chính xây dựng qui chế đầu tư tài chính và hệ thống xử lý phòng ngừa rủi ro giúp HĐQT chỉ đạo kịp thời để thanh khoản danh mục đầu tư góp phần gia tăng hiệu quả đầu tư tài chính của Công ty.

## Hoạt động của Ban Kiểm soát :

Trong năm 2009, Ban Kiểm Soát đã kiểm tra tình hình hoạt động, thẩm định báo cáo tài chính hợp nhất và báo cáo riêng theo định kỳ (6 tháng, 9 tháng, cả năm) với những nội dung kiểm tra chủ yếu như sau :

Việc tuân thủ các chuẩn mực kế toán và chế độ tài chính hiện hành trong việc ghi nhận tài sản và nguồn vốn, doanh thu, chi phí, xác định kết quả kinh doanh trong kỳ, tính tuân thủ chế độ hiện hành trong công tác hạch toán, kế toán;

Kiểm tra tình hình tài chính bao gồm: việc xác định cơ cấu tài sản (tài sản ngắn hạn, tài sản dài hạn) và cơ cấu nguồn vốn (Nợ phải trả và vốn Chủ sở hữu) của công ty trong từng kỳ;

Phối hợp cùng Ban Điều hành, kiểm tra tình hình hoạt động tại các đơn vị trong hệ thống của Savico ở miền Bắc, miền Trung và Cần Thơ..

Qua đó Ban Kiểm soát đã đưa ra những kiến nghị nhằm khắc phục những tồn tại trong công tác quản trị tài chính, quản trị tài sản của Công ty.

**TỶ LỆ SỞ HỮU CỔ PHẦN CỦA CÁC THÀNH VIÊN TRONG HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC, KẾ TOÁN TRƯỞNG TRONG NĂM 2009:**

STT	Họ tên	Chức vụ	Số cổ phần sở hữu (CP)	Tỷ lệ sở hữu (%)
1	Nguyễn Vĩnh Thọ	Chủ tịch HĐQT Tổng Giám đốc	162.712	0,65%
2	Nguyễn Bình Minh	Thành viên HĐQT Phó Tổng Giám đốc	67.900	0,27%
3	Hoàng Thị Thảo	Thành viên HĐQT Kế toán trưởng	48.473	0,19%
4	Tê Trí Dũng	Thành viên HĐQT	28.500	0,11%
5	Võ Hiến	Thành viên HĐQT Phó Tổng Giám đốc	77.673	0,31%
6	Lê Điền	Thành viên HĐQT	64.933	0,26%
7	Lương Quang Hiến	Thành viên HĐQT	-	0,00%
8	Tạ Phước Đạt	Phó Tổng Giám đốc	27.726	0,11%
9	Mai Việt Hà	Phó Tổng Giám đốc	7.800	0,03%
10	Phan Tuấn Dũng	Phó Tổng Giám đốc	88.300	0,35%
11	Lê Xuân Đức	Trưởng BKS	4.693	0,02%
12	Nguyễn Phúc Hưng	Thành viên BKS	44.750	0,18%
13	Nguyễn Phương Loan	Thành viên BKS	2.347	0,01%

# Thông Tin Cổ Đông và Quản Trị Công Ty

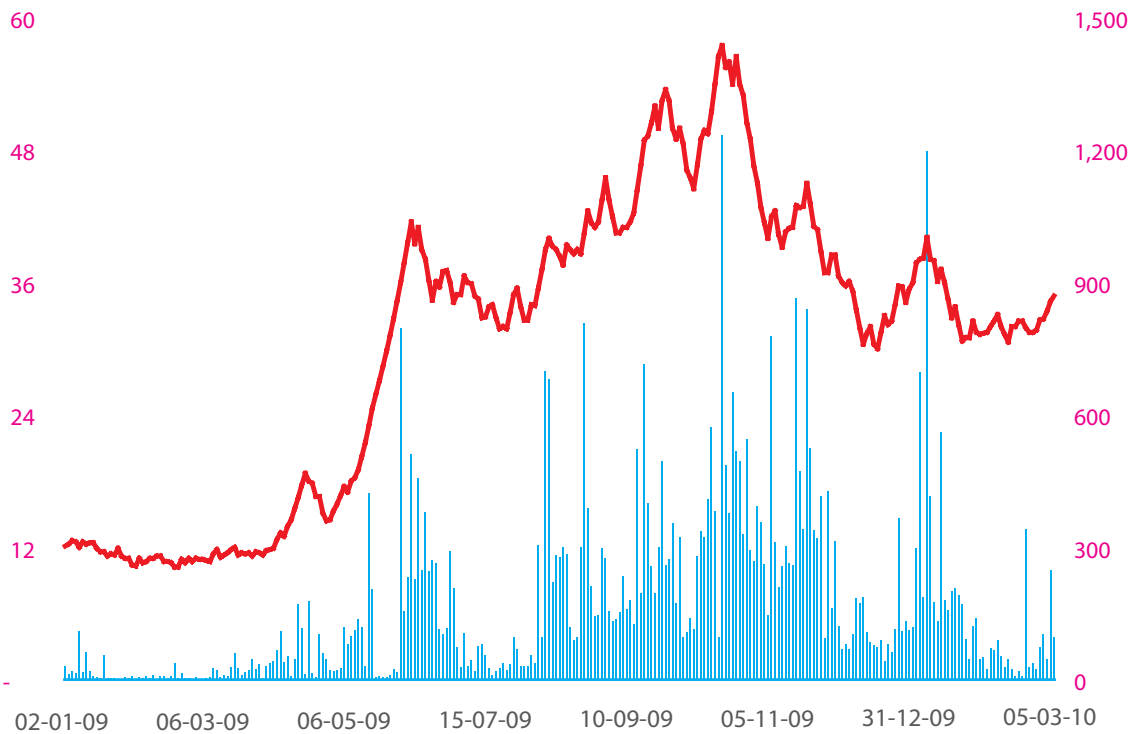
## GIAO DỊCH CỔ PHIẾU CỦA CỔ ĐÔNG NỘI BỘ VÀ NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN:

STT	Tên tổ chức/ người giao dịch	Phân loại cổ đông	Số lượng CP trước ngày giao dịch	Số lượng CP giao dịch		Số lượng CP sau ngày giao dịch	Thời gian thực hiện
				Mua	Bán		
1	Tê Trí Dũng	Thành viên HĐQT	-	28.500	-	28.500	10/04/09 đến 08/05/09
2	VOF Investment Limited	Cổ đông lớn	1.652.000	-	290.000	1.362.000	10/06/09 đến 12/06/09
3	Bridger Horizon VietNam Partners, L.P	Cổ đông lớn	1.333.333	-	333.330	1.000.003	17/06/09 đến 22/06/09
4	VOF Investment Limited	Cổ đông lớn	1.362.000	6.910	283.400	1.085.510	29/07/09 đến 25/09/09
5	VOF Investment Limited	Cổ đông lớn	1.085.510	-	69.750	1.015.760	28/09/09 đến 29/09/09
6	Quỹ tầm nhìn SSI	Cổ đông lớn	881.520	200.000	-	1.081.520	16/10/09
7	Quỹ tầm nhìn SSI	Cổ đông lớn	1.081.520	691.439	-	1.772.959	19/10/09 đến 02/11/09
8	Công ty TNHH Quản lý quỹ SSI	Người có liên quan của Quỹ tầm nhìn SSI	36.970	1.000.000	36.970	1.000.000	19/10/09 đến 02/11/09
9	Quỹ tầm nhìn SSI	Cổ đông lớn	1.772.959	79.000	189.000	1.662.959	03/11/09 đến 16/11/09
10	Công ty TNHH Quản lý quỹ SSI	Người có liên quan của Quỹ tầm nhìn SSI	1.000.000	-	219.000	781.000	03/11/09 đến 16/11/09
11	Quỹ tầm nhìn SSI	Cổ đông lớn	1.662.959	372.000	108.860	1.926.099	17/11/09 đến 11/12/09
12	Công ty TNHH Quản lý quỹ SSI	Người có liên quan của Quỹ tầm nhìn SSI	781.000	180.000	159.000	802.000	17/11/09 đến 11/12/09
13	Quỹ tầm nhìn SSI	Cổ đông lớn	1.926.099	30.000	389.000	1.567.099	14/12/09 đến 07/01/10
14	Công ty TNHH Quản lý quỹ SSI	Người có liên quan của Quỹ tầm nhìn SSI	802.000	223.900	318.120	707.780	14/12/09 đến 07/01/10
15	Tổng công ty Bến Thành	Cổ đông lớn	6.776.393	1.000.000	145.670	7.630.723	22/10/09 đến 21/01/10

**THÔNG TIN VỀ CỔ PHIẾU CỦA SAVICO NĂM 2009 :**

<b>Thống kê cổ phiếu trong năm 2009</b>	<b>Đvt</b>	<b>Số liệu</b>
Giá ngày 31/12/08	đồng/ CP	11.200
Giá ngày 31/12/09	đồng/ CP	36.000
Giá cao nhất trong năm	đồng/ CP	59.000
Giá thấp nhất trong năm	đồng/ CP	9.900
Tổng khối lượng giao dịch	CP	40.187.251
Khối lượng giao dịch bình quân/ phiên	CP/ phiên	166.752
Tại HNX	CP/ phiên	38.850
Tại HSX	CP/ phiên	240.317
Khối lượng CP niêm yết	CP	24.995.573
Khối lượng CP lưu hành	CP	24.995.572
Tổng giá trị vốn hoá thị trường (ngày 31/12/09)	tỷ đồng	899.8
Tổng giá trị sổ sách của Công ty (ngày 31/12/09)	tỷ đồng	705.5
EPS (2009)	đồng/ CP	3.425
P/E (31/12/09)	lần	10,51
P/B (31/12/09)	lần	1,28
Tỷ lệ sở hữu của nhà đầu tư nước ngoài (18/03/10)	%	8,66%
Tỷ lệ sở hữu của cổ đông Nhà nước( 18/03/10)	%	30,53%

**Diễn biến giá đóng cửa và khối lượng giao dịch trong năm 2009:**



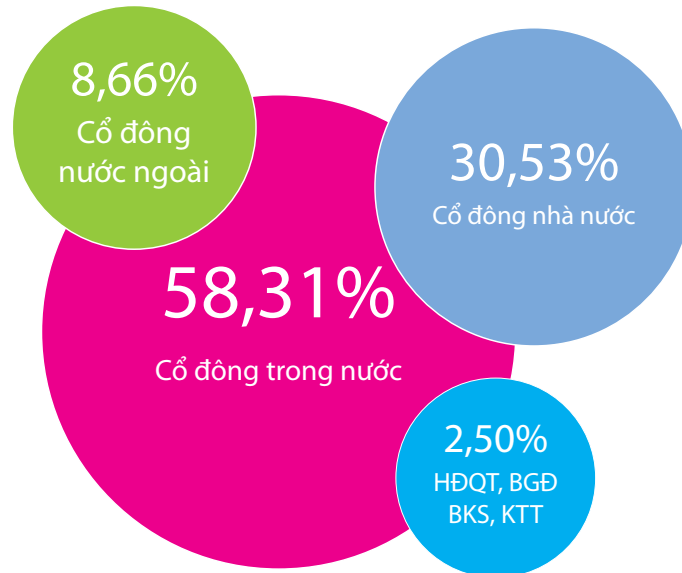
# Thông Tin Cổ Đông và Quản Trị Công Ty

## Việc mua/bán cổ phiếu quỹ:

Trong năm qua công ty đã thực hiện bán 221.060 cổ phiếu quỹ có giá mua bình quân 16.035 đồng/ cổ phần, thu về 8.642 triệu đồng với giá bán bình quân đạt 39.098 đồng/cổ phần.

Cơ cấu cổ đông theo danh sách chốt ngày 18/3/2010

STT	Phân loại cổ đông	Khối lượng	Tỷ lệ nắm giữ	Số lượng cổ đông	Cơ cấu cổ đông	
					Tổ chức	Cá nhân
1	Cổ đông Nhà Nước	7.630.723	30,53%	1	1	-
2	HĐQT, BGĐ, BKS, KTT	625.807	2,50%	13		13
3	Cổ đông trong nước	14.574.278	58,31%	2.832	57	2.775
4	Cổ đông nước ngoài	2.164.765	8,66%	53	13	40
<b>Tổng cộng</b>		<b>24.995.573</b>	<b>100%</b>	<b>2.899</b>	<b>71</b>	<b>2.828</b>



## Danh sách cổ đông lớn (sở hữu trên 5% Vốn điều lệ):

STT	Cổ đông	Địa chỉ	Số lượng CP sở hữu	Tỷ trọng
1	Tổng Công ty Bến Thành	71-79 Đồng Khởi, Q.1, TP.HCM	7.630.723	30,53%
2	Quý Tầm nhìn SSI	1703, Cao ốc Sun Wah, 115 Nguyễn Huệ, Q.1, TP.HCM	1.629.099	6,52%
<b>Tổng cộng</b>			<b>9.259.822</b>	<b>37,05%</b>





Chủ tịch HĐQT Savico làm việc tại Sở giao dịch chứng khoán Hàn Quốc

## CÔNG TÁC QUAN HỆ NHÀ ĐẦU TƯ (IR):

Công tác quan hệ nhà đầu tư (IR) luôn được Savico xem là nhiệm vụ quan trọng trong việc xây chiến lược hoạt động và phát triển lâu dài, giúp tăng cường niềm tin của nhà đầu tư, khách hàng, cổ đông đối với Công ty.

Bên cạnh việc thực hiện đúng các yêu cầu công bố thông tin của công ty đại chúng theo qui định của Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước, Sở Giao dịch Chứng khoán Thành Phố Hồ Chí Minh, thông tin về tình hình hoạt động của Công ty luôn được cập nhật trên các phương tiện thông tin đại chúng, đặc biệt là website của Công ty. Chỉ cần truy cập vào địa chỉ website [www.savico.com.vn](http://www.savico.com.vn), nhà đầu tư có thể cập nhật được toàn bộ những thông tin, sự kiện và các báo cáo của Công ty một cách kịp thời và nhanh chóng. Thông qua website, địa chỉ email [savico@savico.com.vn](mailto:savico@savico.com.vn), Công ty đã kịp thời giải đáp những thắc mắc, cũng như tiếp nhận những chia sẻ góp ý từ các cổ đông, nhà đầu tư để tiếp tục nâng cao hiệu quả hoạt động của Công ty với quan điểm mọi cổ đông đều bình đẳng về lợi ích.

Trong năm 2009, Savico đã phát hành chương trình thẻ Savico Member Card trong toàn hệ thống nhằm kết nối và đem lại giá trị gia tăng cho khách hàng, đối tác cổ đông của Công ty.

Nhằm cung cấp đầy đủ thông tin liên quan đến các lĩnh vực hoạt động của Công ty và mong muốn tiếp thu những ý kiến đóng góp của cổ đông, các nhà đầu tư trong tháng 2 năm 2009, Savico đã tổ chức buổi gặp gỡ với các cổ đông, nhà đầu tư. Qua buổi tọa đàm nhà đầu tư được hiểu thêm về kết quả hoạt động kinh doanh trong năm 2008 và định hướng phát triển của Savico trong thời gian tới.

Savico cũng đã tổ chức buổi gặp mặt các nhà đầu tư vào tháng 9 năm 2009 với sự tham gia của hơn 50 nhà đầu tư đại diện cho hơn 35 tổ chức nhằm giới thiệu đợt chào bán riêng lẻ 4,6 triệu cổ phiếu, qua đó đã góp phần vào việc phát hành thành công toàn bộ số lượng cổ phiếu trên.

Ngoài ra, ban lãnh đạo của công ty không ngừng xúc tiến mở rộng các cơ hội đầu tư, quảng bá hình ảnh Savico với bạn bè khu vực và quốc tế thông qua các buổi làm việc với Sở giao dịch chứng khoán Hàn Quốc, Quỹ đầu tư JP Morgan, Quỹ đầu tư Duxton, Quỹ đầu tư VOI, ...

# Báo cáo tài chính



# Thông tin Công ty

<b>Quyết định số</b>	3448/QĐ-UB	ngày 9 tháng 7 năm 2004
	3449/QĐ-UB	ngày 9 tháng 7 năm 2004

Các Quyết định này do Ủy Ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

<b>Giấy phép Kinh doanh</b>	Số 4103002955 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp 15 tháng 12 năm 2004, điều chỉnh lại ngày 13 tháng 5 năm 2005, ngày 12 tháng 12 năm 2006, ngày 13 tháng 12 năm 2006 và ngày 30 tháng 3 năm 2007, ngày 4 tháng 11 năm 2008. Ngày 15 tháng 10 năm 2009, điều chỉnh lần thứ 6, số giấy chứng nhận đăng kí kinh doanh và đăng kí thuế là 0301154821.
-----------------------------	-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------

<b>Hội đồng Quản trị</b>	Ông Nguyễn Vĩnh Thọ	Chủ tịch
	Ông Tế Trí Dũng	Thành viên
	Bà Hoàng Thị Thảo	Thành viên
	Ông Lê Điền	Thành viên
	Ông Nguyễn Bình Minh	Thành viên
	Ông Trần Kim Thành	Thành viên (đến ngày 10 tháng 7 năm 2009)
	Ông Võ Hiến	Thành viên
	Ông Lương Quang Hiến	Thành viên (từ ngày 10 tháng 7 năm 2009)

<b>Ban Giám đốc</b>	Ông Nguyễn Vĩnh Thọ	Tổng Giám đốc
	Ông Nguyễn Bình Minh	Phó Tổng Giám đốc
	Ông Tạ Phước Đạt	Phó Tổng Giám đốc
	Ông Võ Hiến	Phó Tổng Giám đốc
	Ông Phan Tuấn Dũng	Phó Tổng Giám đốc
	Ông Mai Việt Hà	Phó Tổng Giám đốc

<b>Ban Kiểm soát</b>	Ông Lê Xuân Đức	Trưởng ban
	Bà Nguyễn Phương Loan	Thành viên
	Ông Nguyễn Phúc Hưng	Thành viên

<b>Trụ sở đăng ký</b>	68 Nam Kỳ Khởi Nghĩa Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh Việt Nam
-----------------------	-------------------------------------------------------------------

<b>Đơn vị kiểm toán</b>	Công ty TNHH KPMG Việt Nam
-------------------------	-------------------------------

# Báo cáo của Kiểm toán viên độc lập

**Kính gửi các Cổ đông  
Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn**

## Phạm vi kiểm toán

Chúng tôi đã kiểm toán bảng cân đối kế toán hợp nhất của Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn và các công ty con ("Tập đoàn") tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 và báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất, thay đổi vốn chủ sở hữu hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo. Các báo cáo tài chính hợp nhất này thuộc trách nhiệm của Ban điều hành Tập đoàn. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo này dựa trên công việc kiểm toán của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện kiểm toán theo Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi lập kế hoạch và thực hiện kiểm toán để có được đảm bảo hợp lý rằng các báo cáo tài chính không chứa đựng các sai sót trọng yếu. Công việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra trên cơ sở chọn mẫu, các bằng chứng xác minh cho các số liệu và thuyết minh trong báo cáo tài chính. Việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá các chính sách kế toán và các ước tính trọng yếu của Ban điều hành, cũng như đánh giá việc trình bày tổng quan báo cáo tài chính hợp nhất. Chúng tôi tin rằng công việc kiểm toán đã đưa ra cơ sở hợp lý làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

## Ý kiến kiểm toán

Theo ý kiến của chúng tôi, các báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh hợp lý, trên tất cả các phương diện trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn và các công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2009, kết quả hoạt động kinh doanh và luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các nguyên tắc kế toán được chấp thuận rộng rãi tại Việt Nam.

## Công ty TNHH KPMG

Việt Nam

Giấy chứng nhận Đầu tư số: 011043000345

Báo cáo kiểm toán số: 09-01-153



Lucas Kurmiawan

Chứng chỉ kiểm toán số N1583/KTV

Phó Tổng Giám đốc

Nguyễn Thanh Nghị

Chứng chỉ kiểm toán viên số 0304/KTV

Thành phố Hồ Chí Minh, 18 tháng 3 năm 2010

## Bảng cân đối kế toán hợp nhất

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2009

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2009 VNĐ	31/12/2008 VNĐ
<b>TÀI SẢN</b>				
<b>Tài sản ngắn hạn</b>	<b>100</b>		<b>521.121.849.396</b>	<b>367.076.207.609</b>
Tiền và tương đương tiền	110	4	161.869.131.480	49.130.501.895
<b>Đầu tư ngắn hạn</b>	<b>120</b>	<b>5</b>	<b>35.633.284.631</b>	<b>46.551.022.680</b>
Đầu tư ngắn hạn	121		52.922.284.631	70.651.488.532
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		(17.289.000.000)	(24.100.465.852)
<b>Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>211.516.014.380</b>	<b>187.045.077.164</b>
Phải thu thương mại	131		75.924.078.311	46.315.835.208
Trả trước cho người bán	132	6	91.349.631.557	111.873.041.485
Phải thu khác	138		45.284.562.103	30.025.474.832
Dự phòng phải thu khó đòi	139	7	(1.042.257.591)	(1.169.274.361)
<b>Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>8</b>	<b>94.686.470.498</b>	<b>71.484.902.978</b>
Hàng tồn kho	141		99.346.719.662	75.639.267.407
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(4.660.249.164)	(4.154.364.429)
<b>Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>17.416.948.407</b>	<b>12.864.702.892</b>
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		5.741.079.982	1.384.913.953
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		4.693.133.139	1.176.481.874
Thuế phải thu ngân sách Nhà nước	154		-	103.052.330
Tài sản ngắn hạn khác	158		6.982.735.286	10.200.254.735
<b>Tài sản dài hạn</b>	<b>200</b>		<b>1.271.229.163.268</b>	<b>996.176.060.514</b>
<b>Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>5.906.653.139</b>	<b>17.081.269.503</b>
<b>Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>405.096.824.068</b>	<b>337.423.863.671</b>
Tài sản cố định hữu hình	221	9	39.564.151.684	20.541.321.711
<i>Nguyên giá</i>	222		62.599.137.759	45.230.491.425
<i>Khấu hao lũy kế</i>	223		(23.034.986.075)	(24.689.169.714)
Tài sản cố định hữu hình thuê tài chính	224	10	2.663.406.747	-
<i>Nguyên giá</i>	225		2.663.406.747	-
<i>Khấu hao lũy kế</i>	226		-	-
Tài sản cố định vô hình	227	11	48.163.896.768	49.448.819.760
<i>Nguyên giá</i>	228		51.815.314.940	51.800.519.660
<i>Phân bổ lũy kế</i>	229		(3.651.418.172)	(2.351.699.900)
Xây dựng cơ bản dở dang	230	12	314.705.368.869	267.433.722.200
<b>Bất động sản đầu tư</b>	<b>240</b>	<b>13</b>	<b>97.802.040.681</b>	<b>38.521.026.609</b>
<i>Nguyên giá</i>	241		113.259.450.328	50.825.805.393
<i>Khấu hao lũy kế</i>	242		(15.457.409.647)	(12.304.778.784)

## Bảng cân đối kế toán hợp nhất

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2009

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2009 VNĐ	31/12/2008 VNĐ
<b>Đầu tư dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>14</b>	<b>698.266.809.107</b>	<b>562.862.187.939</b>
Đầu tư vào công ty liên kết	252		237.921.906.002	223.894.353.641
Đầu tư dài hạn khác	258		523.140.161.479	439.563.908.715
Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn	259		(62.795.258.374)	(100.596.074.417)
<b>Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>64.156.836.273</b>	<b>40.287.712.792</b>
Chi phí trả trước dài hạn	261	15	26.946.046.843	19.617.798.427
Tài sản thuế hoãn lại	262	29	11.283.541.959	13.218.838.894
Ký quỹ dài hạn	268		25.927.247.471	7.451.075.471
<b>TỔNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>1.792.351.012.664</b>	<b>1.363.252.268.123</b>

## Bảng cân đối kế toán hợp nhất

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2009

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2009 VNĐ	31/12/2008 VNĐ
<b>NGUỒN VỐN</b>				
<b>NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>972.229.675.204</b>	<b>797.183.245.668</b>
<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>353.687.820.855</b>	<b>317.889.953.349</b>
Vay ngắn hạn	311	16	134.764.632.245	128.168.304.260
Phải trả thương mại	312		24.797.707.780	41.829.700.166
Khách hàng tạm ứng	313		35.641.166.672	11.824.971.114
Thuế phải nộp ngân sách Nhà nước	314	17	30.333.507.769	21.239.068.472
Phải trả cho nhân viên	315		41.092.582.637	33.384.760.193
Chi phí trích trước	316	18	11.857.632.695	10.629.582.306
Phải trả khác	319		75.200.591.057	70.813.566.838
<b>Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>618.541.854.349</b>	<b>479.293.292.319</b>
Nợ dài hạn khác	333	19	236.173.096.951	139.152.777.192
Vay và nợ dài hạn	334	20	379.936.670.733	338.351.335.879
Dự phòng trợ cấp thôi việc	336		2.432.086.665	1.789.179.248
<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>713.819.499.018</b>	<b>486.602.595.830</b>
<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>		<b>705.475.235.184</b>	<b>479.212.219.009</b>
Vốn cổ phần	411	21	249.955.730.000	203.610.400.000
Thặng dư vốn cổ phần	412	21	317.064.858.303	180.876.300.000
Cổ phiếu ngân quỹ	413	21	(16.000)	(3.544.746.277)
Chênh lệch tỷ giá	416		2.590.491.459	650.345.638
Quỹ đầu tư và phát triển	417		18.409.006.477	16.193.469.287
Quỹ dự phòng tài chính	418		8.193.091.918	6.602.007.981
Lợi nhuận chưa phân phối	419		109.262.073.027	74.824.442.380
<b>Nguồn kinh phí sự nghiệp và các quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>8.344.263.834</b>	<b>7.390.376.821</b>
Quỹ khen thưởng phúc lợi	431		8.344.263.834	7.390.376.821
<b>LỢI ÍCH CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ</b>	<b>439</b>	<b>22</b>	<b>106.301.838.442</b>	<b>79.466.426.625</b>
<b>TỔNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>1.792.351.012.664</b>	<b>1.363.252.268.123</b>

Người lập:


Hoàng Thị Thảo  
Kế toán trưởng

Người duyệt:

Nguyễn Vĩnh Thọ  
Tổng Giám đốc

18 tháng 3 năm 2010



# Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

	Mã số	Thuyết minh	2009 VNĐ	2008 VNĐ
<b>Tổng doanh thu</b>	<b>01</b>	<b>23</b>	<b>3.093.441.601.012</b>	<b>2.120.656.466.797</b>
<b>Các khoản giảm trừ</b>	<b>03</b>		<b>(14.412.563.909)</b>	<b>(3.033.181.060)</b>
<b>Doanh thu thuần</b>	<b>10</b>	<b>23</b>	<b>3.079.029.037.103</b>	<b>2.117.623.285.737</b>
<b>Giá vốn hàng bán</b>	<b>11</b>	<b>24</b>	<b>(2.822.262.975.732)</b>	<b>(1.945.126.877.894)</b>
<b>Lợi nhuận gộp</b>	<b>20</b>		<b>256.766.061.371</b>	<b>172.496.407.843</b>
Doanh thu hoạt động tài chính	21	25	27.798.512.404	77.487.561.998
Chi phí hoạt động tài chính	22	26	(25.936.699.342)	(202.501.817.096)
Chi phí bán hàng	24		(72.186.837.003)	(61.719.379.982)
Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		(78.616.179.737)	(49.130.543.469)
<b>Lợi nhuận/(lỗ) từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>30</b>		<b>107.824.857.693</b>	<b>(63.367.770.706)</b>
<b>Thu nhập từ đầu tư vào các công ty liên kết</b>		<b>14</b>	<b>14.190.492.809</b>	<b>10.666.133.785</b>
<b>Kết quả các hoạt động khác</b>	<b>40</b>			
Thu nhập khác	31	27	15.006.832.758	120.415.490.010
Chi phí khác	32	28	(11.372.621.708)	(5.847.989.273)
<b>Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>50</b>		<b>125.649.561.552</b>	<b>61.865.863.816</b>
<b>Thuế thu nhập hiện hành</b>	<b>51</b>	<b>29</b>	<b>(23.840.083.598)</b>	<b>(21.143.222.547)</b>
<b>(Chi phí)/lợi ích thuế thu nhập hoãn lại</b>	<b>52</b>	<b>29</b>	<b>(1.935.296.935)</b>	<b>14.569.834.831</b>
<b>Lợi nhuận thuần</b>			<b>99.874.181.019</b>	<b>55.292.476.100</b>

# Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

	Mã số	Thuyết minh	2009 VNĐ	2008 VNĐ
<b>Lợi nhuận thuần</b>			<b>99.874.181.019</b>	<b>55.292.476.100</b>
<b>Trong đó:</b>				
Lợi nhuận thuộc các cổ đông thiểu số	61	22	27.988.729.031	15.339.311.289
Lợi nhuận thuộc các cổ đông của Công ty	62		71.885.451.988	39.953.164.811
<b>Lợi nhuận thuần sau thuế</b>	<b>60</b>		<b>99.874.181.019</b>	<b>55.292.476.100</b>
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>70</b>	<b>30</b>	<b>3.425</b>	<b>2.236</b>

Người lập:



Hoàng Thị Thảo  
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Nguyễn Vĩnh Thọ  
Tổng Giám đốc

18 tháng 3 năm 2010

## Báo cáo thay đổi vốn chủ sở hữu hợp nhất

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

	Vốn cổ phần VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Cổ phiếu ngân quỹ VND	Chênh lệch tỷ giá VND	Quý đầu tư và phát triển VND	Quý dự phòng tài chính VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Quý khen thưởng phúc lợi VND	Tổng VND
<b>Số dư ngày 1 tháng 1 năm 2008</b>	148.734.100.000	120.000.000.000	(2.801.612.500)	-	12.098.543.923	3.371.905.229	73.616.520.522	3.420.192.621	358.439.649.795
Phát hành cổ phiếu	54.876.300.000	60.876.300.000	-	-	-	-	-	-	115.752.600.000
Mua lại cổ phiếu	-	-	(743.133.777)	-	-	-	-	-	(743.133.777)
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	-	-	39.953.164.811	-	39.953.164.811
Chênh lệch tỷ giá	-	-	-	650.345.638	-	-	-	-	650.345.638
Phân bổ cho các quỹ	-	-	-	-	4.094.925.364	3.230.102.752	(13.693.719.537)	6.368.691.421	-
Cổ tức	-	-	-	-	-	-	(21.810.925.500)	-	(21.810.925.500)
Thù lao cho Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát	-	-	-	-	-	-	(1.619.088.844)	-	(1.619.088.844)
Giám khác	-	-	-	-	-	-	(320.836.973)	-	(320.836.973)
Giảm giá trị đầu tư trong công ty liên kết do loãng vốn	-	-	-	-	-	-	(1.300.672.099)	-	(1.300.672.099)
Sử dụng quỹ trong năm	-	-	-	-	-	-	-	(2.398.507.221)	(2.398.507.221)
<b>Số dư ngày 1 tháng 1 năm 2009</b>	203.610.400.000	180.876.300.000	(3.544.746.277)	650.345.638	16.193.469.287	6.602.007.981	74.824.442.380	7.390.376.821	486.602.595.830

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành các báo cáo tài chính hợp nhất này

# Báo cáo thay đổi vốn chủ sở hữu hợp nhất

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

	Vốn cổ phần VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Cổ phiếu ngân quỹ VND	Chênh lệch tỷ giá VND	Quý đầu tư và phát triển VND	Quý dự phòng tài chính VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Quý khen thưởng phúc lợi VND	Tổng VND
<b>Số dư ngày 1 tháng 1 năm 2009</b>	203.610.400.000	180.876.300.000	(3.544.746.277)	650.345.638	16.193.469.287	6.602.007.981	74.824.442.380	7.390.376.821	486.602.595.830
Phát hành cổ phiếu	46.345.330.000	131.090.336.580	-	-	-	-	-	-	177.435.666.580
Phát hành cổ phiếu ngân quỹ	-	5.098.221.723	3.544.730.277	-	-	-	-	-	8.642.952.000
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	-	-	71.885.451.988	-	71.885.451.988
Chênh lệch tỷ giá	-	-	-	(1.411.458.593)	-	-	-	-	(1.411.458.593)
Chênh lệch tỷ giá do góp vốn trong công ty liên kết	-	-	-	3.351.604.414	-	-	-	-	3.351.604.414
Phân bổ cho các quỹ	-	-	-	-	2.215.537.190	1.591.083.937	(8.301.916.594)	4.495.295.467	-
Cổ tức (Thuyết minh số 31)	-	-	-	-	-	-	(28.609.769.200)	-	(28.609.769.200)
Thù lao cho Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát	-	-	-	-	-	-	(536.135.547)	-	(536.135.547)
Sử dụng quỹ trong năm	-	-	-	-	-	-	-	(3.541.408.454)	(3.541.408.454)
<b>Số dư ngày 31 tháng 12 năm 2009</b>	249.955.730.000	317.064.858.303	(16.000)	2.590.491.459	18.409.006.477	8.193.091.918	109.262.073.027	8.344.263.834	713.819.499.018

Người lập:



Hoàng Thị Thảo  
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Nguyễn Vĩnh Thọ  
Tổng Giám đốc

18 tháng 3 năm 2010

## Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

	Mã số	Thuyết minh	2009 VNĐ	2008 VNĐ
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>				
<b>Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>01</b>		<b>125.649.561.552</b>	<b>61.865.863.816</b>
<b>Điều chỉnh cho</b>				
Khấu hao và phân bổ	02		9.365.982.781	9.091.544.733
Dự phòng	03		(43.853.346.424)	121.061.987.579
Lỗi/(lãi) từ thanh lý tài sản			7.763.036.121	(23.288.164.499)
Lỗi từ kinh doanh chứng khoán			26.653.476.621	6.762.693.337
Thu nhập từ thanh lý đầu tư			-	(11.952.379.601)
Xóa sổ tài sản cố định	05		328.402.038	3.398.608.732
Chi phí lãi vay	06		33.031.246.098	63.319.911.776
Thu nhập lãi tiền gửi và cổ tức			(17.146.814.273)	(54.963.977.397)
Thu nhập từ các công ty liên kết			(14.190.492.809)	(10.666.133.785)
Lãi do bán khoản đầu tư công ty liên kết			-	(6.715.939.197)
Lợi nhuận từ hoạt động đầu tư			-	(100.759.620.000)
<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>		<b>127.601.051.705</b>	<b>57.154.395.494</b>
Biến động các khoản phải thu và tài sản ngắn hạn khác	09		(76.567.070.494)	5.433.620.802
Biến động hàng tồn kho	10		(23.833.619.353)	(11.188.493.344)
Biến động các khoản phải trả và nợ khác	11		108.610.360.710	13.812.743.697
Biến động chi phí trả trước dài hạn	12		(7.328.248.416)	(18.396.714.346)
			<b>128.482.474.152</b>	<b>46.815.552.303</b>
Lãi vay đã trả	13		(36.125.781.667)	(64.485.471.855)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		(13.206.386.195)	(11.506.196.947)
Chi khác cho hoạt động kinh doanh	16		(4.929.429.589)	(4.596.142.339)
<b>Tiền thuần thu từ/(chi cho) hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>74.220.876.701</b>	<b>(33.772.258.838)</b>

# Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

	Mã số	Thuyết minh	2009 VNĐ	2008 VNĐ
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ CÁC HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>				
Chi mua tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21		(105.581.494.870)	(197.219.596.943)
Thu từ thanh lý tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	22		3.948.954.697	39.740.725.364
Thu từ thanh lý đầu tư vào công ty liên kết			-	13.177.500.794
Tiền thu kinh doanh chứng khoán			5.478.152.130	9.514.042.332
Chi đầu tư dài hạn khác	25		(97.815.737.166)	-
Thu lãi tiền gửi và cổ tức	27		17.146.814.273	31.350.499.379
Thu đầu tư vào các công ty khác			-	35.801.393.390
Chi tài sản dài hạn khác			-	(11.237.295.000)
<b>Tiền thuần chi cho hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>(176.823.310.936)</b>	<b>(78.872.730.684)</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>				
Thu từ phát hành cổ phiếu	31		177.435.666.580	115.752.600.000
Phát hành/(mua lại) cổ phiếu ngân quỹ	32		8.642.952.000	(743.133.777)
Thu từ các khoản vay	33		775.914.334.080	1.051.393.648.875
Thanh toán nợ	34		(730.396.077.988)	(1.096.523.451.913)
Thu từ vốn phát hành bởi công ty con cho cổ đông thiểu số			5.845.950.000	26.720.880.000
Trả cổ tức cho cổ đông của Công ty			(16.655.539.000)	(21.442.348.500)
Trả cổ tức cho cổ đông thiểu số của công ty con			(5.446.221.852)	(7.986.948.355)
<b>Tiền thuần thu từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>215.341.063.820</b>	<b>67.171.246.330</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b>	<b>50</b>		<b>112.738.629.585</b>	<b>(45.473.743.192)</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60</b>		<b>49.130.501.895</b>	<b>94.604.245.087</b>
<b>Tiền và tương đương tiền cuối năm</b>	<b>70</b>	<b>4</b>	<b>161.869.131.480</b>	<b>49.130.501.895</b>

# Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

CÁC GIAO DỊCH ĐẦU TƯ PHI TIỀN TỆ	2009	2008
	VND	VND
Đầu tư vào công ty liên kết bằng tài sản	-	164.043.000.000
Giá trị tài sản cố định mua bởi Tập đoàn bằng thuê tài chính	2.663.406.747	-

Người lập:



Hoàng Thị Thảo  
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Nguyễn Vinh Thọ  
Tổng Giám đốc

18 tháng 3 năm 2010

# Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

## 1. Đơn vị báo cáo

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn (“Công ty”) là một công ty cổ phần thành lập theo Quyết định số 3448/QĐ-UB do Ủy Ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 9 tháng 7 năm 2004 và được điều chỉnh theo Quyết định số 3449/QĐ-UB cấp cùng ngày. Hoạt động chính của Công ty là:

- Dịch vụ - Thương mại: Tổ chức hệ thống kinh doanh, phân phối, sửa chữa, bảo trì theo tiêu chuẩn quốc tế về ô tô, xe gắn máy và linh kiện phụ tùng các loại, với các nhãn hiệu ô tô như Toyota, Ford, GM-Daewoo, Suzuki, Hyundai và các nhãn hiệu xe gắn máy SYM, Suzuki, Yamaha; cung cấp đa dạng các loại hình dịch vụ theo tiêu chuẩn quốc tế bên cạnh việc phát triển các hoạt động kinh doanh dịch vụ taxi, tổ chức hệ thống máy bán lẻ tự động;
- Dịch vụ bất động sản: Đầu tư, hợp tác, phát triển các dự án bất động sản theo định hướng kinh doanh cao ốc văn phòng, trung tâm thương mại, căn hộ, khu biệt thự, khu du lịch, khu nghỉ dưỡng cao cấp;
- Dịch vụ tài chính: Đầu tư vốn vào những lĩnh vực, ngành nghề phù hợp với chiến lược kinh doanh của Công ty như: Dịch vụ - thương mại, bất động sản, đầu tư hạ tầng kỹ thuật, tài chính, ngân hàng, bưu chính viễn thông.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết trên sàn giao dịch chứng khoán Thành Phố Hồ Chí Minh kể từ ngày 1 tháng 6 năm 2009.

Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009 bao gồm Công ty và các công ty con (gọi chung là “Tập đoàn”) và lợi ích của Tập đoàn trong các công ty liên kết.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 Tập đoàn có 838 nhân viên (2008: 765 nhân viên).

## 2. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Tập đoàn áp dụng trong việc lập các báo cáo tài chính hợp nhất này.

### (a) Cơ sở lập báo cáo tài chính

Các báo cáo tài chính hợp nhất này trình bày bằng Đồng Việt Nam (“VNĐ”), được lập theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các nguyên tắc kế toán phổ biến được chấp thuận tại Việt Nam, và được lập trên cơ sở giá gốc.

Các chính sách kế toán được Tập đoàn áp dụng một cách nhất quán.

Các báo cáo tài chính hợp nhất, ngoại trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất được lập theo phương pháp gián tiếp.

### (b) Năm tài chính

Năm tài chính của Tập đoàn là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.



# Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

## **(c) Cơ sở hợp nhất**

### **(i) Các công ty con**

Các công ty con là các đơn vị do Tập đoàn kiểm soát. Quyền kiểm soát tồn tại khi Tập đoàn có khả năng trực tiếp hoặc gián tiếp, chi phối các chính sách tài chính và hoạt động kinh doanh của một công ty con để thu được lợi ích kinh tế từ hoạt động của công ty con đó. Khi đánh giá kiểm soát, có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng đang có hiệu lực. Các báo cáo tài chính của các công ty con được hợp nhất trong báo cáo tài chính hợp nhất kể từ ngày bắt đầu kiểm soát đến ngày kết thúc quyền kiểm soát.

### **(ii) Các công ty liên kết**

Công ty liên kết là những công ty mà Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể, nhưng không kiểm soát, đối với các chính sách tài chính và hoạt động của công ty. Công ty liên kết được kế toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm phần mà Tập đoàn được hưởng trong thu nhập và chi phí của công ty liên kết, sau khi điều chỉnh theo chính sách kế toán của Tập đoàn, từ ngày bắt đầu có ảnh hưởng đáng kể cho tới ngày ảnh hưởng đáng kể kết thúc. Khi phần lỗ của công ty liên kết mà tập đoàn phải chia sẻ vượt quá lợi ích của Tập đoàn trong công ty liên kết, giá trị ghi sổ của khoản đầu tư (bao gồm các khoản đầu tư dài hạn, nếu có) sẽ được ghi giảm tới bằng không và dừng việc ghi nhận các khoản lỗ phát sinh trong tương lai trừ khi khoản lỗ trong tương lai đó thuộc phạm vi mà Tập đoàn có nghĩa vụ phải trả hoặc đã trả thay cho công ty liên kết.

### **(iii) Các giao dịch được loại trừ khi hợp nhất**

Số dư của giao dịch nội bộ và bất kỳ lãi hoặc lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch trong tập đoàn được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất. Lãi chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với các công ty liên kết được loại trừ ở mức lợi ích của Tập đoàn trong công ty đó. Lỗ chưa thực hiện được loại trừ cũng như lợi nhuận chưa thực hiện, nhưng chỉ khi không có bằng chứng về việc giảm giá tài sản.

### **(iv) Lợi thế thương mại**

Lợi thế thương mại phản ánh giá phí đầu tư vượt quá giá trị của tài sản thuần thuộc phần của Tập đoàn trên tổng tài sản thuần của các công ty con và công ty liên kết tại thời điểm mua. Lợi thế thương mại, nếu không trọng yếu, được xóa sổ ngay khi phát sinh.

Nếu giá trị thực tế tài sản thuần Tập đoàn mua của các công ty con và công ty liên kết vượt quá giá mua, thì phần vượt trội này được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

# Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

## (d) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các khoản mục tài sản và công nợ có gốc bằng các đơn vị tiền khác với VNĐ được quy đổi sang VNĐ theo tỷ giá hối đoái của ngày kết thúc niên độ kế toán. Các giao dịch bằng các đơn vị tiền tệ khác VNĐ phát sinh trong năm được quy đổi sang VNĐ theo tỷ giá hối đoái xấp xỉ tỷ giá hối đoái qui định của ngày giao dịch. Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá chưa và đã thực hiện được kết chuyển toàn bộ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, trừ các khoản chênh lệch tỷ giá liên quan đến hoạt động xây dựng các tài sản cố định hữu hình hay chuyển đổi các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ phát sinh trong giai đoạn trước hoạt động của đơn vị thì được hạch toán vào Tài khoản Chênh lệch Tỷ giá thuộc nguồn vốn chủ sở hữu cho đến khi đơn vị bắt đầu hoạt động và các tài sản cố định hữu hình này được đưa vào sử dụng. Khi đơn vị bắt đầu hoạt động và các tài sản cố định hữu hình này được đưa vào sử dụng, các chênh lệch tỷ giá đã thực hiện có liên quan được kết chuyển toàn bộ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện được kết chuyển vào Tài khoản Doanh thu Chưa thực hiện và lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện được kết chuyển vào Tài khoản Trả trước Dài hạn. Các khoản lãi và lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện này được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng năm năm. Chính sách này phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 10 ("VAS 10") – Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái.

Ngày 15 tháng 10 năm 2009, Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 201/2009/TT-BTC hướng dẫn ghi nhận chênh lệch tỷ giá. Thông tư này yêu cầu các chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc đánh giá lại các khoản tài sản và nợ phải trả tiền tệ ngắn hạn có gốc ngoại tệ được ghi nhận vào Tài khoản Chênh lệch Tỷ giá thuộc nguồn vốn chủ sở hữu; và các chênh lệch tỷ giá này sẽ được ghi đảo để xóa sổ vào đầu kỳ sau. Tập đoàn lựa chọn tiếp tục áp dụng VAS 10 để ghi nhận chênh lệch tỷ giá.

## (e) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao có thể dễ dàng chuyển đổi thành khoản tiền xác định trước, ít rủi ro về thay đổi giá trị và được giữ nhằm đáp ứng nhu cầu thanh toán ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay các mục đích khác.

## (f) Kinh doanh chứng khoán, đầu tư ngắn hạn và dài hạn

### (i) Phân loại

Tập đoàn phân loại đầu tư vào chứng khoán đã niêm yết và chưa niêm yết là đầu tư ngắn hạn hoặc dài hạn tùy theo dự định và chiến lược đầu tư của Tập đoàn với những công ty là đối tượng đầu tư.

### (ii) Ghi nhận

Tập đoàn ghi nhận kinh doanh chứng khoán, đầu tư ngắn hạn và dài hạn tại ngày ký kết các điều khoản của hợp đồng đầu tư (hạch toán theo ngày giao dịch).

### (iii) Xác định giá trị

Chứng khoán kinh doanh, đầu tư ngắn hạn và dài hạn được thể hiện bằng nguyên giá trừ đi dự phòng giảm giá đầu tư.

Nguyên giá của chứng khoán kinh doanh, đầu tư ngắn hạn và dài hạn được xác định trên cơ sở bình quân gia quyền.

# Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

**(iv) Giảm giá**

Dự phòng giảm giá chứng khoán đã niêm yết được lập dựa trên quy định hiện hành do Bộ Tài chính ban hành. Dự phòng sẽ được hoàn nhập khi có sự tăng lên sau đó của giá trị có thể thu hồi do sự kiện khách quan xảy ra sau khi khoản dự phòng được lập. Dự phòng hoàn nhập trong phạm vi không làm giá trị ghi sổ của khoản đầu tư vượt quá giá trị ghi sổ của khoản đầu tư này khi giả định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

**(v) Chấm dứt ghi nhận**

Chứng khoán kinh doanh, đầu tư ngắn hạn và dài hạn được chấm dứt ghi nhận khi quyền lợi và các luồng tiền từ khoản nhận đầu tư đã hết hoặc Tập đoàn đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích liên quan đến quyền sở hữu.

**(g) Các khoản phải thu**

Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác thể hiện theo nguyên giá trừ dự phòng phải thu khó đòi.

**(h) Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá trị bằng với số thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp đích danh đối với hàng hóa và bình quân gia quyền đối với các khoản mục khác và bao gồm tất cả các chi phí liên quan phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của sản phẩm tồn kho, trừ đi chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí bán hàng ước tính.

Tập đoàn áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

**(i) Tài sản cố định hữu hình**

**(i) Nguyên giá**

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí phân bổ trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu thường được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm phát sinh chi phí. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được do việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn đã được đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hoá như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

# Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

## (ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

• nhà cửa	6 – 42 năm
• máy móc và thiết bị	4 – 8 năm
• thiết bị văn phòng và thiết bị khác	2 – 7 năm
• phương tiện vận chuyển	5 – 6 năm
• khác	3 – 5 năm

## (j) Tài sản cố định hữu hình thuê tài chính

Các hợp đồng thuê được phân loại là thuê tài chính nếu theo các điều khoản của hợp đồng, Tập đoàn đã nhận phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu. Tài sản cố định hữu hình dưới hình thức thuê tài chính được thể hiện bằng số tiền tương đương với số thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản cố định và giá trị hiện tại của các khoản tiền thuê tối thiểu, tính tại thời điểm bắt đầu thuê, trừ đi khấu hao lũy kế.

Khấu hao của tài sản thuê tài chính được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản thuê tài chính. Thời gian hữu dụng ước tính của tài sản thuê tài chính nhất quán với tài sản cố định hữu hình được nêu trong phần chính sách kế toán 2(i).

## (k) Tài sản cố định vô hình

### (i) Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất không xác định thời hạn được thể hiện theo nguyên giá. Quyền sử dụng đất có thời hạn xác định được thể hiện theo nguyên giá trừ phân bổ lũy kế. Nguyên giá ban đầu của quyền sử dụng đất bao gồm giá mua và các chi phí phân bổ trực tiếp phát sinh liên quan tới việc bảo đảm quyền sử dụng đất. Phân bổ được tính theo phương pháp đường thẳng từ 20 đến 50 năm.

### (ii) Phần mềm máy vi tính

Giá mua của phần mềm vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hoá và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm vi tính được tính phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng 3 - 4 năm.

# Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

## **(l) Bất động sản đầu tư**

### **(i) Nguyên giá**

Bất động sản đầu tư được thể hiện theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế. Nguyên giá ban đầu của bất động sản đầu tư bao gồm giá mua, chi phí quyền sử dụng đất và bất kỳ chi phí phân bổ trực tiếp liên quan đến việc đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động hiện tại cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi bất động sản đầu tư đã được đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa và bảo trì thường được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm phát sinh chi phí. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được do việc sử dụng bất động sản đầu tư vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn đã được đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hoá như một khoản nguyên giá tăng thêm của bất động sản đầu tư.

### **(ii) Khấu hao**

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của bất động sản đầu tư từ 6 đến 22 năm.

## **(m) Chi phí trả trước dài hạn**

### **(i) Chi phí trước hoạt động**

Chi phí trước hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, ngoại trừ chi phí thành lập, chi phí đào tạo, quảng cáo, khuyến mại phát sinh từ ngày thành lập cho tới ngày bắt đầu hoạt động. Các chi phí này được ghi nhận là chi phí trả trước dài hạn, được phân ánh theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong 3 năm kể từ ngày bắt đầu hoạt động kinh doanh.

### **(ii) Chi phí đất trả trước**

Chi phí đất trả trước bao gồm tiền thuê đất trả trước và các chi phí phát sinh khác liên quan đến việc bảo đảm cho việc sử dụng đất thuê. Các chi phí này được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng thuê đất là 8 năm.

### **(iii) Công cụ và dụng cụ**

Công cụ và dụng cụ sử dụng hơn một năm được ghi nhận là chi phí trả trước dài hạn và được phân bổ từ 2 đến 3 năm.

## **(n) Xây dựng cơ bản dở dang**

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi phí xây dựng chưa được hoàn thành. Không trích khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng.

## **(o) Các khoản phải trả thương mại và phải trả khác**

Các khoản phải trả thương mại và khoản phải trả khác thể hiện theo nguyên giá.

# Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

## **(p) Dự phòng**

Dự phòng được ghi nhận khi, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Tập đoàn có một nghĩa vụ pháp lý hoặc liên đới có thể được ước tính một cách tin cậy và tương đối chắc chắn rằng Tập đoàn phải sử dụng các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán nghĩa vụ đó. Dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu các luồng tiền dự tính trong tương lai theo lãi suất trước thuế phản ánh được sự đánh giá hiện tại của thị trường về giá trị thời gian của đồng tiền và những rủi ro gắn liền với khoản nợ phải trả đó.

## **(q) Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp số dư trên bảng cân đối kế toán, dựa trên các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích thuế. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả được dự kiến sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để các khoản chênh lệch tạm thời này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ hiện thực được.

## **(r) Quỹ thuộc vốn chủ sở hữu**

Các quỹ thuộc vốn chủ sở hữu được trích lập mỗi năm từ lợi nhuận chưa phân phối theo tỷ lệ do các cổ đông quyết định trong đại hội cổ đông thường niên.

## **(s) Doanh thu**

### **(i) Doanh thu bán hàng**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại.

### **(ii) Cung cấp dịch vụ**

Doanh thu từ các dịch vụ cung cấp được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo tỷ lệ hoàn thành của giao dịch tại ngày kết thúc niên độ kế toán. Tỷ lệ hoàn thành được đánh giá dựa trên việc xem xét các công việc đã được thực hiện. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có các yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

# Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

## **(iii) Doanh thu cho thuê**

Doanh thu cho thuê tài sản được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng cho thuê được ghi nhận như là một bộ phận hợp thành của tổng doanh thu cho thuê.

## **(iv) Thu nhập cổ tức**

Cổ tức được ghi nhận là khoản thu nhập khi quyền nhận cổ tức được xác lập.

## **(v) Doanh thu từ kinh doanh chứng khoán**

Doanh thu từ kinh doanh chứng khoán được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phần lớn những rủi ro và lợi ích liên quan đến quyền sở hữu được chuyển sang cho người mua. Phần lớn rủi ro và lợi ích liên quan đến quyền sở hữu được chuyển khi hoàn thành giao dịch (đối với chứng khoán đã niêm yết) hoặc khi hoàn thành thỏa thuận chuyển giao của tài sản (đối với chứng khoán chưa niêm yết).

## **(u) Các khoản thanh toán cho thuê hoạt động**

Các khoản thanh toán cho thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng cho thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê.

## **(v) Chi phí vay**

Chi phí vay được ghi nhận là chi phí trong kỳ khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản cố định hữu hình và bất động sản đầu tư đủ điều kiện vốn hóa chi phí vay thì khi đó chi phí vay phát sinh trong kỳ sẽ được vốn hoá vào nguyên giá các tài sản cố định này.

## **(w) Lãi trên cổ phiếu**

Tập đoàn trình bày lãi cơ bản trên cổ phiếu (EPS) cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Tập đoàn chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông trung bình lưu hành trong năm.

## **(x) Báo cáo bộ phận**

Bộ phận là một phần riêng biệt của Tập đoàn, cung cấp các sản phẩm hàng hóa hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận kinh doanh), hoặc cung cấp các sản phẩm hàng hóa hay dịch vụ trong một môi trường kinh tế đặc trưng (khu vực địa lý), trong đó các rủi ro và kết quả thu được khác với các bộ phận khác. Bộ phận chính yếu của Tập đoàn là bộ phận kinh doanh. Tập đoàn hoạt động tại Việt Nam, là một khu vực địa lý duy nhất.

## **(y) Các bên liên quan**

Các bên được xem là bên liên quan nếu một bên có khả năng, trực tiếp hay gián tiếp, kiểm soát bên kia hay có ảnh hưởng đáng kể đến bên kia trong việc đưa ra các quyết định tài chính và hoạt động kinh doanh. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu các bên cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

## **(z) Các chỉ tiêu ngoài bảng cân đối kế toán**

Các chỉ tiêu ngoài bảng cân đối kế toán, như được định nghĩa trong Hệ thống Kế toán Việt Nam, được trình bày trong các thuyết minh thích hợp của báo cáo tài chính đó.

# Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

## 3. Báo cáo bộ phận

70

	Dịch vụ thương mại		Dịch vụ bất động sản		Dịch vụ tài chính		Tổng	
	2009 VNĐ	2008 VNĐ	2009 VNĐ	2008 VNĐ	2009 VNĐ	2008 VNĐ		
Doanh thu khách hàng bên ngoài	2.969.203.787.953	2.067.024.044.994	127.304.310.603	85.057.198.018	24.509.943.760	53.695.738.508	3.121.018.042.316	2.205.776.981.520
Chi phí trực tiếp của bộ phận	(2.904.425.904.000)	(2.028.954.380.708)	(89.509.699.282)	(75.221.418.023)	(5.067.088.532)	(154.302.819.711)	(2.999.002.691.814)	(2.258.478.618.441)
Lợi nhuận bộ phận kinh doanh	64.777.883.953	38.069.664.286	37.794.611.321	9.835.779.995	19.442.855.228	(100.607.081.203)	122.015.350.502	(52.701.636.921)
Doanh thu không phân bổ							15.006.832.759	120.415.490.010
Chi phí không phân bổ							(11.372.621.708)	(5.847.989.272)
							125.649.561.552	61.865.863.817



## Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

	Dịch vụ thương mại		Dịch vụ bất động sản		Dịch vụ tài chính		Tổng	
	2009 VNĐ	2008 VNĐ	2009 VNĐ	2008 VNĐ	2009 VNĐ	2008 VNĐ	2009 VNĐ	2008 VNĐ
<b>Tài sản</b>								
Tài sản ngắn hạn	399.157.077.095	198.258.143.482	73.369.186.230	110.407.093.947	37.312.044.112	45.510.970.180	509.838.307.437	354.176.207.609
Tài sản dài hạn	406.301.583.172	328.782.406.714	619.639.805.908	459.944.884.242	244.711.779.800	207.448.769.558	1.270.653.168.880	996.176.060.514
Tài sản không phân bổ	-	-	-	-	-	-	11.283.541.959	12.900.000.000
	805.458.660.267	527.040.550.196	693.008.992.138	570.351.978.189	282.023.823.912	252.959.739.738	1.791.775.018.276	1.363.252.268.123
<b>Nợ phải trả</b>								
Nợ ngắn hạn	258.969.874.570	194.691.628.547	81.845.009.085	103.211.765.070	12.872.937.200	19.986.559.732	353.687.820.855	317.889.953.349
Nợ dài hạn	206.034.310.020	76.174.545.585	360.230.932.613	299.662.333.005	52.276.611.716	103.456.413.729	618.541.854.349	479.293.292.319
	465.004.184.590	514.701.302.978	442.075.941.698	402.874.098.075	65.149.548.916	123.442.973.461	972.229.675.204	797.183.245.668
Khấu hao và phân bổ	5.049.199.489	5.049.925.899	4.139.694.808	4.041.618.834	177.088.484	-	9.365.982.781	9.091.544.733
Dự phòng	(40.258.676.259)	4.462.429.671	(2.442.681.389)	-	-	116.599.557.908	(43.853.346.424)	121.061.987.579
Mua tài sản cố định	79.933.137.250	4.462.343.432	32.976.606.036	193.407.599.149	-	-	112.909.743.286	197.869.942.581

# Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

## 4. Tiền và tương đương tiền

	<b>31/12/2009</b> <b>VNĐ</b>	<b>31/12/2008</b> <b>VNĐ</b>
Tiền mặt tại quỹ	3.222.446.566	3.806.935.102
Tiền gửi ngân hàng	91.146.684.914	40.323.566.793
Tương đương tiền	67.500.000.000	5.000.000.000
	161.869.131.480	49.130.501.895

## 5. Đầu tư ngắn hạn

Đầu tư ngắn hạn thể hiện khoản đầu tư vào chứng khoán kinh doanh.

Biến động dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn trong năm như sau:

	<b>2009</b> <b>VNĐ</b>	<b>2008</b> <b>VNĐ</b>
Số dư đầu năm	24.100.465.852	2.110.850.000
Tăng dự phòng trong năm	-	21.989.615.852
Hoàn nhập dự phòng trong năm	(6.811.465.852)	-
	17.289.000.000	24.100.465.852

Trong khoản đầu tư ngắn hạn có đầu tư vào cổ phiếu chưa được niêm yết hoặc được giao dịch phổ biến trên thị trường với giá trị ghi sổ 28.204 triệu VNĐ tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 (31/12/2008: 6.196 triệu VNĐ).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 khoản đầu tư ngắn hạn với mệnh giá là 7.800 triệu VNĐ (31/12/2008: 39.009 triệu VNĐ) được thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Tập đoàn.

## 6. Trả trước cho người bán

Trả trước cho người bán tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 bao gồm giá trị trả trước để mua nhà cửa và cho công trình xây dựng là 48.030 triệu VNĐ (31/12/2008: 100.760 triệu VNĐ).

# Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

## 7. Dự phòng phải thu khó đòi

Biến động dự phòng phải thu khó đòi trong năm như sau:

	<b>2009</b> <b>VNĐ</b>	<b>2008</b> <b>VNĐ</b>
Số dư đầu năm	1.169.274.361	3.085.756.536
Tăng dự phòng trong năm	126.883.638	50.000.000
Sử dụng dự phòng trong năm	(253.900.408)	(1.966.482.175)
	<hr/>	<hr/>
Số dư cuối năm	1.042.257.591	1.169.274.361
	<hr/>	<hr/>

## 8. Hàng tồn kho

	<b>31/12/2009</b> <b>VNĐ</b>	<b>31/12/2008</b> <b>VNĐ</b>
Hàng mua đang đi đường	1.920.476.190	-
Vật tư và phụ tùng thay thế	4.229.837.343	2.890.474.315
Hàng hóa	93.196.406.129	72.748.793.092
	<hr/>	<hr/>
	99.346.719.662	75.639.267.407
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(4.660.249.164)	(4.154.364.429)
	<hr/>	<hr/>
	94.686.470.498	71.484.902.978
	<hr/>	<hr/>

Biến động dự phòng giảm giá hàng tồn kho trong năm như sau:

	<b>2009</b> <b>VNĐ</b>	<b>2008</b> <b>VNĐ</b>
Số dư đầu năm	4.154.364.429	2.229.823.262
Tăng dự phòng trong năm	632.051.833	1.924.541.167
Sử dụng dự phòng trong năm	(126.167.098)	-
	<hr/>	<hr/>
Số dư cuối năm	4.660.249.164	4.154.364.429
	<hr/>	<hr/>

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2009, hàng tồn kho với giá trị ghi sổ là 6.440 triệu VNĐ (31/12/2008: 14.025 triệu VNĐ) được thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Tập đoàn.

# Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

## 9. Tài sản cố định hữu hình

74

Nguyên giá	Nhà cửa VNĐ	Máy móc và thiết bị VNĐ	Thiết bị văn phòng VNĐ	Phương tiện vận chuyển VNĐ	Khác VNĐ	Tổng VNĐ
Số dư đầu năm	15.983.426.340	18.295.326.561	3.860.527.324	6.717.610.770	373.600.430	45.230.491.425
Tăng trong năm	19.776.791.989	4.842.679.799	1.428.501.869	6.801.892.450	-	32.849.866.107
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	1.542.311.188	-	-	-	-	1.542.311.188
Thanh lý	(105.789.054)	(13.087.008.839)	(545.454.540)	(2.879.084.896)	-	(16.617.337.329)
Xóa sổ	-	-	(191.674.205)	(214.519.427)	-	(406.193.632)
Số dư cuối năm	37.196.740.463	10.050.997.521	4.551.900.448	10.425.898.897	373.600.430	62.599.137.759
<b>Khấu hao lũy kế</b>						
Số dư đầu năm	10.499.050.000	8.276.920.905	2.102.882.803	3.471.231.100	339.084.906	24.689.169.714
Khấu hao trong năm	1.258.363.466	1.690.531.981	617.543.086	1.312.679.589	34.515.524	4.913.633.646
Thanh lý	(105.789.054)	(4.817.349.265)	-	(1.433.185.292)	-	(6.356.323.611)
Xóa sổ	-	-	(190.054.831)	(21.438.843)	-	(211.493.674)
Số dư cuối năm	11.651.624.412	5.150.103.621	2.530.371.058	3.329.286.554	373.600.430	23.034.986.075
<b>Giá trị còn lại</b>						
Số dư cuối năm	25.545.116.051	4.900.893.900	2.021.529.390	7.096.612.343	-	39.564.151.684
Số dư đầu năm	5.484.376.340	10.104.244.036	1.757.644.521	3.160.541.290	34.515.524	20.541.321.711

Trong tài sản cố định hữu hình có các tài sản nguyên giá là 14.398 triệu VNĐ được khấu hao hết đến ngày 31 tháng 12 năm 2009 (31/12/2008: 5.555 triệu VNĐ), nhưng vẫn đang được sử dụng.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2009, tài sản cố định hữu hình với giá trị ghi sổ là 2.287 triệu VNĐ (2008: 1.838 triệu VNĐ) được thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Tập đoàn.

# Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

## 10. Tài sản cố định hữu hình thuê tài chính

Thiết bị  
văn phòng  
VNĐ

### Nguyên giá và giá trị còn lại

Tăng trong năm và số dư cuối năm 2.663.406.747

Vào ngày kết thúc hợp đồng thuê Tập đoàn có quyền chọn mua thiết bị với giá ưu đãi. Các thiết bị thuê đảm bảo nghĩa vụ thuê.

## 11. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất không xác định thời hạn VNĐ	Quyền sử dụng đất có thời hạn xác định VNĐ	Phần mềm vi tính VNĐ	Tổng VNĐ
<b>Nguyên giá</b>				
Số dư đầu năm	14.634.054.300	36.537.848.610	628.616.750	51.800.519.660
Tăng trong năm	-	-	66.004.700	66.004.700
Xóa sổ	-	(51.209.420)	-	(51.209.420)
Số dư cuối năm	14.634.054.300	36.486.639.190	694.621.450	51.815.314.940
<b>Phân bổ lũy kế</b>				
Số dư đầu năm	-	2.295.048.022	56.651.878	2.351.699.900
Phân bổ trong năm	-	1.143.911.958	155.806.314	1.299.718.272
Số dư cuối năm	-	3.438.959.980	212.458.192	3.651.418.172
<b>Giá trị còn lại</b>				
Số dư cuối năm	14.634.054.300	33.047.679.210	482.163.262	48.163.896.768
Số dư đầu năm	14.634.054.300	34.242.800.588	571.964.872	49.448.819.760

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2009, tài sản cố định vô hình với giá trị ghi sổ là 45.739 triệu VNĐ (31/12/2008: 46.699 triệu VNĐ) được thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Tập đoàn.

# Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

## 12. Xây dựng cơ bản dở dang

	2009 VNĐ	2008 VNĐ
Số dư đầu năm	267.433.722.200	128.243.343.505
Tăng trong năm	56.292.835.400	172.928.816.857
Chuyển sang bất động sản đầu tư	(5.882.581.928)	(32.758.995.141)
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(1.542.311.188)	-
Chuyển sang đầu tư dài hạn	(818.300.400)	-
Xóa sổ	(82.492.660)	(979.443.021)
Thanh lý	(695.485.207)	-
	<hr/>	<hr/>
Số dư cuối năm	314.705.368.869	267.433.722.200

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2009, giá trị ghi sổ của xây dựng cơ bản dở dang là 161.013 triệu VNĐ (31/12/2008: 132.999 triệu VNĐ) được thế chấp ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Tập đoàn.

Trong năm, chi phí vay được vốn hóa vào xây dựng cơ bản dở dang là 17.979 triệu VNĐ (2008: 23.738 triệu VNĐ).

## 13. Bất động sản đầu tư

	Quyền sử dụng đất VNĐ	Nhà cửa VNĐ	Tổng VNĐ
<b>Nguyên giá</b>			
Số dư đầu năm	-	50.825.805.393	50.825.805.393
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	462.106.962	5.420.474.966	5.882.581.928
Chuyển từ trả trước cho người bán	57.306.554.900	-	57.306.554.900
Thanh lý	(462.106.962)	(293.384.931)	(755.491.893)
	<hr/>	<hr/>	<hr/>
Số dư cuối năm	57.306.554.900	55.952.895.428	113.259.450.328
<b>Khấu hao lũy kế</b>			
Số dư đầu năm	-	12.304.778.784	12.304.778.784
Khấu hao trong năm	-	3.152.630.863	3.152.630.863
	<hr/>	<hr/>	<hr/>
Số dư cuối năm	-	15.457.409.647	15.457.409.647
<b>Giá trị còn lại</b>			
Số dư cuối năm	57.306.554.900	40.495.485.781	97.802.040.681
Số dư đầu năm	-	38.521.026.609	38.521.026.609

Bất động sản đầu tư của Tập đoàn bao gồm các bất động sản cho thuê tạo thu nhập.

# Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư không được xác định bởi vì không có một giao dịch gần đây trên thị trường cho bất động sản tương tự và nằm cùng địa điểm với bất động sản đầu tư của Tập đoàn không có thị trường hoạt động cho loại bất động sản đầu tư này.

Trong bất động sản đầu tư có tài sản với nguyên giá 4.893 triệu VNĐ được khấu hao hết đến ngày 31 tháng 12 năm 2009 (31/12/2008: 4.893 triệu VNĐ), nhưng vẫn đang được sử dụng.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2009, bất động sản đầu tư với giá trị ghi sổ là 83.487 triệu VNĐ (31/12/2008: 23.150 triệu VNĐ) được thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Tập đoàn.

## 14. Đầu tư dài hạn

	<b>31/12/2009</b> <b>VNĐ</b>	<b>31/12/2008</b> <b>VNĐ</b>
Đầu tư dài hạn vào công ty liên kết	237.921.906.002	223.894.353.641
Trái phiếu doanh nghiệp dài hạn	-	1.000.000.000
Trái phiếu kho bạc dài hạn	150.000.000	150.000.000
Đầu tư dài hạn khác	522.990.161.479	438.413.908.715
	<hr/>	<hr/>
	761.062.067.481	663.458.262.356
Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn	(62.795.258.374)	(100.596.074.417)
	<hr/>	<hr/>
	698.266.809.107	562.862.187.939
	<hr/>	<hr/>

Biến động giá trị đầu tư vào công ty liên kết như sau:

	<b>2009</b> <b>VNĐ</b>	<b>2008</b> <b>VNĐ</b>
Số dư đầu năm	223.894.353.641	63.531.680.896
Đầu tư mới	-	166.443.000.000
Loại bỏ lỗ chưa thực hiện	124.342.320	248.684.638
Thu nhập từ lợi nhuận thuần của công ty liên kết	14.190.492.809	10.666.133.785
Thanh lý đầu tư vào các công ty liên kết	-	(6.461.561.597)
Cổ tức từ công ty liên kết	(3.638.887.232)	(9.232.911.982)
Giảm giá trị đầu tư trong công ty liên kết do loãng vốn	-	(1.300.672.099)
Chênh lệch tỷ giá do góp vốn trong công ty liên kết	3.351.604.414	-
	<hr/>	<hr/>
	237.921.906.002	223.894.353.641
	<hr/>	<hr/>

Trong đầu tư dài hạn khác có đầu tư vào cổ phiếu chưa được niêm yết hay giao dịch phổ biến trên thị trường với giá trị ghi sổ 294.721.932.590 VNĐ; giá thị trường của các cổ phiếu này chưa được định giá chắc chắn và chưa có thông tin tin cậy để xem xét về việc giảm giá cổ phiếu; do đó, khoản đầu tư vào các cổ phiếu này được thể hiện theo nguyên giá.

# Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 đầu tư vào công ty liên kết với mệnh giá 13.713 triệu VNĐ và đầu tư dài hạn khác với nguyên giá 60.730 triệu VNĐ (31/12/2008: 16.799 triệu VNĐ và 168.628 triệu VNĐ) được thế chấp ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Tập đoàn.

Biến động của dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn trong năm như sau:

	<b>2009</b> <b>VNĐ</b>	<b>2008</b> <b>VNĐ</b>
Số dư đầu năm	100.596.074.417	1.481.761.682
Tăng dự phòng trong năm	-	99.114.312.735
Hoàn nhập	(37.800.816.043)	-
	<hr/>	<hr/>
Số dư cuối năm	62.795.258.374	100.596.074.417

Chi tiết các khoản đầu tư vào các công ty liên kết như sau:

<b>Tên</b>	<b>Hoạt động chính</b>	<b>Giấy phép Đầu tư</b>	<b>% Quyền sở hữu</b>	<b>31/12/2009</b> <b>VNĐ</b>	<b>31/12/2008</b> <b>VNĐ</b>
Công ty TNHH Siêu xe	Chuyên cung cấp phụ tùng, phụ kiện, trang trí nội thất xe ô tô.	Giấy phép Kinh doanh số 4103008825 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Minh cấp ngày 21 tháng 12 năm 2007 và được điều chỉnh ngày 6 tháng 3 năm 2008.	37,5%	1.293.252.613	1.860.931.380
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Tổng hợp Bến Thành - Savico (SYM)	Chuyên cung cấp xe gắn máy thương hiệu SYM. Mua bán và cung cấp phụ tùng, dịch vụ bảo trì, sửa chữa xe gắn máy.	Giấy phép Kinh doanh số 4102036521 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 25 tháng 1 năm 2006.	37,33%	1.851.170.058	1.635.734.827
Công ty Cổ phần Dana (DANA FORD)	Chuyên cung cấp ô tô thương hiệu FORD. Mua bán và cung cấp phụ tùng thiết bị ô tô, dịch vụ bảo trì, sửa chữa ô tô.	Giấy phép Kinh doanh số 044937 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Đà Nẵng cấp ngày 16 tháng 6 năm 1998 và điều chỉnh ngày 25 tháng 6 năm 2007.	40,27%	5.668.065.506	4.669.355.554
Công ty Taxi Comfort Delgro Savico Taxi	Điều hành dịch vụ vận tải bằng taxi và các dịch vụ khác có liên quan tại Việt Nam.	Giấy phép Kinh doanh số 824/GP-HCM do Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 28 tháng 3 năm 2005.	40,19%	23.708.149.910	22.206.922.691



# Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Tên	Hoạt động chính	Giấy phép Đầu tư	% Quyền sở hữu	31/12/2009 VNĐ	31/12/2008 VNĐ
Công ty TNHH Dịch vụ Sài Gòn (SSC)	Công trình xây dựng dân dụng, các dự án công nghiệp; cung cấp dịch vụ cho thuê văn phòng và giải trí.	Giấy phép Kinh doanh số 4102003457 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 9 tháng 1 năm 2001.	49%	1.831.887.896	1.830.137.405
Công ty Cổ phần Toyota Đông Sài Gòn (TESC)	Chuyên cung cấp ô tô thương hiệu TOYOTA Mua bán và cung cấp phụ tùng thiết bị ô tô, dịch vụ bảo trì, sửa chữa ô tô.	Giấy phép Kinh doanh số 4103001903 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 3 tháng 11 năm 2003, được điều chỉnh ngày 14 tháng 7 năm 2005, ngày 14 tháng 11 năm 2007.	35,16%	41.673.458.611	27.648.271.784
Công ty TNHH Savico -Vinaland	Xây dựng và quản lý trung tâm thương mại, cung cấp thuê văn phòng và các dịch vụ liên quan.	Giấy phép Đầu tư số 411022000214 do Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 3 tháng 10 năm 2008.	49,50%	161.895.921.408	164.043.000.000
				237.921.906.002	223.894.353.641

## 15. Chi phí trả trước dài hạn

	31/12/2009 VNĐ	31/12/2008 VNĐ
Chi phí đất trả trước (*)	16.125.432.980	18.500.496.262
Công cụ và dụng cụ	5.824.655.699	-
Chi phí trước hoạt động	4.199.160.437	-
Chi phí khác	746.797.727	1.117.302.165
	26.946.046.843	19.617.798.427

(\*) Là khoản thuê đất trả trước 8 năm và được phân bổ trong vòng 8 năm.

# Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

## 16. Vay ngắn hạn

	<b>31/12/2009</b> <b>VNĐ</b>	<b>31/12/2008</b> <b>VNĐ</b>
Vay bằng Đô la Mỹ	10.300.000.000	600.000.000
Vay bằng VNĐ	87.238.862.045	93.140.455.060
	<hr/>	<hr/>
	97.538.862.045	93.740.455.060
Nợ dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh 19)	37.225.770.200	34.427.849.200
	<hr/>	<hr/>
	134.764.632.245	128.168.304.260

Trong vay ngắn hạn có 39.540.156.000 VNĐ vay không đảm bảo (31/12/2008: 12.391.000.000 VNĐ) và 57.998.706.045 VNĐ đảm bảo bằng tài sản (31/12/2008: 81.349.455.060 VNĐ) có giá trị ghi sổ là 75.586 triệu VNĐ (31/12/2008: 221.662 triệu VNĐ).

Vay ngắn hạn chịu lãi suất trong khoảng từ 3,6% đến 12,75% (2008: 3,6% đến 19,5%) một năm.

## 17. Thuế phải nộp Ngân sách Nhà nước

	<b>31/12/2009</b> <b>VNĐ</b>	<b>31/12/2008</b> <b>VNĐ</b>
Thuế giá trị gia tăng	3.850.749.035	2.880.851.299
Thuế thu nhập doanh nghiệp	24.457.520.023	13.823.822.620
Thuế khác	2.025.238.711	4.534.394.553
	<hr/>	<hr/>
	30.333.507.769	21.239.068.472

## 18. Chi phí trích trước

	<b>31/12/2009</b> <b>VNĐ</b>	<b>31/12/2008</b> <b>VNĐ</b>
Chi phí lãi vay	1.078.264.776	4.172.800.345
Chi phí thuê	2.662.852.652	995.950.831
Phí kiểm toán	1.045.376.182	824.255.842
Chi phí lương và các chi phí liên quan	1.099.162.755	1.621.974.403
Các chi phí khác	5.971.976.330	3.014.600.885
	<hr/>	<hr/>
	11.857.632.695	10.629.582.306

# Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

## 19. Nợ dài hạn khác

	<b>31/12/2009</b> <b>VNĐ</b>	<b>31/12/2008</b> <b>VNĐ</b>
Doanh thu nhận trước	145.952.506.418	98.764.380.000
Ký quỹ dài hạn nhận được	10.011.121.947	12.335.453.066
Phải trả dài hạn khác	80.209.468.586	28.052.944.126
	<hr/> 236.173.096.951	<hr/> 139.152.777.192

## 20. Vay và nợ dài hạn

	<b>31/12/2009</b> <b>VNĐ</b>	<b>31/12/2008</b> <b>VNĐ</b>
Vay bằng Đô la Mỹ	82.224.660.795	13.600.000.000
Vay bằng VNĐ	332.683.203.954	359.179.185.079
	<hr/> 414.907.864.749	<hr/> 372.779.185.079
Nợ thuê tài chính (*)	2.254.576.184	-
	<hr/> 417.162.440.933	<hr/> 372.779.185.079
Hoàn trả trong vòng 12 tháng	(37.225.770.200)	(34.427.849.200)
	<hr/> 379.936.670.733	<hr/> 338.351.335.879

Trong vay dài hạn có 49.537.878.075 VNĐ vay không đảm bảo (31/12/2008: 63.000.000.000 VNĐ) và 365.369.986.674 VNĐ vay có đảm bảo (31/12/2008: 309.779.185.079 VNĐ) bằng tài sản có giá trị ghi sổ là 305.624 triệu VNĐ (31/12/2008: 284.292 triệu VNĐ).

Vay dài hạn chịu lãi suất trong khoảng từ 10.5% đến 14.1% (2008: 11.34% đến 18%) một năm.

Thời hạn thanh toán của các khoản vay dài hạn như sau:

	<b>2009</b> <b>VNĐ</b>	<b>2008</b> <b>VNĐ</b>
Trong vòng một năm	37.225.770.200	34.427.849.200
Từ hai đến năm năm	282.445.319.255	251.244.814.000
Sau năm năm	95.236.775.294	87.106.521.879
	<hr/> 414.907.864.749	<hr/> 372.779.185.079

# Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

(\*) Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho hợp đồng thuê tài chính không được hủy ngang như sau:

	31/12/2009 VNĐ		
	Tổng khoản thanh toán tiền thuê tài chính	Trả tiền lãi	Trả nợ gốc
Trong vòng một năm	690.581.300	360.004.100	330.577.200
Từ hai đến năm năm	2.595.161.384	671.162.400	1.923.998.984
	3.285.742.684	1.031.166.500	2.254.576.184

## 21. Vốn cổ phần

	31/12/2009		31/12/2008	
	Số lượng cổ phiếu	VNĐ	Số lượng cổ phiếu	VNĐ
Cổ phiếu phổ thông được phép lưu hành	24.995.573	249.955.730.000	20.361.040	203.610.400.000
Cổ phiếu phổ thông đã phát hành	24.995.573	249.955.730.000	20.361.040	203.610.400.000
Cổ phiếu ngân quỹ	(1)	(16.000)	(221.061)	(3.544.746.277)
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	24.995.572	249.955.714.000	20.139.979	200.065.653.723

Tất cả cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VNĐ. Mỗi cổ phiếu tương đương với một quyền biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức được công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông được xếp ngang hàng khi hưởng phần tài sản thuần còn lại của Công ty. Đối với cổ phiếu mà Công ty mua lại, mọi quyền lợi đều bị treo cho đến khi số cổ phiếu đó được phát hành lại.

Biến động vốn cổ phần trong năm như sau:

	31/12/2009		31/12/2008	
	Số lượng cổ phiếu	VNĐ	Số lượng cổ phiếu	VNĐ
Số dư đầu năm	20.139.979	200.065.653.723	14.676.170	145.932.487.500
Cổ phiếu phát hành trong năm	4.634.533	46.345.330.000	5.487.630	54.876.300.000
Cổ phiếu ngân quỹ mua trong năm	-	-	(23.821)	(743.133.777)
Cổ phiếu ngân quỹ phát hành lại trong năm	221.060	3.544.730.277	-	-
Số dư cuối năm	24.995.572	249.955.714.000	20.139.979	200.065.653.723

# Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Tháng 8 năm 2009, Công ty phát hành lại cổ phiếu ngân quỹ thu về 8.642.952.000 VNĐ, với số tiền vượt trên mệnh giá là 5.098.221.723 VNĐ. Khoản này được ghi nhận là thặng dư vốn cổ phần.

Tháng 10 năm 2009, Công ty đã phát hành 4.634.533 cổ phiếu cho các cổ đông cũ và mới. Khoản thu từ phát hành cổ phiếu vượt trên mệnh giá là 131.090.336.580 VNĐ được ghi nhận là phần thặng dư vốn cổ phần trong phần vốn chủ sở hữu.

## 22. Lợi ích cổ đông thiểu số

	2009 VNĐ	2008 VNĐ
Số dư đầu năm	79.466.426.625	45.650.892.992
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông thiểu số trong năm	27.988.729.031	15.339.311.289
Vốn góp trong năm	5.845.950.000	26.720.880.000
Cổ tức	(5.446.221.852)	(7.986.948.355)
Sử dụng quỹ khen thưởng và phúc lợi phân bổ cho cổ đông thiểu số	(851.885.588)	(257.709.301)
Chênh lệch tỷ giá	(701.159.774)	-
	<hr/>	<hr/>
Số dư cuối năm	106.301.838.442	79.466.426.625

## 23. Tổng doanh thu

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán và dịch vụ đã cung cấp được ghi trên hóa đơn không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Doanh thu thuần bao gồm:

	2009 VNĐ	2008 VNĐ
Tổng doanh thu		
• Bán hàng	2.876.534.520.785	1.926.804.323.326
• Dịch vụ	140.785.619.923	131.869.781.468
• Dịch vụ bất động sản đầu tư	76.121.460.304	61.982.362.003
	<hr/>	<hr/>
	3.093.441.601.012	2.120.656.466.797
Các khoản giảm trừ	(14.412.563.909)	(3.033.181.060)
	<hr/>	<hr/>
Doanh thu thuần	3.079.029.037.103	2.117.623.285.737

# Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

## 24. Giá vốn hàng bán

	<b>2009</b> <b>VNĐ</b>	<b>2008</b> <b>VNĐ</b>
Hàng hóa đã bán	2.703.288.808.377	1.826.338.329.622
Dịch vụ cung cấp	113.738.507.559	98.607.936.063
Chi phí khấu hao bất động sản đầu tư	3.152.630.863	3.548.914.146
Giá vốn bất động sản đầu tư	1.450.977.100	14.707.156.896
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	632.051.833	1.924.541.167
	<hr/> 2.822.262.975.732	<hr/> 1.945.126.877.894

## 25. Doanh thu hoạt động tài chính

	<b>2009</b> <b>VNĐ</b>	<b>2008</b> <b>VNĐ</b>
Thu nhập lãi tiền gửi	2.189.982.234	4.976.197.668
Thu từ thanh lý các khoản đầu tư	-	11.952.379.601
Lãi từ thanh lý đầu tư ngắn hạn	10.135.681.200	10.044.079.470
Cổ tức	15.135.860.459	49.987.779.729
Lãi chênh lệch tỷ giá	318.664.516	526.732.748
Doanh thu khác	18.323.995	392.782
	<hr/> 27.798.512.404	<hr/> 77.487.561.998

## 26. Chi phí hoạt động tài chính

	<b>2009</b> <b>VNĐ</b>	<b>2008</b> <b>VNĐ</b>
Chi phí lãi vay ngân hàng	33.031.246.098	63.319.911.776
Lỗ từ thanh lý các khoản đầu tư ngắn hạn	36.789.157.821	16.621.492.448
Chi phí kinh doanh chứng khoán	484.394.542	211.916.819
Lỗ chênh lệch tỷ giá	244.182.776	1.234.769.205
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn và dài hạn	-	121.103.928.587
Hoàn nhập dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn và dài hạn	(44.612.281.895)	-
Chi phí khác	-	9.798.261
	<hr/> 25.936.699.342	<hr/> 202.501.817.096

# Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

## 27. Thu nhập khác

	<b>2009</b> <b>VNĐ</b>	<b>2008</b> <b>VNĐ</b>
Thu từ thanh lý tài sản	3.948.954.697	3.024.486.813
Thu hoa hồng từ các đơn vị khác	276.021.026	164.391.681
Nhận bồi thường từ các đơn vị khác	4.723.445.966	5.942.240.239
Hỗ trợ từ nhà cung cấp	1.175.373.920	1.063.766.877
Thu nhập từ thanh lý khoản đầu tư vào công ty liên kết	-	6.715.939.197
Thu nhập khác	4.883.037.149	103.007.295.927
	<hr/> 15.006.832.758	<hr/> 120.415.490.010

## 28. Chi phí khác

	<b>2009</b> <b>VNĐ</b>	<b>2008</b> <b>VNĐ</b>
Giá trị còn lại của tài sản thanh lý	10.261.013.718	1.745.403.969
Giá trị còn lại của tài sản xóa sổ	382.402.038	3.398.608.732
Các chi phí khác	729.205.952	703.976.572
	<hr/> 11.372.621.708	<hr/> 5.847.989.273

## 29. Thuế thu nhập doanh nghiệp

### (a) Ghi nhận trong bảng cân đối kế toán

	<b>31/12/2009</b> <b>VNĐ</b>	<b>31/12/2008</b> <b>VNĐ</b>
<b>Tài sản thuế thu nhập hoãn lại</b>		
Dự phòng	4.745.384	13.125.435.845
Dự phòng phải thu khó đòi	-	22.050.524
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	42.000.000
Chi phí trích trước	935.254.115	29.352.525
Giá trị của các khoản lỗ mang sang được ghi nhận	10.343.542.460	-
	<hr/> 11.283.541.959	<hr/> 13.218.838.894

# Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

## (b) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

	2009 VNĐ	2008 VNĐ
<b>Chi phí thuế hiện hành</b>		
Năm hiện hành	22.897.602.866	21.143.222.547
Dự phòng thiếu trong những năm trước	942.480.732	-
	23.840.083.598	21.143.222.547
<b>Chi phí/(lợi ích) thuế hoãn lại</b>		
Phát sinh các khoản chênh lệch tạm thời	(766.557.349)	(16.452.728.916)
Xóa sổ tài sản thuế hoãn lại	6.310.518.697	1.882.894.085
Hoàn nhập các khoản chênh lệch tạm thời	6.734.878.047	-
Lỗi tính thuế mang sang được ghi nhận	(10.343.542.460)	-
	1.935.296.935	(14.569.834.831)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	25.775.380.533	6.573.387.716

## (c) Đối chiếu thuế suất thực tế

	2009 VNĐ	2008 VNĐ
Lợi nhuận trước thuế	125.649.561.552	61.865.863.816
Thuế theo thuế suất thuế thu nhập áp dụng cho Công ty	31.223.634.686	17.322.441.868
Ảnh hưởng thuế của chi phí không khấu trừ thuế	2.194.173.005	1.730.171.654
Ảnh hưởng thuế của thu nhập không chịu thuế	(4.290.189.552)	(12.251.965.093)
Ảnh hưởng của ưu đãi thuế	(8.403.790.776)	(4.451.130.061)
Ảnh hưởng của thuế suất thấp của các công ty con	-	(727.187.384)
Ảnh hưởng của chênh lệch thuế suất trên thu nhập khác	-	799.485.914
Thuế hoãn lại không ghi nhận tại các công ty con	2.790.364.084	2.436.715.305
Xóa sổ tài sản thuế hoãn lại	6.310.518.697	1.882.894.085
Lỗi tính thuế được sử dụng	(128.638.903)	(168.038.572)
Ảnh hưởng của lỗi chưa thực hiện từ công ty con	(4.863.171.440)	-
Dự phòng thiếu trong năm trước	942.480.732	-
Chi phí thuế thu nhập	25.775.380.533	6.573.387.716

Tài sản thuế hoãn lại không được một số công ty con ghi nhận trên sổ lỗi tính thuế vì các công ty con này không chắc chắn có thu nhập chịu thuế trong tương lai để sử dụng lợi ích của các khoản lỗi tính thuế này.



# Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

## (d) Thuế suất áp dụng

Công ty và các công ty con có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập theo thuế suất phổ biến được áp dụng cho các doanh nghiệp tại Việt Nam, hiện nay bằng 25% trên lợi nhuận tính thuế. Công ty được miễn thuế thu nhập trong năm 2005 và năm 2006 và được giảm 50% thuế thu nhập cho năm tiếp theo (từ năm 2007 đến 2011).

Theo Thông tư 03/2009/TT-BTC, Công ty được giảm 30% nợ thuế thu nhập trong quý tư năm 2008 và cả năm 2009.

## 30. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 dựa trên số lợi nhuận thuộc các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông và số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành, được thực hiện như sau:

	2009 VNĐ	2008 VNĐ
Lợi nhuận thuộc các cổ đông của Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn	71.885.451.988	39.953.164.811

## Số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông

	2009 Số lượng cổ phiếu	2008 Số lượng cổ phiếu
Cổ phiếu phổ thông đã phát hành đầu năm	20.139.979	14.676.170
Ảnh hưởng của cổ phiếu phát hành tháng 5 năm 2007	-	-
Ảnh hưởng của cổ phiếu mua lại tháng 5 năm 2008	-	(1.133)
Ảnh hưởng của cổ phiếu phát hành tháng 5 năm 2008	-	3.201.118
Ảnh hưởng của cổ phiếu mua lại tháng 6 năm 2008	-	(1.119)
Ảnh hưởng của cổ phiếu mua lại tháng 8 năm 2008	-	(452)
Ảnh hưởng của cổ phiếu mua lại tháng 9 năm 2008	-	(853)
Ảnh hưởng của cổ phiếu mua lại tháng 10 năm 2008	-	(1.553)
Ảnh hưởng của cổ phiếu mua lại tháng 11 năm 2008	-	(463)
Ảnh hưởng của cổ phiếu bán ra tháng 8 năm 2009	73.687	-
Ảnh hưởng của cổ phiếu phát hành tháng 10 năm 2009	772.422	-
Số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành cuối năm	20.986.088	17.871.715

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2009, Công ty không có các cổ phiếu tiềm năng có tác động suy giảm.

## 31. Cổ tức

Đại hội cổ đông của Công ty ngày 15 tháng 4 năm 2009 đã quyết định chia cổ tức là 16.112 triệu VNĐ (8% mệnh giá của những cổ phiếu đang lưu hành tại ngày 20 tháng 5 năm 2009, là ngày chốt danh sách cổ đông được hưởng cổ tức).

Hội đồng quản trị họp ngày 25 tháng 12 năm 2009 đã quyết định chia cổ tức là 12.498 triệu VNĐ (5% mệnh giá của những cổ phiếu đang lưu hành tại ngày 15 tháng 1 năm 2010, là ngày chốt danh sách cổ đông được hưởng cổ tức).

# Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

## 32. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

### Xác định các bên liên quan

Tập đoàn có mối quan hệ liên quan với các cổ đông lớn, các công ty liên kết và các cán bộ quản lý chủ chốt. Tập đoàn có các công ty con sau:

Các công ty con	Hoạt động chính	Giấy phép đầu tư số	% sở hữu
Công ty TNHH Sài Gòn Ô tô (SAIGON FORD)	Chuyên cung cấp ô tô thương hiệu FORD. Mua bán và cung cấp phụ tùng, dịch vụ bảo trì, sửa chữa ô tô.	Giấy phép Kinh doanh số 4102001544 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 5 tháng 3 năm 2003, điều chỉnh ngày 22 tháng 10 năm 2003 và 26 tháng 4 năm 2005.	52,05%
Công ty Liên doanh Toyota Giải Phóng (TGP)	Chuyên cung cấp ô tô thương hiệu TOYOTA. Mua bán và cung cấp phụ tùng thiết bị ô tô, dịch vụ bảo trì, sửa chữa ô tô.	Giấy phép Đầu tư số 14/GP-HN do Ủy ban Nhân dân Hà Nội cấp ngày 22 tháng 1 năm 1998.	51%
Công ty TNHH Đông Đô Thành (GM DAEWOO)	Chuyên cung cấp ô tô thương hiệu GM-Daewoo. Mua bán và cung cấp phụ tùng, dịch vụ bảo trì, sửa chữa ô tô.	Giấy phép Đầu tư số 4102014294 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 5 tháng 3 năm 2003 và ngày 22 tháng 10 năm 2003.	55%
Công ty TNHH Dịch vụ và Bán lẻ tự động Savico (SAVICO - R Co., Ltd)	Kinh doanh động cơ điện, máy bán hàng tự động, phụ tùng, bán và cho thuê máy bán hàng tự động, tư vấn, vận tải nội địa, bưu chính và viễn thông, quảng cáo cho các doanh nghiệp, và dịch vụ cho thuê văn phòng.	Giấy phép Đầu tư số 4102034948 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 23 tháng 11 năm 2005 và được điều chỉnh ngày 19 tháng 1 năm 2006, và ngày 12 tháng 10 năm 2007.	99%
Công ty Cổ phần Ô tô Thành phố (HYUNDAI)	Chuyên cung cấp ô tô thương hiệu HYUNDAI. Mua, bán và cung cấp phụ tùng, dịch vụ bảo trì, sửa chữa ô tô.	Giấy phép Kinh doanh số 0309553786 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 03 tháng 11 năm 2009	51%
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Sài Gòn (YAMAHA Cần Thơ)	Chuyên cung cấp xe gắn máy thương hiệu YAMAHA. Mua bán và cung cấp phụ tùng, dịch vụ bảo trì, sửa chữa xe gắn máy.	Giấy phép Kinh doanh số 5702001169 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Cần Thơ cấp ngày 11 tháng 8 năm 2006.	93,33 %
Công ty Cổ phần Sài Gòn Ngôi Sao	Chuyên cung cấp xe gắn máy thương hiệu SUZUKI. Mua bán và cung cấp phụ tùng, dịch vụ bảo trì, sửa chữa xe gắn máy.	Giấy phép Kinh doanh số 4103007242 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 9 tháng 7 năm 2007 và điều chỉnh ngày 28 tháng 5 năm 2008	55%

# Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Các công ty con	Hoạt động chính	Giấy phép đầu tư số	% sở hữu
Công ty TNHH TMDV Sài Gòn Viễn Đông	Chuyên cung cấp xe gắn máy thương hiệu HONDA. Mua bán và cung cấp phụ tùng, dịch vụ bảo trì, sửa chữa xe gắn máy.	Giấy phép Kinh doanh số 4102055390 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 29 tháng 10 năm 2007	55%
Công ty Cổ phần Savico Hà Nội	Điều hành trung tâm thương mại, dịch vụ khách sạn; xây dựng dân sự, dự án công nghiệp, đại lý thương mại và ủy thác; hoạt động xuất nhập khẩu; kinh doanh phương tiện vận tải và bảo trì xe hơi, cho thuê máy, dịch vụ vận chuyển và đậu xe.	Giấy phép Kinh doanh số 0103018056 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Hà Nội cấp ngày 19 tháng 6 năm 2007 và ngày 12 tháng 9 năm 2007	70%
Công ty TNHH Toyota Cần Thơ	Chuyên cung cấp ô tô thương hiệu TOYOTA. Mua bán và cung cấp phụ tùng thiết bị ô tô, dịch vụ bảo trì, sửa chữa ô tô.	Giấy phép Đầu tư số 571022000005 do Ủy ban Nhân dân tỉnh Cần Thơ cấp ngày 18 tháng 4 năm 2007	51%

## Giao dịch với các cán bộ quản lý chủ chốt

Lương, thù lao và công tác phí cho các cán bộ quản lý chủ chốt như sau:

	2009 VNĐ	2008 VNĐ
Hội đồng quản trị	2.101.842.000	1.655.309.224
Cán bộ điều hành	953.000.000	731.580.512
Ban kiểm soát	92.000.000	72.000.000
	<b>3.146.842.000</b>	<b>2.458.889.736</b>

# Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

## Giao dịch với bên liên quan khác

Trong năm có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Tính chất giao dịch	2009 VNĐ	2008 VNĐ
Công ty Cổ phần Toyota Đông Sài Gòn	Công ty liên kết	Cổ tức nhận từ công ty liên kết	1.371.240.000	7.159.696.800
		Mua hàng của công ty liên kết	922.307.388	-
		Bán hàng cho công ty liên kết	132.484.000	-
Công ty TNHH Comfort Delgro Savico Taxi Company	Công ty liên kết	Tiền thuê thu từ công ty liên kết	2.184.202.774	1.828.939.872
Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Bến Thành Savico	Công ty liên kết	Cổ tức nhận từ công ty liên kết	448.000.000	224.000.000
		Hoa hồng nhận từ công ty liên kết	1.652.773.650	494.919.500
Công ty Cổ phần Dana	Công ty liên kết	Cổ tức nhận từ công ty liên kết	1.819.647.182	838.800.110
Công ty TNHH Savico - Vinaland	Công ty liên kết	Phí tư vấn trả cho công ty liên kết	3.156.603.624	-

## 33. Cam kết thuê

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

	2009 VNĐ	2008 VNĐ
Trong vòng một năm	20.570.129.788	16.684.840.576
Từ hai đến năm năm	36.543.158.353	41.592.887.366
Sau năm năm	67.253.419.236	69.299.673.021
	124.366.707.377	127.577.400.963

# Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

## 34. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố

	<b>2009</b> <b>VNĐ</b>	<b>2008</b> <b>VNĐ</b>
Chi phí mua hàng hóa	1.697.200.811.330	1.305.481.924.298
Chi phí nhân công và nhân viên văn phòng	79.003.405.186	55.878.448.347
Chi phí khấu hao và phân bổ	9.365.982.781	9.091.544.733
Chi phí dịch vụ mua ngoài	89.407.639.642	55.169.682.493
Chi phí khác	20.289.730.576	12.624.588.292

Người lập:



Hoàng Thị Thảo  
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Nguyễn Vĩnh Thọ  
Tổng Giám đốc

18 tháng 3 năm 2010

## Hệ Thống Các Chi Nhánh, Công Ty Con, Liên Doanh Liên Kết và Danh Mục Đầu Tư



**CÁC CHI NHÁNH****Chi nhánh Savico Cần Thơ**

Địa chỉ : 71 Hùng Vương, Quận Ninh Kiều  
TP.Cần Thơ

ĐT : 0710 3827 308

Fax : 0710 3820 205

**Chi nhánh Savico Đà Nẵng**

Địa chỉ : 66 Võ Văn Tần, Quận Thanh Khê,  
TP.Đà Nẵng

ĐT : 0511 3647 858

Fax : 0511 3646 517

**CÁC CÔNG TY CON, LIÊN DOANH, LIÊN KẾT:****Các công ty con**

01

**Công ty CP Savico Hà Nội**

Địa chỉ : 40 Cát Linh Hà Nội

ĐT : 04. 3736 7636

Fax : 04. 3737 7656

Vốn điều lệ : 50,000,000,000 đồng

Tỷ lệ vốn góp của Savico : 70%

02

**Công ty LD TNHH Toyota Giải Phóng**

Địa chỉ : 807 Giải Phóng, P Giáp Bát, Quận Hoàng Mai, TP. Hà Nội

ĐT : 04. 3664 0124

Fax : 04. 3664 0127

Vốn điều lệ : 18,134,000,000 đồng

Tỷ lệ vốn góp của Savico : 51%

03

**Công ty TNHH Sài Gòn Ôtô (Sài Gòn Ford)**

Địa chỉ : 61A Cao Thắng, Quận 3, TP.HCM

ĐT : 08 3822 7122

Fax : 08 3823 3494

Vốn điều lệ : 13,000,000,000 đồng

Tỷ lệ vốn góp của Savico : 52,05%



# Hệ Thống Các Chi Nhánh, Công Ty Con, Liên Doanh Liên Kết và Danh Mục Đầu Tư

## Công ty TNHH Sài Gòn Ôtô (Sài Gòn Ford)

### Chi nhánh

- 1. TT kinh doanh xe cũ & xưởng DV sửa chữa - đồng sơn**  
104 Phố Quang, P.2, Q. Tân Bình, TpHCM
- 2. Sài Gòn Automax**  
72 Trần Đình Xu, Quận 1, TpHCM
- 3. Siêu thị Sài Gòn Auto**  
105 Nguyễn Văn Cừ, Quận 5, TpHCM
- 4. Chi nhánh tại Cần Thơ**  
41A/3 Đường 3/2, P. Xuân Khánh, Tp Cần Thơ

04

## Công ty TNHH Đông Đô Thành

Địa chỉ	: 655 Xa Lộ Hà Nội, Quận 2, TP.HCM
ĐT	: 08 3898 9878
Fax	: 08 3898 9876
Vốn điều lệ	: 8,000,000,000 đồng
Tỷ lệ vốn góp của Savico	: 55%

05

## Công ty TNHH TMDV Sài Gòn (Yamaha Cần Thơ)

Địa chỉ	: 164-166C, Đường 3/2, Quận Ninh Kiều, TP Cần Thơ
ĐT	: 0710 3780 166
Fax	: 0710 3780 166
Vốn điều lệ	: 4,000,000,000 đồng
Tỷ lệ vốn góp của Savico	: 70%

Cửa hàng 2S: 164/1B Trần Ngọc Quế, P. Hưng Lợi, Q. Ninh Kiều, Tp CT



**ĐÔNG ĐÔ THÀNH**





06

**Công ty Liên Doanh TNHH Toyota Cần Thơ**

<b>Địa chỉ</b>	: Lô 20, KĐT Phú An, Quang Trung, P.Phú Thứ, Q.Cái Răng, TP.Cần Thơ
<b>ĐT</b>	: 0710 3827 308
<b>Fax</b>	: 0710 3820 205
<b>Vốn điều lệ</b>	: 49,625,548,000 đồng
<b>Tỷ lệ vốn góp của Savico</b>	: 51%

07

**Công ty Cổ Phần Sài Gòn Ngôi Sao**

<b>Địa chỉ</b>	: 14-16 Trần Hưng Đạo, Quận 1, TP.HCM
<b>ĐT</b>	: 08 3837 8390
<b>Fax</b>	: 08 3838 6146
<b>Vốn điều lệ</b>	: 15,000,000,000 đồng
<b>Tỷ lệ vốn góp của Savico</b>	: 55%

**Các cửa hàng xe gắn máy:**

1. 182 Trần Quốc Thảo, Q.3, TpHCM (Suzuki)
2. 3/9 Kha Vạn Cân, Thủ Đức (Suzuki)
3. 325 Lý Tự Trọng, Q.1, TpHCM (Suzuki)
4. 379 Quang Trung (Suzuki)
5. 673 Huỳnh Tấn Phát, P. Tân Thuận Đông, Quận 7 (Honda)

**Showroom Ô tô Suzuki:** 510 Quốc lộ 13, P.Hiệp Bình Phước, Q.Thủ Đức, TpHCM

08

**Công ty cổ phần Ô tô Thành Phố**

<b>Địa chỉ</b>	: 6 Trần Hưng Đạo, Quận 1, TpHCM
<b>ĐT</b>	: (84.8) 3915 3247
<b>Fax</b>	: (84.8) 3915 3248
<b>Vốn điều lệ</b>	: 10,000,000,000 đồng
<b>Tỷ lệ vốn góp của Savico</b>	: 51%

**TCTC****TOYOTA CẦN THƠ****SÀI GÒN NGÔI SAO****HYUNDAI****HYUNDAI TRẦN HƯNG ĐẠO**

# Hệ Thống Các Chi Nhánh, Công Ty Con, Liên Doanh Liên Kết và Danh Mục Đầu Tư

## 09

### Cty cổ phần Bến Thành Ô tô

<b>Địa chỉ</b>	: 831 Trường Chinh, P.Tây Thạnh, Q.Tân Phú, TP.HCM
<b>ĐT</b>	: (84.8) 3815 7979
<b>Fax</b>	: (84.8) 3815 8989
<b>Email</b>	: : info@benthanhford.com.vn
<b>Website</b>	: www.benthanhford.com.vn
<b>Vốn điều lệ</b>	: 20,000,000,000 đồng
<b>Tỷ lệ vốn góp của Savico</b>	: 52%

### Các công ty liên doanh, liên kết

## 01

### Cty CP Toyota Đông Sài Gòn (TESC)

<b>Địa chỉ</b>	: Trụ sở: 507 Xa Lộ Hà Nội, Quận 2, TP.HCM
<b>ĐT</b>	: 08 3898 9242 / 08 3899 9243
<b>Vốn điều lệ</b>	: 39,000,000,000 đồng
<b>Tỷ lệ vốn góp của Savico</b>	: 35,16%
<b>Chi nhánh</b>	: 18 Phan Văn Trị, P.07, Q. Gò Vấp, TpHCM

## 02

### Cty TNHH TMDV TH Bến Thành - Savico

<b>Địa chỉ</b>	: 17-19 Trần Hưng Đạo, Quận 1, TP.HCM
<b>ĐT</b>	: 08 3914 3826
<b>Fax</b>	: 08 3914 2899
<b>Vốn điều lệ</b>	: 3,000,000,000 đồng
<b>Tỷ lệ vốn góp của Savico</b>	: 37,33%

#### Các cửa hàng xe gắn máy:

1. Số 01 Nguyễn Trãi, Q.1, TpHCM
2. 365 Huỳnh Tấn Phát, P. Tân Thuận Đông, Q.7
3. 144 Lê Văn Việt, P. Hiệp Phú, Q.9, TpHCM
4. 58-59 Nguyễn Thị Định, P.An Phú, Q.02, TpHCM
5. 331C Trần Hưng Đạo, P. Cô Giang, Q.1, TpHCM



**BEN THANH FORD**



**BẾN THÀNH SAVICO**

03

**Cty TNHH Comfort DelGro Savico Taxi**

<b>Địa chỉ</b>	: 325 Hồ Văn Huê, P.2, Tân Bình, TP.HCM
<b>ĐT</b>	: 3842 4400
<b>Fax</b>	: 08 3842 4400
<b>Vốn điều lệ</b>	: 79,315,000,000 đồng
<b>Tỷ lệ vốn góp của Savico</b>	: 40 %

04

**Cty CP DANA (Dana Ford)**

<b>Địa chỉ</b>	: 56 Điện Biên Phủ, Quận Thanh Khê, TP.Đà Nẵng
<b>ĐT</b>	: 0511 3646 555
<b>Fax</b>	: 0511 3646746
<b>Vốn điều lệ</b>	: 8,000,000,000 đồng
<b>Tỷ lệ vốn góp của Savico</b>	: 40,27%

- Trung Tâm Dịch Vụ Đồng Sơn**  
37A Điện Biên Phủ, Tp Đà Nẵng
- Trung Tâm Kinh Doanh Ô tô tổng hợp (ô tô cũ)**  
66 Võ Văn Tần - Đà Nẵng
- Chi nhánh tại Gia Lai**  
304 Phạm Văn Đồng, P. Thống nhất, Tp Pleiku
- Chi nhánh Bình Định**  
73 Tây Sơn, P. Quang Trung, Tp Quy Nhơn

05

**Công ty Cổ phần Siêu xe**

<b>Địa chỉ</b>	: 104 Phổ Quang, P.2, Q. Tân Bình, TpHCM
<b>ĐT</b>	: 08 66 530 532
<b>Fax</b>	: 08 38 420 574
<b>Vốn điều lệ</b>	: 8,000,000,000 đồng
<b>Tỷ lệ vốn góp của Savico</b>	: 37,50%

**COMFORTSAVICO**

COMFORT DELGRO SAVICO TAXI

**DANAFORD**

SUPER CAR

## Hệ Thống Các Chi Nhánh, Công Ty Con, Liên Doanh Liên Kết và Danh Mục Đầu Tư

06

### Công ty Liên Doanh Savico VinaLand

<b>Địa chỉ</b>	: 115-117 Hồ Tùng Mậu, Phường Bến Nghé, Q.1, Tp.HCM
<b>Vốn điều lệ</b>	: 320.000.000.000 đồng
<b>Tỷ lệ vốn góp của Savico</b>	: 49,5%

07


### Công ty TNHH Dịch vụ tổng hợp Sài Gòn Khánh Hội

<b>Địa chỉ</b>	: 56 Bến Vân Đồn Q4- Tp.HCM
<b>ĐT</b>	: 3943.3430
<b>Fax</b>	: 3943 3429
<b>Vốn điều lệ</b>	: 6.000.000.000 đồng
<b>Tỷ lệ vốn góp của Savico</b>	: 49%



## Danh mục đầu tư:

STT	TÊN CTY	ĐỊA CHỈ	SỐ ĐT	VỐN ĐIỀU LỆ (ĐVT: ĐỒNG)	TỶ LỆ VỐN GÓP CỦA SAVICO
<b>CÁC CÔNG TY SAVICO CỬ CÁN BỘ THAM GIA QUẢN LÝ</b>					
1	Ngân hàng TMCP Phương Đông (OCB)	45 Lê Duẩn, Q.1, Tp.HCM	ĐT: 38 220 960 FAX: 38 220 963	2.000.000.000.000	5,12%
2	CTCP chứng khoán Phương Đông (ORS)	194 Nguyễn Công Trứ, P.Nguyễn Thái Bình, Q.1, Tp.HCM	ĐT: 39 144 290 FAX: 39 142 295	240.000.000.000	10,00%
3	CTCP thương mại dịch vụ Bến Thành (TSC)	120-121 Bến Chương Dương, Q.1, Tp.HCM	ĐT: 38 236 724 FAX: 38 223 390	88.000.000.000	1,72%
4	CTCP Dây và Cáp điện Việt Thái (VITHAICO)	Đường số 1, KCN Biên Hòa 1, Đồng Nai	ĐT: 061 3836 158 FAX: 061 3836 297	50.000.000.000	13,02%
5	CTCP du lịch Bến Thành Non Nước (Sandy Beach)	255 Huyền Trân Công Chúa, P.Hòa Hảo, Q.Ngũ Hành Sơn, Tp.Đà Nẵng	ĐT: 0511 3836 216 FAX: 0511 3836 335	70.000.000.000	8,57%
6	CTCP Bến Thành Long Hải (Tropicana)	Tỉnh lộ 44A, xã Phước Hải, huyện Đất Đỏ, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu	ĐT: 64 679999 FAX: 64 678888	43.000.000.000	15,00%
7	CTCP đầu tư kinh doanh điện lực Tp.HCM (Tradincorp)	29 đường số 41 P.6, Q.4, Tp.HCM	ĐT: 22 117 898 FAX: 38 264 051	234.039.498.000	5,77%
8	CTCP phát triển nhà Thủ Đức (TDH)	384 Võ Văn Ngân, Bình Thọ, Q.Thủ Đức, Tp.HCM	ĐT: 38 966 676 FAX: 38 961 123	378.750.000.000	0,81%
<b>CÁC CÔNG TY ĐẦU TƯ KHÁC</b>					
9	Ngân hàng TMCP Việt Á (VAB)	115-121 Nguyễn Công Trứ, P.Nguyễn Thái Bình, Q.1, Tp.HCM	ĐT: 38 292 497 FAX: 38 230 336	1.631.801.830.000	3,71%
10	CTCP kỹ nghệ lạnh Searefico (Searefico)	149B Trương Định, Q.3, Tp.HCM	ĐT: 38 752 116 FAX: 38 753 002	80.201.000.000	2,16%
11	CTCP dịch vụ bưu chính viễn thông Sài Gòn (SPT)	199 Điện Biên Phủ, P.15, Q.Bình Thạnh, Tp.HCM	ĐT: 54 041 440 FAX: 54 040 795	467.499.910.000	3,92%
12	CTCP đầu tư xây dựng Thái Bình Dương (Constrexim Pacific)	69 Lê Quốc Hưng, P.12, Q.4, Tp.HCM	ĐT: 22 116 707 FAX: 39 434 233	50.000.000.000	10%
13	CTCP cao su y tế Merufa (MERUFA)	C64/II đường số 8, KCN Vĩnh Lộc A, Bình Chánh, Tp.HCM	ĐT: 37 655 031 FAX: 37 654 161	33.394.140.000	3,29%
14	CTCP Bảo hiểm Toàn Cầu (GIC)	106-108 Cống Quỳnh, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam.	ĐT: 39 202 627 FAX: 39 202 628	344.546.000.000	0,52%
15	Công ty Bia rượu nước giải khát Sài Gòn (Sabeco)	6 Hai Bà Trưng, Q1, TP HCM	ĐT: 38294083 FAX: 38296856	6.412.811.860.000	0,03%



# A Steady Stance



Message from the Chairman	105
Summary of the Corporation Operation and Development History	114
Savico Business Activities	116
Report from the Chief Executive Officer (CEO)	125
Savico Community Activities	134
The Management System and Human Resources System	138
Corporation Management & Shareholder Information	140
Financial Reports in 2009	148
• Auditor's Report from KPMG	151
• Consolidated Balance Sheet	152
• Consolidated Statement of Income	155
• Consolidated Statement of Change in Equity	157
• Consolidated Statement of Cash Flows	159
• Notes to Financial Statements	162
Savico's Branches, Subsidiaries, Affiliates, and Investment Companies	192

## Vision

To become a leading service oriented investment corporation in Vietnam, joining the regional and international markets.

## Missions

Attain position of the best service provider with all business activities aimed at satisfying customers' needs.

“Satisfying customers is our happiness”

## Core values

“Respect, listen, and value customers', partners', shareholders' interests as our own.”

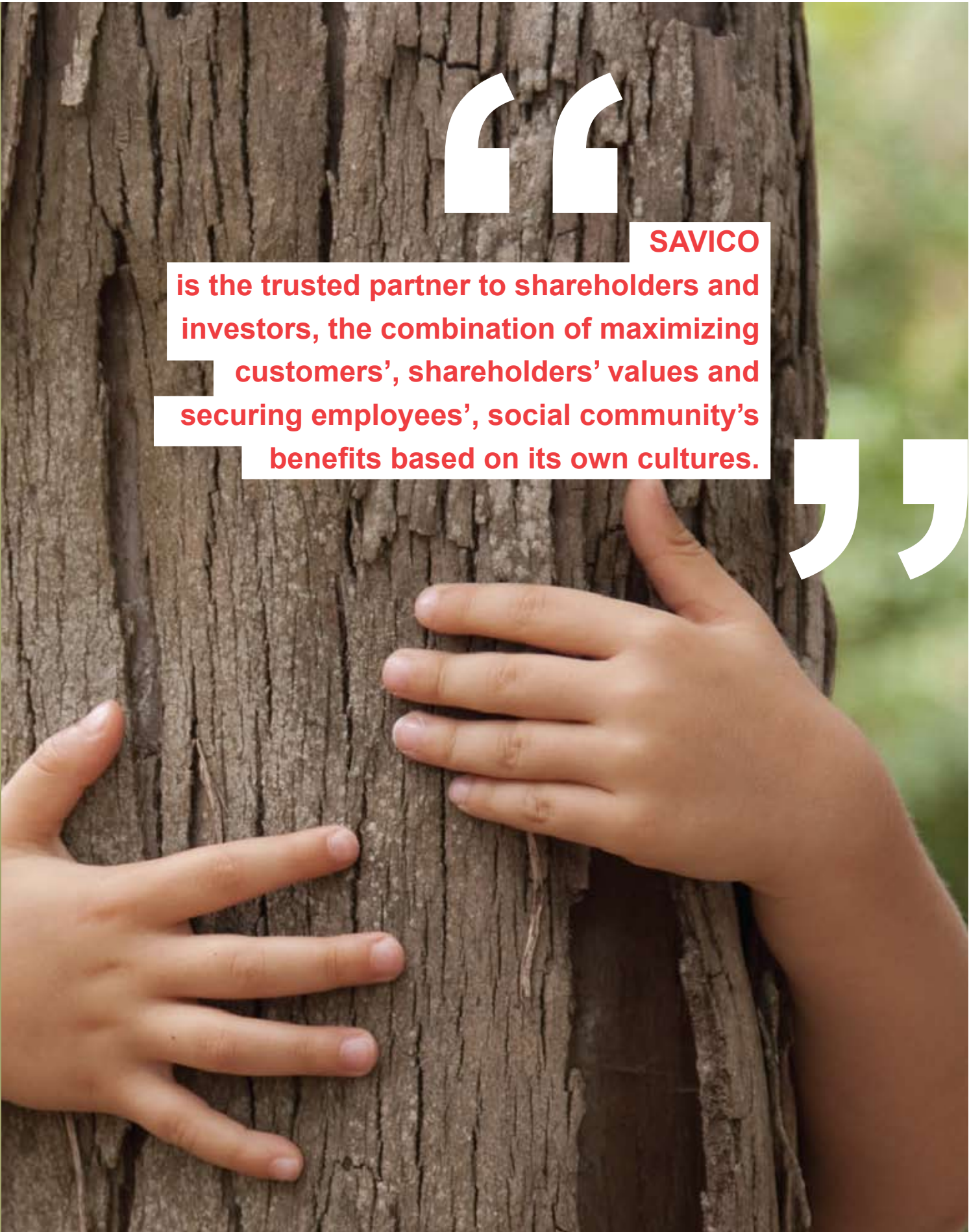
“Uniting to overcome obstacles; renewing ourselves for promising opportunities and success”



“

**SAVICO**  
is the trusted partner to shareholders and investors, the combination of maximizing customers', shareholders' values and securing employees', social community's benefits based on its own cultures.

”



## Message from the Chairman



## Dear shareholders and investors,

In 2009, while the global economy has revived after the 2008 financial crisis, the Vietnam economy has not been recovered as expected. The Vietnamese government has decided to change their number one target from suppressing inflation to sustaining economy growth, stabilizing the macro economy, maintaining social security by executing economic stimulus packages. However, risks and obstacles still remain: widening trade deficit and balance-of-payments crisis, foreign exchange rate, gold price, gasoline price increased rapidly during the last months of the year, and increasing risk of inflation. These negative external factors affected the Corporation's business directly.

Since the beginning of the year, the Board of Directors (BOD) has directed the Board of Managers (BOM) to adjust the Corporation's goals and to execute timely, affective actions to cope with the situation in order to achieve the annual targets as planned. Eventhough it was a difficult time for all of us, the good point is this has shown the BOM's efforts to lead the corporation through hardships by implementing effective financial policies throughout the whole corporate system so that we can now grow safely and attain a steady position in the market. We have captured all opportunities to buildup and professionalize our Auto & Motorcycle Services while concurrently enlarging the business network to increase our market shares, establishing a stable competitive reputation within the industry. Our strategies include maximizing returns from our real estate investments, sharpening our financial service forecasting abilities, developing an efficient financial system to reconstruct our portfolios by liquidating unfit equities and to avoid external risks.

Savico has ended the fiscal year 2009 with a lot of grand success, EBIT of the whole system gained 178% compared to plan, that thanks to the competent and proper decisions from the BOD and management teams throughout the whole Savico corporation. These great achievements were also the results of our shareholders', investors', and customers' encouragements, sharings, co-operations, and trustfulness, that have given the BOD, the BOM, and all employees motivation and confidence to commit to Savico's development and growth. After 5 years dealing with so many challenges and difficulties, our BOD has gained many valuable lessons and experience, which helped us strengthen our spiritual & physical stamina, for example: (1) To grow the company prospectively we need to have the right marketing and financing strategies; Difficulties often come with opportunities, and we need to take the chance to grow our business; (2) To gather and make use of all internal and external resources to expand our business and preserve steady growth; (3) To build a transparent and professional management system every member of the management teams should seriously admit his/ her failure and success, take good care and train our supporters so that we can have a team of qualified people who are always able to take charge of the assigned duties.

## Message from the Chairman

This year 2010 is the first year of the 2010 – 2015 term to the BOD and the Board of Supervisors (BOS). The BOD will continue to complete the goal of making Savico a steady investment company at a national and international level by the year 2015 in the conditions of HEALTHY FINANCE – STEADY GROWTH by promoting Savico's 3 main service categories, combining business opportunities within the business categories, industries and demographic areas, taking control of the market share through the establishments of 2 joint stock companies in Da Nang and Can Tho, carrying out necessary research to set up more specialty joint stock (JV) companies in Real Estate, Auto & Motorcycle, and Finance services in the future.

On behalf of the BOD, I would like to express our gratefulness to all shareholders, investors, and customers for their supports and contributions to the development of our corporation in all these years. I would like to send my special thanks to all members of the BOD, current shareholders, Ben Thanh Group, our partners, our consulting companies, supportive banks, central and local government offices, State Securities Commission of Vietnam, Ha Noi Stock Exchange, Ho Chi Minh Stock Exchange, Vietnam Securities Depository, and especially to the valuable supports from the BOM, all employees that have helped the 2005 – 2010 term BOD complete their duties in building the foundation and advancement of the corporation. Savico shall fulfill its missions and exceed its 2010 business plan targets with a speedy, but steady pace to worth the shareholders', investors', and customers' trust.

Thank you very much.



NGUYỄN VĨNH THỌ  
Chairman



**Mr Nguyen Vinh Tho**

Chairman

Date of birth: 01/01/1961

Place of birth: Gia Lai Province

Permanent address: 17 Tran Nhat  
Duat, District 1, HCMC

Major: Master of Business  
Administration

Position in other organizations:

Chairman of Savico Hanoi  
Corporation, Chairman of Toyota  
East Saigon Corporation (TESC),  
Chairman of Toyota Giai Phong  
JV Co., Ltd, Chairman of Savico -  
Vinaland JV Co., Ltd, Chairman of  
Dana (Dana Ford) Corporation.



**Mr Lương Quang Hiến**

Member

Date of birth: 25/11/1967

Permanent address: 93, 37 Street, Tan Quy  
Ward, District 7, HCM City

Major: Master of Business Administration

Position in other organization: Deputy  
general director of Kinh Do Corporation.



**Ms Hoàng Thị Thảo**

Member

Date of birth: 11/12/1958

Place of birth:

Ho Chi Minh City

Permanent address: 89/4

Tran Van Dang, Ward 9,  
District 3, HCMC

Major: Chief Accountant

Position in other  
organizations: none

# Board of Directors

**Mr Vo Hien**

Member  
 Date of birth: 20/06/1956  
 Place of birth: Hoa Vang,  
 Da Nang City  
 Permanent address: 159 Ly  
 Tu Trong, Ben Thanh Ward,  
 District 1, HCMC  
 Major: College Degree  
 Position in other  
 organizations: none



**Mr Le Dien**

Member  
 Date of birth: 05/06/1962  
 Place of birth: Quang Nam Province  
 Permanent address: 82/52 Dinh Bo  
 Linh, Ward 26, Binh Thanh District,  
 HCMC  
 Major: Bachelor of Economics  
 Position in other organizations: none



**Mr Nguyen Binh Minh**

Member  
 Date of birth: 13/02/1972  
 Place of birth: Ha Noi  
 Permanent address: 150/1 Ung Van Khiem,  
 Ward 25, Binh Thanh District, HCMC  
 Major: Bachelor of Business Administration  
 Position in other organizations: Chairman of  
 Saigon Ngoi Sao Corp., Chairman of Dong Do  
 Thanh Co., Ltd., Member of BOM of Comfort  
 Delgro Savico Taxi JV.

**Mr Te Tri Dung**

Member  
 Date of birth: 14/08/1981  
 Place of birth: Ho Chi Minh City  
 Permanent address: 56 Dinh Cong  
 Trang, Tan Dinh Ward, District 1, HCMC  
 Major: Master of Business  
 Administration  
 Position in other organizations: Member  
 of BOD of Norfolk Hotel JV Co., Ltd,  
 Member of BOD of Ben Thanh Jewelry  
 Co., Ltd.



tors



**Mr Mai Viet Ha**

Deputy General Director

Date of birth: 18/02/1973

Place of birth: Hung Yen Province

Permanent address: A4-6 Khanh Hoi Apartment

Building, 360C Ben Van Don, Ward 1,

District 4, HCMC

Major: Master of Business Administration

Position in other organizations: Chairman of member Council of Service and Trading Co., Ltd,

Chairman of Supercar Corporation, Member of

Board of Directors of of Saigon Automobile Co.,

Ltd, Member of Member Council of Dong Do Thanh

Corporation.



**Mr Vo Hien**

Deputy General Director



**Mr Nguyen Vinh Tho**

General Director

# Board of Mana





**Mr Phan Tuan Dung**

Deputy General Director  
 Date of birth: 21/08/1969  
 Place of birth: Quang Nam Province  
 Permanent address: 10 Nguyen Duc Canh, Thuan Phuoc Ward, Hai Chau District, Da Nang City  
 Major: Bachelor of Economics  
 Position in other organizations: General Director - Member of BOD of Dana Corporation (Dana Ford).

**Mr Ta Phuoc Dat**

Deputy General Director  
 Date of birth: 15/06/1969  
 Place of birth: Ho Chi Minh City  
 Permanent address: 115/110 A Le Van Sy, Ward 13, Phu Nhuan District, HCMC  
 Major: Bachelor of Accounting  
 Position in other organizations: Chairman of Member Council of Ben Thanh - Savico General Trading and Service Co., Ltd, Member of BOD of Viet Thai Corporation, Member of BOD of SPT, Member of BOD of Ben Thanh Long Hai Tourism Corporation (Tropicana).



**Mr Nguyen Binh Minh**  
 Deputy General Director

Management



**Ms Nguyen Phuong Loan**

Member  
Date of birth: 06/11/1962  
Place of birth: Ho Chi Minh City  
Permanent address: 518/8/1 Le Van Sy,  
Ward 11, Phu Nhuan District, HCMC  
Major: Trading Accounting  
Position in other organizations: none



**Mr Nguyen Phuc Hung**

Member  
Date of birth: 22/08/1964  
Place of birth: Ho Chi Minh City  
Permanent address: 24 Huyen Quang, Tan Dinh Ward,  
District, 1, HCMC  
Major: Bachelor of Economics  
Position in other organizations: none

**Mr Le Xuan Duc**

Chief Supervisor  
Date of birth: 10/08/1953  
Place of birth: Thanh Hoa Province  
Permanent address: 471 Phan Van Tri, Ward 7, District  
5, HCMC  
Major: Bachelor of Finance - Accounting  
Position in other organizations: Chief Supervisor of  
Ben Thanh Housing Trading Co., Ltd.



# Board of Super



Supervisors

# Summary of the Corporation Operation and Development History

## 01

### Establishing and Developing History:

---

The Era of Being a State-owned Company (1982 – 2004)

Saigon General Service Corporation used to be a state-owned company that was instituted on 01/09/1982 by the name District 1 Service Company.

In 1986, the company's name was changed from District 1 Service Company to Saigon General Service Corporation or Savico.

In 1990, the company started with Auto – Motorcycle retailing business, traveling service, taxi service building the foundation for the development of the Trading Service system later.

During 1998 – 2004, the company was changing its focus to become an investment company, concentrating on forming and developing distribution chains of well-known vehicle brands such as Toyota, Ford, Daewoo, Suzuki, etc,.. also entering the real estate field and investing in industries like: tele-communication, banking, etc..

The Era of Operating As a Joint Stock Company (from 2005 to 2010)

Saigon General Service Corporation (Savico) was officially operated on 04/01/2005.

On 21/12/2006, Savico's stock was officially listed and traded on the Ha Noi Stock Trading Center under the symbol SVC, and then was changed to the Ho Chi Minh Stock Exchange (HOSE) on 01/06/2009.

During 5 years operating as a joint stock company, Savico has determined its major goal as to become an investment company concentrating on 3 areas: Trading services (primary), Real estate services, and Finance services.

## 02

### Company Name and Other Information

---

Company name	: SAIGON GENERAL SERVICE CORPORATION
Trading name	: SAVICO
Stock symbol	: SVC

#### Head quarter

Address	: 68 Nam Ky Khoi Nghia st., Distric 1, Ho Chi Minh City
Telephone	: (84-8) 3.821 3913
Fax	: (84-8) 3. 821 3553 – (84-8) 3.8215992
Website	: www.savico.com.vn
Email	: savico@savico.com.vn

#### Branches, Subsidiaries, Affiliates, and Investment Companies

02 branches: Savico – Da Nang and Savico – Can Tho

09 subsidiaries, 07 affiliates

15 investment companies with Savico's shares

(Please refer to the appendix of Savico's subsidiaries, affiliates, and investment companies for further information)



## Savico Business Activities



Toyota Can Tho JV.

The corporation's strategy is to focus on Trading services through organizing 3 servicing areas: Automobiles, Motorcycles, and other trading services. This will help Savico control and maintain our current markets, market share, customer bases, and increase brand recognition at the same time.

Auto service and trading network:

Distributing top brands such as Toyota, Ford, GM – Daewoo, Hyundai, Suzuki through subsidiaries and affiliated companies.

- The Northern Vietnam region:  
Toyota Giai Phong JV Co., Ltd. has created Toyota Phap Van, Savico Hanoi Corporation is going to invest in Long Bien Toyota Co., Ltd. which will be officially opened by the second quarter of 2010.
- The Central Vietnam region:  
Dana Corporation (Dana Ford), Binh Dinh Ford branch, Gia Lai Ford branch (distributing Ford automobiles), Hyundai Song Han – Da Nang (distributing Hyundai automobiles).
- The Ho Chi Minh city and Southeast Vietnam regions  
Toyota East Saigon (TESC) has developed Toyota Go Vap dealership (distributing Toyota automobiles) and is planning to enter the market of trading used Toyota vehicles; Dong Do Thanh Co. Ltd. (distributing Daewoo), Saigon Automobiles Co. Ltd. (Saigon Ford), Ben Thanh Ford Company (distributing Ford automobiles), Hyundai HCMC JV Company (distributing Hyundai automobiles), Saigon Ngoi Sao Corporation (distributing Suzuki vehicles).

## Trading Services



Ben Thanh Savico General Trading Co., Ltd.

- The Mekong Delta region: established Toyota Can Tho Co. Ltd. (distributing Toyota automobiles), Savico Ford Can Tho Branch (distributing Ford automobiles).

#### Motorcycle service and trading network:

Savico has been concentrating on HCMC and Can Tho markets only. The corporation has set up 4 companies so far:

- Saigon Ngoi Sao Corporation distributing Suzuki vehicles, Saigon Service and Trading Co. Ltd. (in Can Tho City) distributing Yamaha motorbikes; Savico Can Tho branch distributing Yamaha and Suzuki vehicles, Ben Thanh – Savico Service & Trading Co., Ltd distributing SYM motorbikes.
- The company has increased the exploitation in HCMC and Mekong Delta markets. In Can Tho city, Savico has formed 2 companies which control 5 shops distributing Suzuki vehicles in An Giang provinces.

#### Other trading services:

include transportation service (ComfortDelgro Savico Taxi Co. Ltd.) and retailing such as cosmetics, home appliances, and beauty services, etc.

# Savico Business Activities



Real Estate Services

Savico Plaza Hanoi

Product Type	Name & Location	Details	Savico's Proportion	Partners' Proportion
Savico Plaza Complex	1. Savico plaza – 115 – 117 Ho Tung Mau st., Dist.1.	Land area: 3,055 m <sup>2</sup> with 22 upper floors, as trading center, offices, and servicing apartments. Total investment of USD 48 million.	50,5%	Vinacapital 49,5%
	2. Savico Plaza – 104 Pho Quang st., Tan Binh Dist.	Land area: 9,028 m <sup>2</sup> . A trading complex with servicing apartments, trading centre, offices for lease, and hotel.	100%	
	3. Savico Plaza Long Bien, Ha Noi:	Land area of 46,400 m <sup>2</sup> devided into 2 main areas: the A zone has a super mall, trading center, entertainment area, while the B zone has auto showrooms and offices for lease.	100%	



## Real Estate Services



HTMC - SAVICO office building at 91 Pasteur, dist.1, HCM city

Product Type	Name & Location	Details	Savico's Proportion	Partners' Proportion
Savico Trading Center	1. Savico Da Nang Trading Center	Capacity: 1 ground floor, 1 mezzanine, and 3 upper floors with the whole area of 4,738 m <sup>2</sup> . Almost 100% of this center has been effectively exploited.	100%	
	2. Savico Can Tho Trading Center	Capacity: 1 ground floor, and 1 mezzanine with the total area of 2,333 m <sup>2</sup> . A complete 100% of this center has been effectively exploited.	100%	
Savico Office Building	1. HTMC – Savico Office Building – 91 Pasteur, Dist. 1	Land area: 1,604 m <sup>2</sup> with 2 basements and 7 upper floors with the total construction area of 8,030 m <sup>2</sup> . The building was completed and will be exploited in April 2010.	51%	Ho Chi Minh City Housing Management and Trading Company: 49%
	2. 95-97-99 Tran Hung Dao Office Building, Dist. 1	Capacity: 1 ground floor, 1 mezzanine, 5 floors, which have been exploited 100%.	100%	
	3. 555 Tran Hung Dao Office Building, Dist. 1	Capacity: 1 ground floor, 1 mezzanine, and 5 floors, which have been exploited 100%.	100%	
	4. 35 Dong Khoi Office Building.	Capacity: 1 basement, 1 ground floor and 6 upper floors, which have been exploited 100%.	100%	

## Savico Business Activities

Product Type	Name & Location	Details	Savico's Proportion	Partners' Proportion
Savico Office Building	5. Khahomex – Savico Office Building 56 Ben Van Don Dist. 4	Land area: 3,010 m <sup>2</sup> , the building has 2 basements, 1 ground floor, 1 mezzanine and 24 upper floors. Construction area is 35,049 m <sup>2</sup> .	49%	Khanh Hoi Import Export Joint Stock Company (Khahomex): 51%
	6. 9-15 Le Minh Xuan Office Building, Tan Binh Dist.	Land area: 993 m <sup>2</sup> , & total construction area: 8,690 m <sup>2</sup> .	30%	TITCO Co., Khanh Hoi Import Export Joint Stock Company
	7. 277-279 Ly Tu Trong Office Building, Dist. 1	Capacity: 1 basement, 1 ground floor, and 10 upper floors, its total office area is 4,000 m <sup>2</sup> .	100%	
Savico Residence	1. Apartment Building on Highway 13 <sup>th</sup> , Thu Duc Dist.	Land area of 18,247 m <sup>2</sup> . Functions: apartments for sale and trading center.	100%	100%
	2. Apartment Building in Hiep Binh Phuoc – Tam Binh, Thu Duc Dist.	Land area is 57,233 m <sup>2</sup> , which will be used to build an 18 floor apartment building with 1,400 apartments and a trading center as well as land divided into plots with the total construction area of 176,000 m <sup>2</sup> .	100%	
	3. Titco Plaza 1014B Thoai Ngoc Hau, Tan Phu.	Apartment for sale building (20 floors) and trading center on the area of 10,814 m <sup>2</sup> .	30%	TITCO Co., Khanh Hoi Import Export Joint Stock Company
	4. Long Hoa Villa Residence, Can Gio Dist.	The land area is about 30 hectares to build garden-villas and detached houses.	50%	Foreign Trade Development and Investment Corporation (FIDECO)
Savico Hotel & Resort	1. Son Tra Mercure Resort .	The land area of 57,650 m <sup>2</sup> , include: 20 beachview, high-class villas, 4-star Mercure hotel with 120 rooms, and other services such as spa, beach	100%	
	2. Ho Tram Villas – Xuyen Moc	This project has more than 58 high-class villas built on a 10 ha area.	100%	

# Real Estate Services



KHAHOMEX - SAVICO office building at 56 Ben Van Don, dist.4, HCM city

# Savico Business Activities



Finance Services

Savico's stock listed on HOSE 1/6/2009

Finance Services mainly focus on how to manage the capital, cash flows, and investment portfolios effectively, to develop a stable financial structure that could support the corporation's 5 year plan. Savico's next goals are to form necessary financial institutions to support Trading Services and Real Estate Services. Moreover, Savico will also invest in suitable businesses to exploit every lucrative investment opportunity and to increase profit.

# Finance Services



Savico's shareholders - investors meeting

## Report from the CEO





## Performance Report 2009

### INCOME STATEMENT 2009:

#### Profits and Losses:

In 2009, the Corporation focused on management solutions to reach the annual planned figures, The total revenue was VND 3,093 billion, 137.48% more than expected. Profit before tax was VND 125,7 billion, was 178% compared to plan, The detailed figures are shown below:

Parameter	Unit	Actual 2008	Plan 2009	Actual 2009	(%) Compared to plan
• Revenue	Millions vnd	2,120,656	2,250,000	3,093,441	137.48
• Profit before tax	Millions vnd	61,866	70,500	125,649	178.22
• Profit after tax	Millions vnd	55,292	54,500	99,874	183.25
• Savico's earning	Millions vnd	39,953	42,400	71,885	169.54
• Dividend	Millions vnd	13%	10%		
• EPS	VND/share	2,236		3,425	

#### Trading Services

##### ■ Automobile Business Segment:

The capital invested in Trading Services was VND 527 billion at the beginning of 2009, and was VND 806 billion on 31/12/2009, a 53% increase compared to the beginning of the year, equal to 44.99 % of the Corporation's total assets.

In 2009, Savico's automobile business segment continued to lead the Vietnam distribution network with the total sale of 9,225 vehicles, a 30% increase compared to 2008, and took 7.6% market share of VAMA, in which Toyota automobiles took up to 20% of the Toyota market in Vietnam, and Ford automobiles took up to 22% of the Ford market in Vietnam, GM-Daewoo automobiles took up to 4% of Vidamco market share, and Suzuki vehicles took up to 22% of the Suzuki market share in Vietnam, Savico's total revenue from the automobiles segment was VND 5,176 billion, a 49% increase compared to 2008; and profit before tax was VND140 billion, a 52% increase compared to 2008,

## Report from the CEO

During last year, our automobile business segment focused on expanding the distribution network while increasing service quality, for example the establishment of two 3S branches, Toyota Phap Van and Toyota Long Bien in Hanoi, We opened a 3S Toyota branch in Can Tho, which is the only Toyota dealership in the Mekong Delta, We also built a trading center for second-hand Toyota vehicles at 18 Phan Van Tri st., Ward 10, Go Vap Dist., HCMC in 11/2009 – this is the only agency that Toyota Vietnam had approved to exploit the used car business, Moreover, we also built one 3S Ben Thanh Ford dealer at 831 Truong Chinh st., Tan Phu Dist., HCMC in 11/2009, and two 3S Hyundai dealers on Tran Hung Dao st., Dist, 1, HCMC, and the Hyundai Song Han in Da Nang,

### ■ Motorcycle Business Segment:

The motorcycle market was pretty stable in 2009, Eventhough the demand did not increase much, price was increase substantially because of the suppliers had set their 2009 production plans rather low, especially to the high demand brands like Yamaha, Suzuki, SYM, etc., that created good business opportunities for Savico's motorcycles trading agencies,

Savico's total sale from the motorcycle segment was 13,695 units, reached 103% planned target, a 24% increase compared to 2008, The total revenue was VND 307 billion, increased 27% compared to 2008, Profit before tax was VND 6.7 billion, reached 137% planned target a 35% increase compared to 2008,

Motorcycle trading centers have continued focusing on exploiting the service segment as well as expanding business networks, Ben Thanh Savico has opened a 3S agency at 331 Tran Hung Dao st, Dist, 1 and established one more 3S SYM agency at 598 – 600 Cach Mang Thang Tam st, Dist, 3, Savico Can Tho upgraded its high quality scooter shop at 103 Nguyen Trai st., to become a Piaggio distributor and established Savico An Giang branch at 349/30B Tran Hung Dao st., Long Xuyen town, Yamaha Can Tho has expanded their Yamana service center, opened a 2S agency at 164/1B Tran Ngoc Que, Hung Loi Ward, Ninh Kieu Dist., Can Tho City,

Other service subsidiaries have been reorganized to effectively increase their business operation efficiency,

### Real Estate Services:

The Real Estate Services invested capital at beginning of 2009 was VND 570 billion and was VND 693 billion on 31/12/2009, a 22% increase compared to the beginning of the year, equal to 38.66% of the corporation total assets,

The revenue from Real Estate Services was VND 130.7 billion, about 94.77% of the 2009 expected revenue, Profit before tax was VND 40.2 billion, about 82.54% compared to the expected figure.

In 2009, the Corporation focused on developing major projects like: Savico Plaza in Hanoi which started in June of 2009 and signed an exclusive marketing contract with CBRE; the 115-117 Ho Tung Mau project was co-operated with Dist, 1 Clearance & Compensation Department to complete compensating the last few residents; the 104 Pho Quang project was permitted by the HCMC People's Committee and the Department of Resource and Environment to employ the area for 50 years; the Son Tra Mercure Resort project was contracted with Accor hotel management corporation (French) to provide hotel management & service and with Savills to marketing the project; the 91 Pasteur project was already contracted to rent out the whole building; the 56 Ben Van Don project was started in July, 2009 and added another function, servicing apartment; the 277 – 279 Ly Tu Trong project was fully rented out; the Hiep Binh Phuoc – Tam Binh residence project's and the Highway 13 project's legal documents are being finalized by the 3 rd quarter of 2010,



### Finance Services:

The Finance Services invested capital was VND 265 billion at the beginning of 2009 and was VND 293 billion on 31/12/2009, a 11% increase compared to the beginning of the year and equal to 16,34% of the Corporation's total assets.

During the year, the Corporation closely observed and analyzed the stock market movements to restructure our investment portfolios with the purpose of maximizing returns while minimizing risks, Consequently, the Finance services' profit before tax was VND 18 billion, which far exceeded our expected target, and the profit from reconstructing previous investment portfolios was VND 15.5 billion, and from the new investments was VND 2.5 billion.

Regarding the financial management activities, the Corporation has concentrated in several subjects such as completing the investment policy, analyzing and assessing the effectiveness of capital use in 3 service areas, and then developed appropriate management solutions, suitable capital structures for the corporation, As on 31/12/2009, Savico's financial figures were:

Financial Ratios		Steady Goal	Safe Goal	Actual 2008	Actual 2009
Current Ratio	Time	2.10	1.10	1.15	1.47
Quick Ratio	Time	1.40	0.60	0.93	1.21
Equity Ratio (Total Equity / Total Assets)	%	65.00	40.00	35.15	39.36
Debt Ratio ( Total Liabilities/ Total Assets)	%	31.60	44.80	49.33	42.18

### Risk Management Activities:

Risk management activities were one of Savico's most important duties to build a secured financial structure ready to becoming the leading investment company in the 2010 – 2015 term,

Financial management activities mainly focus on monitoring the financial market movements and the government's economic policies in order to react and cope with the interest rate fluctuation, Furthermore, Savico will continue to improve internal controls in order to supervise capital allocations more effectively and to progress the Corporation's productivity,

In 2009, Savico started to develop and implement flexible financial policies within the system to minimize interest expenses and costs of capital, and to improve the Corporation's efficiency,

We have completely perfected the Corporation's operating policies, successfully issued 4,6 million shares to individual investors and collected more than VND 181 billion, which will ease up the financial pressures and help restructure our capital and assets as a stable financial institution,

# Report from the CEO

## Dividends:

According to the resolution of the Shareholder Annual Meeting on 15/4/2009, the expected dividend would be 10% of the charter capital, Because the economy has recovered, the Corporation has exceeded our 2009 goals,

The BOM is planning to propose a 15% dividend to the BOD and shareholders, Savico has already paid out 5% cash dividend in 1/2010 and will pay the remaining amount in cash after the BOD and shareholders approve our 2009 earning allocation plan,

## Achievements After 5 Years Incorporated:

After 5 years operating under a corporation model, Savico has accomplished some major achievements:

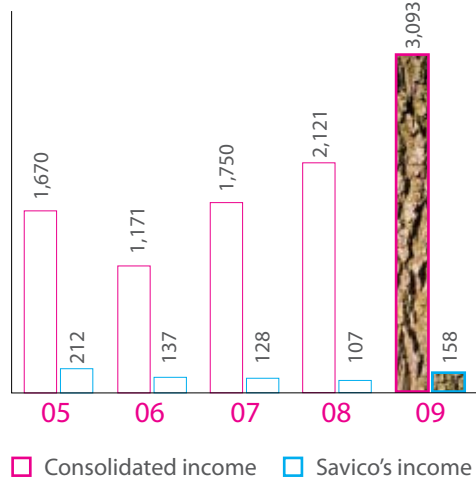
### Total Revenue

Steadily increases every year from VND 1,670 billion in 2005 to VND 3,093 billion in 2009, Our average growth rate is 17.06%/ year (according to Savico's consolidated financial reports)

If revenues from our JV and affiliated companies are included, Savico's total revenue would be VND 2,580 billion in 2005 and 5,646 billion in 2009, and our average growth rate would be 23.77%/ year,

Savico's income is mainly derived from our subsidiaries, affiliates in the Trading Service segment,

### Income growth (billion VND)

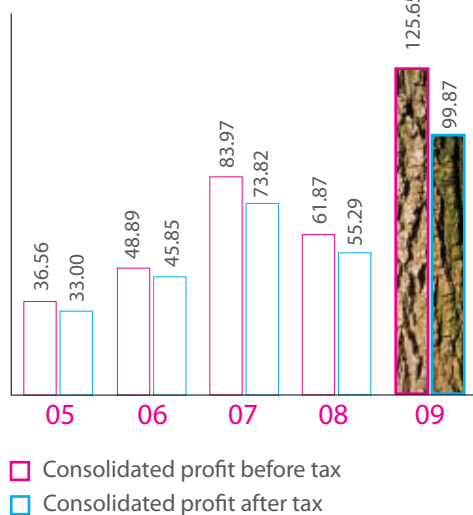


### EBIT

Increased throughout 5 years at a good pace, from VND 36.5 billion to VND 125,6 billion in 2009, and the average growth rate is 48.74%/ year,

Profit after tax moved from VND 33 billion in 2005 to VND 99.8 billion in 2009, the average growth rate is 40.53%/year,

### Profit growth (billion VND)

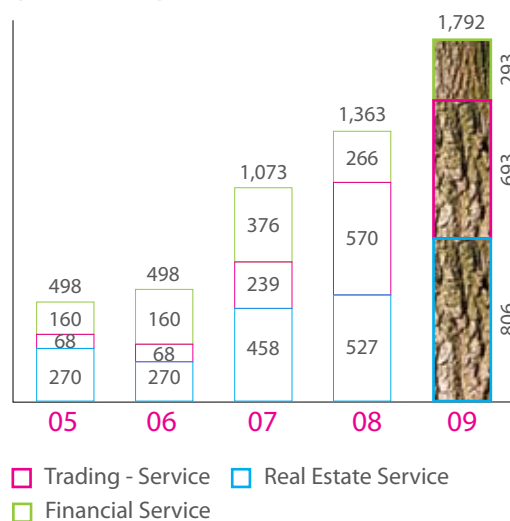


### Total assets

Increased from VND 498 billion in 2005 to approximately VND 1,792 billion in 2009, The average growth rate is 51.96%/ year.

During this period, the Corporation's total assets were regularly checked to make sure the implementation was followed the strategic goals: invest 50% into Trading services, 35 – 40% into Real estate services, and 10 – 15% into Finance services.

### Assets structure (billion VND)



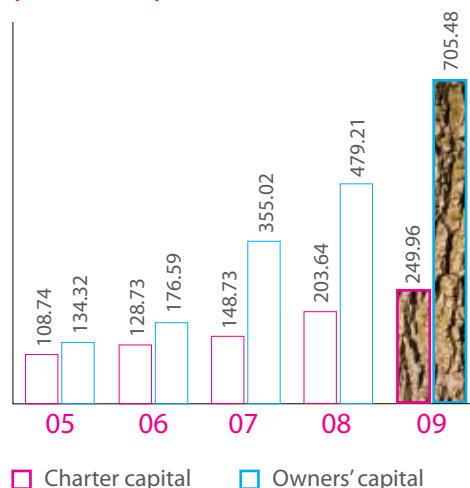
### The Corporation's charter capital

Has increased from VND 108.74 billion in 2005 to approximately VND 249.96 billion in 2009, The average growth rate is 26.14%/ year,

### Shareholders' capital

Increased from VND 134.32 billion in 2005 to VND 705.48 billion at the end of 2009, The average growth rate is 85.04%/ year,

### Capital growth (billion VND)



# Report from the CEO

## B

### Goal and Operation in Year 2010 and 2010 - 2015 Term

---

#### **Assessment:**

The 2010 – 2015 term is still in the recovering stage from the global financial crisis in 2008, and the Vietnam government has set a target of 6,5% GDP growth and controlling inflation as their top priorities,

This is also time for restructuring, developing, and progressing, Therefore, Savico has decided to take this opportunity to strengthen and develop our system rapidly during this period in order to increase profit, to accumulate capital, and to affirm our position in Vietnam as well as the Southeast region,

#### **Objectives & Missions:**

Continue to stabilize Savico's position in 3 business segments in order to serve our mission of keeping a stable growth and enlarging our market scope within the nation and to regional countries, which means:

- Year 2015: Savico will become a leading investment company in Vietnam and in the regional areas,
- Year 2020: Savico will join the international market,

#### **Trading Services:**

Continue to reinforce, improve, complete, and broaden automobile, motorcycle distributing networks, extend the Corporation's ranges of high class automobiles and motorcycles to maintain the number one distributor position of automobiles and motorcycles in Vietnam,

#### **Real Estate Services:**

Succeed in building a series of trading centers, complexes in major cities as Hanoi, Da Nang, HCMC, and Can Tho, The Corporation is going to complete the Hanoi Savico Plaza in 2011,

#### **Finance Services:**

set up suitable financial institutions to supervise the Corporation's finance area in order to guarantee the investment returns and effective uses of capital, Focusing on managing shareholder equity through restructuring assets, liquidate low return investments, and capitalizing less important projects,

Continue to congregate market segments and industries, Ensure and enlarge the Corporation's current market share by forming 2 more companies which are Savico Da Nang and Savico Can Tho in year 2010, and other specialty JV companies to improve the Corporation pre-emptive control as well as the investment returns,

Concentrate on retaining and developing the Corporation's human resources, to integrate training with the Corporation's traditions and culture, This is an important and long-term duty to sustain and advance the business steadily,

### Target Figures of Year 2010 Presenting to Shareholders

Parameters	Unit	Plan 2009	Actual 2009	Plan 2010 (*)	(%) Compared to Plan 2009	(%) Compared to Actual 2009
• Charter capital	Million VND	2,250,000	3,093,441	<b>4,000,000</b>	177.77	129.30
• Shareholder's Equity	Million VND	70,500	125,649	<b>100,000</b>	141.84	79.58
• Total Revenue	Million VND	54,500	99,874	<b>80,000</b>	146.78	80.10
• Profit before tax	Million VND	42,400	71,885	<b>65,000</b>	153.30	90.42
• Dividend	%	10		<b>15</b>	150.00	

(\*) Estimated figures for 2010 plan are subjects to be adjusted for every 6 months to fit the market movements,

### Implementation plan in 2010

#### Trading Services

- Develop Savico's automobile and motorcycle networks, maintain and increase the market share for each brand, focus on strengthening the automobile and motorcycle servicing segments.
- Speed up the trading network expansion to enhance Savico's competitiveness and profit, About automobiles: 3S Phap Van Toyota agency, Toyota 3S Long Bien, Ben Thanh Ford, Hyundai Song Han agency – Danang, Hyundai Tran Hung Dao – HCMC, etc., About motorcycles: Saigon Phuong Nam has developed one Yamaha agency in HCMC; Yamaha Can Tho has opened the 2nd Yamaha agency in Can Tho, a 3S Suzuki agency in Long Xuyen - An Giang province,...
- Establishing Savico Da Nang and Savico Can Tho to exploit the Central Vietnam and Mekong Delta markets.
- Research and develop new products besides automobile and motorcycle services

# Report from the CEO

## Real Estate Services

- Complete legal documents and expedite key projects to shorten the investment return time in order to re-invest in other promising projects.
- Concentrate on the development of essential projects such as Tam Binh – Hiep Binh Phuoc Residence, Mercure Da Nang Resort, 104 Pho Quang, 115 – 117 Ho Tung Mau, Savico Plaza Hanoi, 277 – 279 Ly Tu Trong; prepare an investment plan for 68 Nam Ky Khoi Nghia, Dist, 1 project, look for profitable projects to invest.
- Build good connections to professional designing, supervising, and constructing companies to speed up projects' pace,
- Organize the Real Estate department personnel into groups to facilitate the planning and carrying out individual projects.
- Constitute general solutions for Finance and Real Estate areas.

## Finance Services

- Continue to restructure the capital to assure a safe financial system and a stable financial growth.
- Explore other channels to raise capital besides financing our assets through the banks to minimize financial expenses and to facilitate the Corporation's growing needs of capital.
- Prepare necessary procedures for the establishments of suitable financial institutions to maximize the Corporation's financial efficacy.
- Monitor the financial and stock markets closely to re-structure and increase the porfolios' returns.
- Continue to improve book-keeping activities to closely monitor our capital.

## Management Activities

- Attract professional & knowledgeable human resources to supply to 3 business areas, especially the Real Estate Service area.
- Research & apply competitive compensating methods based on the levels of productivity to reserve current staffs and attract talented personnel.
- Systemize the internal legal document system to improve performance.
- Apply telecommunicating methods such as Electronic Office to make internal communication become more available and effective.



# Brand Promoting and Social Activities

## 1. Brand Promoting Activities

Establish Savico position as a reliable service provider. Thus, in 2009, Savico chose a prestigious consulting company to help with our brand recognition and promotion strategies. Currently, the brand promoting activities are being implemented as the following procedures: checking the brand's health, building brand recognition strategies, collecting information from Savico's staffs, customers, shareholders using interviews, surveys to assess their understanding about Savico; then setting up a brand recognition system, a PR plan for the whole Corporation based on our compelling strategic plan, our goals for 2010 – 2015 term, and our 2020 vision.



Savico team at Vietnam Golden Star Award

## 2. Outstanding Events During 5 Years Incorporated 2005 – 2009

- 2.1 Savico became a joint stock company from a state-owned company on 04/01/2005 with the goal of becoming an investment company focusing in 3 servicing areas: Trading services, Real estate services, and Finance services
- 2.2 Restructured the company together with restructured the management team, changed from a pulling model to a pushing one successfully; for instance, starting from 4 departments (31/12/2004 to 31/12/2009), the Head Office now has 9 departments to assist the CEO with daily managing activities.
- 2.3 The Vietnam Opportunity Fund (VOF) and Bridger Horizon Vietnam Partners, L.P have become Savico's first strategic shareholders from 09/05/2007.
- 2.4 Savico became a publicly traded company and officially listed on the HASTC on 21/12/2006 with the stock symbol SVC, then changed to the HOSE on 1/6/2009.
- 2.5 Successfully executed the regional marketing strategy by opening subsidiaries, JV companies, dealerships in major cities to operate according to the Corporation's directions.
  - Northern region: established Savico Hanoi and started Savico Hanoi Plaza project on 29/06/09.
  - Center Region: Savico Da Nang opened Savico Da Nang Trading Centre on 12/01/2007.



Major shareholders' Savico stock ownership certificate ceremony



Mr. Tran Duc Sinh, HOSE manager giving stock listing permit to Savico





The grand opening of Savico Plaza Hanoi ceremony



Mr. Nguyen Vinh Tho, Chairman of Savico at The Vietnam Best Entrepreneur Award



Savico visited Xuan Quang 2 ward, residents after flood disaster

- Ho Chi Minh City: signed a contract with Vina Capital to establish Savico VinaLand joint venture on 03/10/2008 with the investment capital of USD 48 million to develop 115 – 117 Ho Tung Mau project.
- Toyota East Saigon Corp (TESC), a Savico's subsidiary, opened a 3S Toyota agency at 18 Phan Van Tri st., Go Vap Dist. on 26/11/2008.
- Can Tho and Mekong Delta Region:
  - Savico Can Tho had a grand opening for Savico Can Tho Plaza on 25/01/2008.
  - Savico Can Tho had a grand opening for Savico Can Tho Plaza on 25/01/2008.
  - Opened Toyota Can Tho Co., Ltd. providing service & maintenance for Toyota automobiles in Can Tho and Mekong Delta provinces on 30/09/2009.

2.6 Savico has affirmed its prestige and brandname to local and overseas partners and customers.

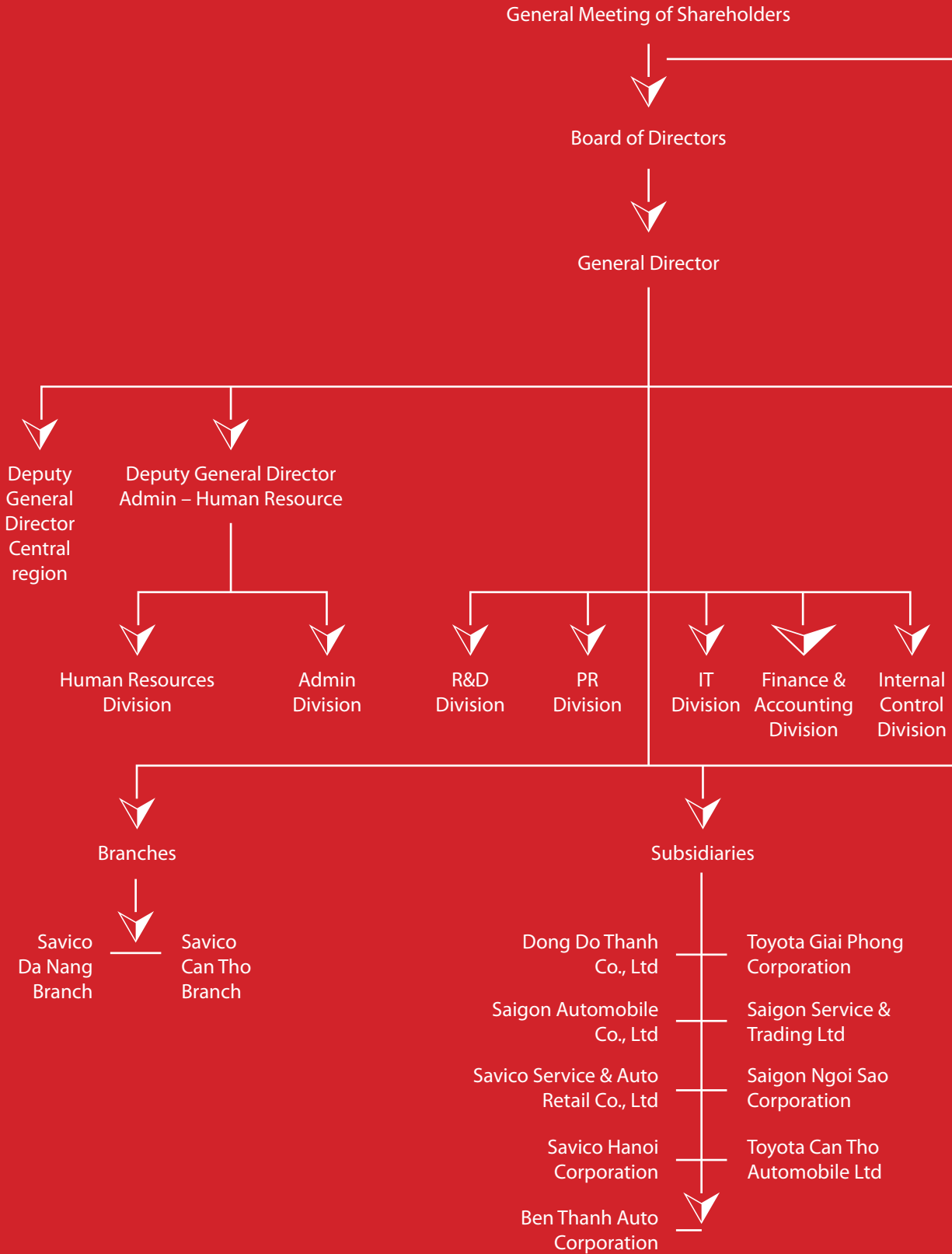
- The series of memorizing 25 year events (1/9/1982 - 1/9/2007), specifically the jogging campaign has attracted more than 2,000 people.
- Savico was listed as 1 of 500 Largest Vietnamese Enterprises in year 2008 & 2009
- Gained Vietnam Golden Star Award in 3 consecutive years 2007, 2008, & 2009.
- Savico received the Best Annual Report Award in 2008
- In year 2009, one member of Savico's Management Board won the Vietnamese Best Entrepreneur Award and 3 other managers won the Saigon Entrepreneurs Awards.

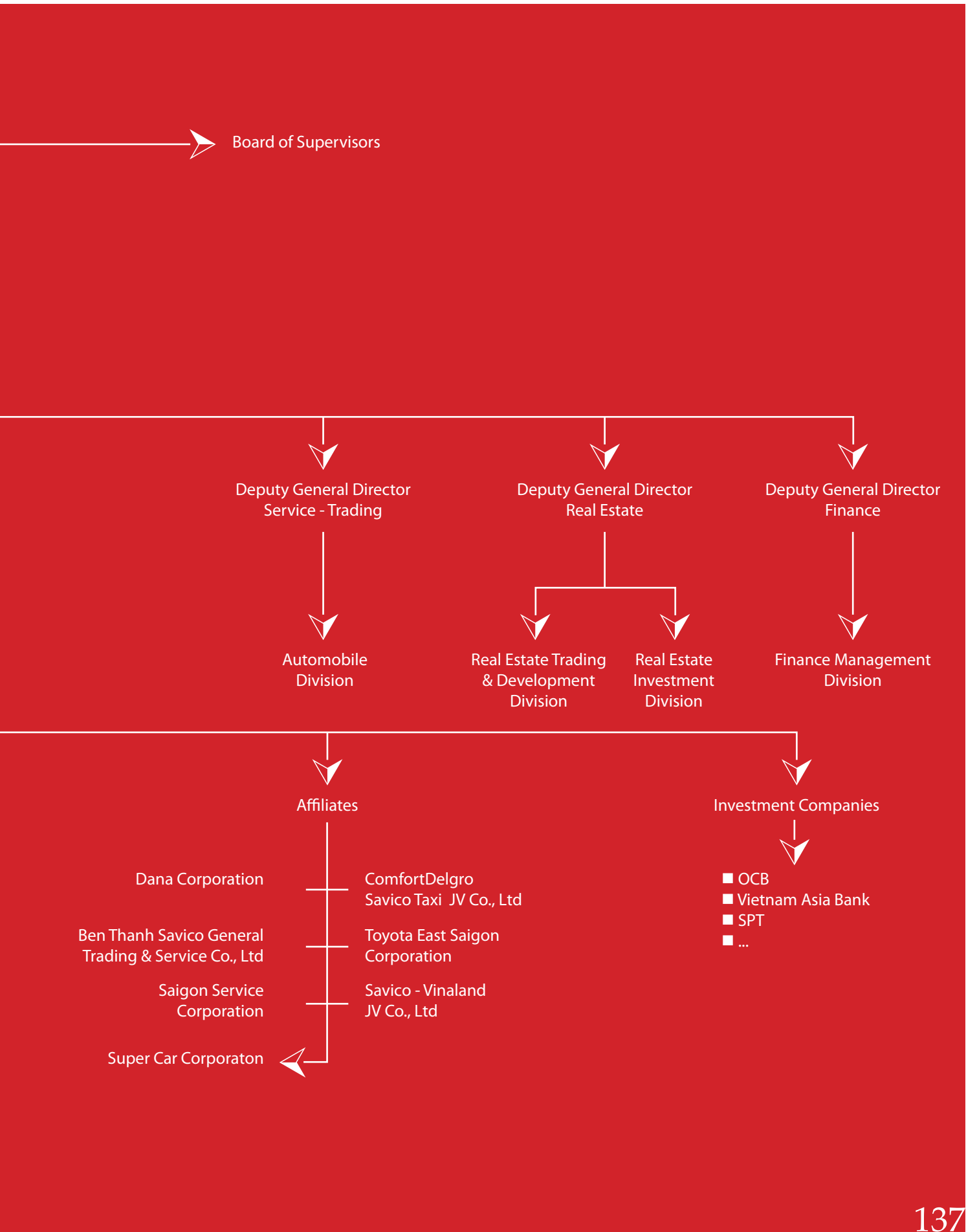
### 3. Social Community Activities:

Savico's charitable and social activities include taking care Vietnamese heroic mothers, building 25 houses for poor families, funding charity funds such as Assisting the Poor Fund, Unfortunate Children Fund, Cai Rang District Scholarship Fund, etc,.. In 2009, Savico organized visits and provided aid to families after flood disaster in Xuan Quang 2 Ward, Phu Yen province, and to lone ex-military disables in Dang Thuy Tram medical center, visited historical places like Truong Son revolutionary martyr graveyard, Dong Loc T-junction...

During the last 5 years (2005 – 2009), Savico's fund for social activities has reached more than VND 5.3 billion.

# Management System and Human Resource System





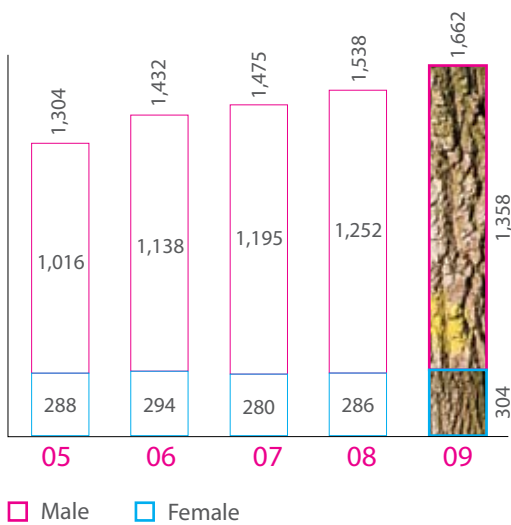
# Management System and Human Resource System

## HUMAN RESOURCE MANAGEMENT ACTIVITIES

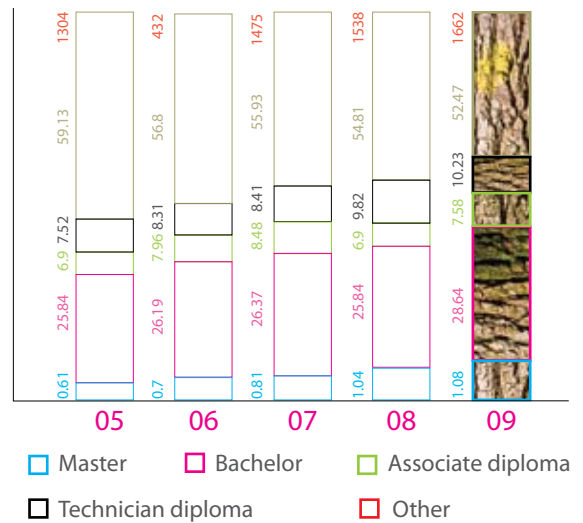
### The Corporation Human Resource Numbers and Education Levels:

As of 31/12/2009, the Corporation's total employees are 1,662 people (in which Savico's Head Office has 131 people).

**Total number of employees in Savico**



**Education level of Savico employees**



### Human Resource Outstanding Achievements After 5 Years Incorporated:

After 5 years of incorporation, Savico has accomplished certain achievements in the Human Resource area, such as:

- The Human Resource policies have been perfecting over the years with our primary goal is to build a professional and knowledgeable management team. The Corporation's human resource has improved in terms of both quantity and quality; most of the management team members are young, having strategic vision; our specialists and analysts are professional and skillful. They represent the most valuable asset of the Corporation that will assist us to accomplish our set targets.



Savico giving scholarship to outstanding students

### Human Resource Management:

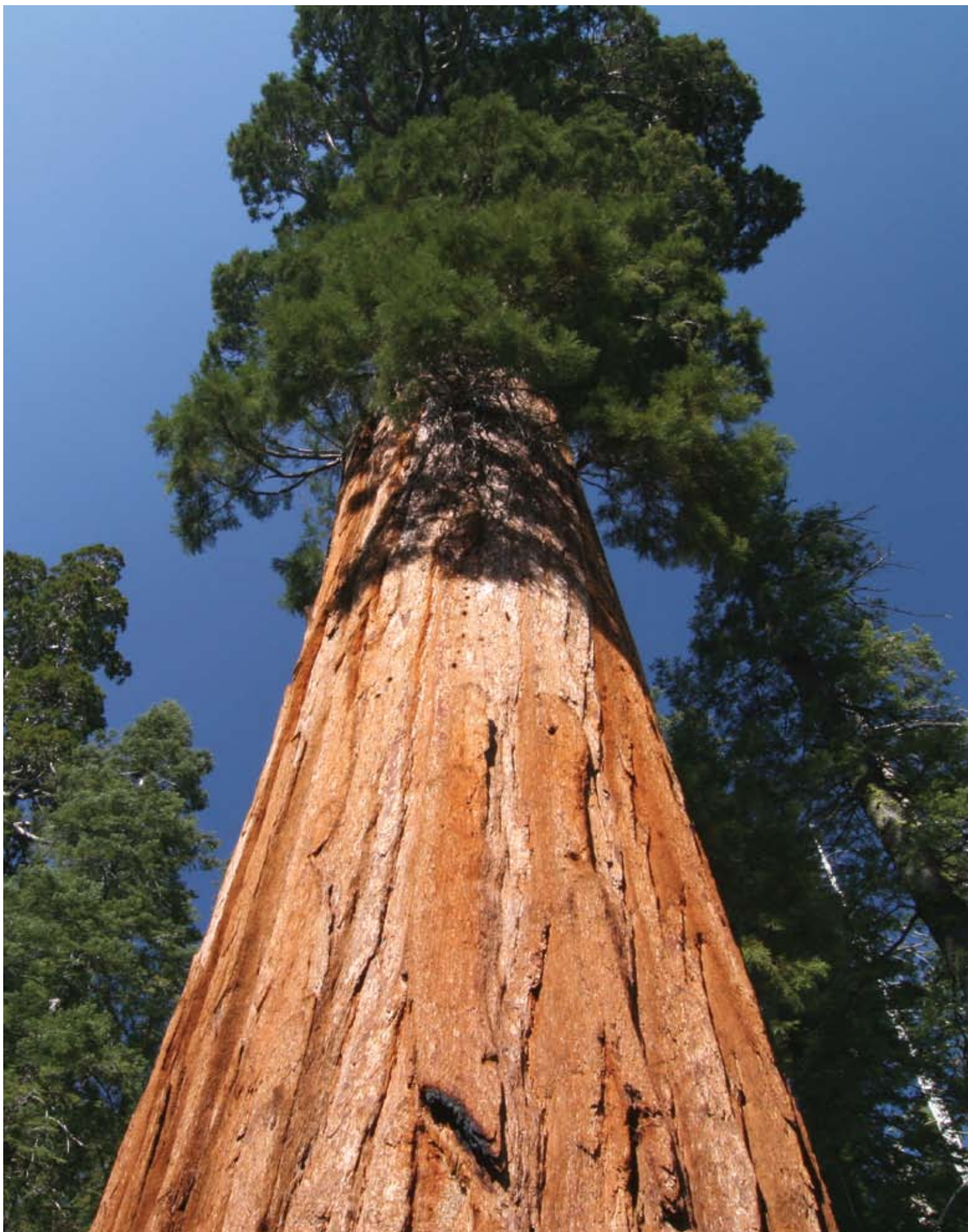
The Corporation developed and implemented the following recruitment programs in 2009:

- Savico has defined human resources as the core factor of our business, so our recruiting principle was to select the best candidates for suitable positions based on their qualification and passion. The Corporation also gave scholarships to students and organized Manager Trainee Programs to attract more talents.
- With the concept of investing in human resource as an essential strategy, Savico's training programs were always based on actual business demands and required skills so that our staffs can apply what they had learned into what they were doing.
- The human resource evaluations were carried out every quarter, and every 6 months to analyze our staffs' performance in order to adjust our compensating policy accordingly and to organize timely training seminars to improve their productivity.



Financial accounting course for Savico managers

# Corporation Management and Shareholders Information



## THE BOARD OF DIRECTORS' AND THE BOARD OF SUPERVISORS' ACTIVITIES IN 2009

### The Board of Directors' Activities

#### Results on the Implementation of 2009 Shareholder Annual Meeting's Resolutions

The BOD has deliberately implemented their tasks. Since the beginning of the year, the BOD has called a number of meetings to provide guidance to the BOM as well as managers at subsidiaries to enlarge and enhance the Corporation's stable growth by increasing our Trading service networks. We have also restructured the Corporation's capital, executed important real estate projects, capitalized some projects to focus on essential ones. We checked the implementations of the resolutions and BOD's decision monthly and quarterly to provide the BOD with timely supports in order to advise the BOM utilizing the company's resources effectively.

The BOD has been updating all the government's and HCMC People's Committee's decisions on finance and real estate areas to analyze, assess, and react to the market movements in order to restructure the portfolios. By implementing the 2009 resolutions, the Corporation has changed our stock listing exchange from HASTC to HOSE on 01/06/2009.

### The Board of Directors' Activities

The BOD has called 7 meetings, sent out more than 40 polls, and issued 68 decisions as follow:

- 11 decisions relating to establishing companies and branches
- 10 decisions relating to the Real estate services
- 17 decisions relating to the Finance services
- 12 decisions relating to Human resource matters
- 18 decisions on some other matters of the Corporation.

The BOD has superintended the implementation of the management policy together with other administrative decisions, organized meetings with BOD Advisory Councils to analyze, assess, and foresee the market movements in order to develop the appropriate business strategies for the 2010 – 2015 orientation and the 2020 vision.

Continued to attract high-educated talents to enrich the management teams, assigned qualified people to be the Corporation's representatives at our affiliated companies, added 3 more members into the BOD Financial Advisory Council. These BOD Advisory Councils have effectively facilitated the BOD in making proper and relevant decisions.

# Corporation Management and Shareholders Information

## Supervision the Management Board's Activities

The BOD has regularly supervised the CEO's activities and his supporting offices, as well as the representatives of Savico in other companies; co-operated with the Board of Supervisors having unannounced inspections periodically on:

- The implementations of the strategic directions from the shareholders and the BOD.
- The implementations of the General Shareholders Meeting's and the BOD's decisions.
- The BOD governed and assessed the implementation of the annual plan quarterly to ascertain the BOM utilizing the Corporation's resources effectively.
- Directed and oversaw the stock issuance for individual shareholders abiding by the State Securities Commission of Vietnam regulations, the Corporation's policies, and the current laws.
- Oversaw the company's compliance with the government laws, the government offices' regulations, and the Corporation's policies.
- During the year, the Board of Directors required the BOD Financial Advisory Council to develop the Financial Investment Policy and the risk managing system to assist the BOD's decisions on liquidating our portfolios to increase the investment returns.

## Co-operations between the Board of Directors and the Board of Supervisors:

In 2009, the BOS monitored the Corporation's operation, inspected the consolidated financial reports and the periodic reports (6 month, 9 month, and annual) based on the following contents:

The compliance with the current accounting standards, financial policies in recording the Corporation's assets, capital, revenue, expenses, profit and loss;

Checking the Corporation's financial status periodically include: defining asset structure (Current and Long – term assets), capital structure (Liabilities and Shareholder Equity);

Co-operating with the BOM to superintend our subsidiaries' operations at the Northern region, the Centre region, and the Mekong Delta.

The BOS has supplied us with ideas to overcome our weaknesses in the financial management's and asset management's activities.



**PERCENTAGE OF OWNING SHARES OF THE BOARD OF DIRECTORS, THE BOARD OF SUPERVISORS, THE MANAGEMENT BOARD, AND CHIEF ACCOUNTANT IN YEAR 2009**

No	Name	Position	Total number of shares	Percentage
1	Nguyen Vinh Tho	Chairman Chief Executive Officer	162,712	0.65%
2	Nguyen Binh Minh	Member of the BOD Deputy General Director	67,900	0.27%
3	Hoang Thi Thao	Member of the BOD Chief Accountant	48,473	0.19%
4	Te Trí Dung	Member of the BOD	28,500	0.11%
5	Vo Hien	Member of the BOD Deputy General Director	77,673	0.31%
6	Le Dien	Member of the BOD	64,933	0.26%
7	Luong Quang Hien	Member of the BOD	-	0.00%
8	Tu Phuoc Dat	Deputy General Director	27,726	0.11%
9	Mai Viet Ha	Deputy General Director	7,800	0.03%
10	Phan Tuan Dung	Deputy General Director	88,300	0.35%
11	Le Xuan Duc	Chief of the BOS	4,693	0.02%
12	Nguyen Phuc Hung	Member of the BOS	44,750	0.18%
13	Nguyen Phuong Loan	Member of the BOS	2,347	0.01%

# Corporation Management and Shareholders Information

## STOCK TRADING BY INTERNAL SHAREHOLDERS AND RELATING PARTIES:

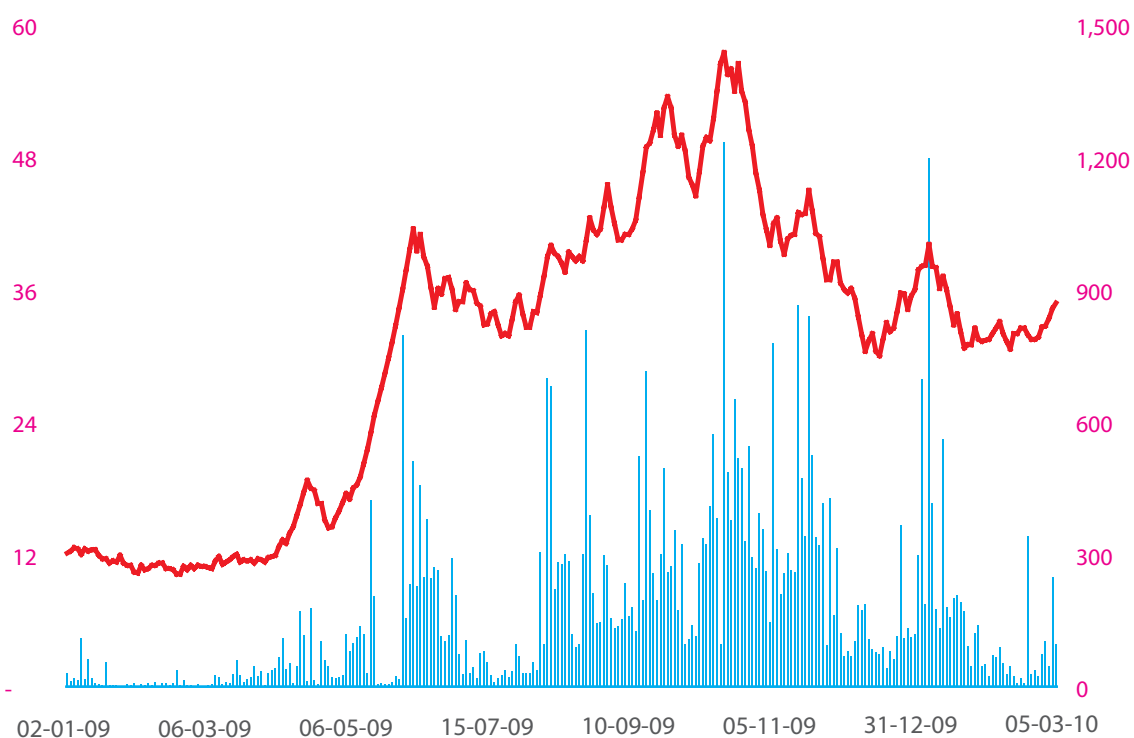
No.	Name	Shareholder Type	Shares at the Beginning of the Year	Shares Traded During the Year		Shares at the End of the Year	Activated period
				Buy	Sell		
1	Te Trí Dung	Member of the BOD	-	28,500	-	28,500	From 10/04/09 08/05/09
2	VOF Investment Limited	Large Institutional Shareholder	1,652,000	-	290,000	1,362,000	From 10/06/09 12/06/09
3	Bridger Horizon VietNam Partners, L.P	Large Institutional Shareholder	1,333,333	-	333,330	1,000,003	From 17/06/09 22/06/09
4	VOF Investment Limited	Large Institutional Shareholder	1,362,000	6,910	283,400	1,085,510	From 29/07/09 25/09/09
5	VOF Investment Limited	Large Institutional Shareholder	1,085,510	-	69,750	1,015,760	From 28/09/09 29/09/09
6	SSI Vision Fund	Large Institutional Shareholder	881,520	200,000	-	1,081,520	16/10/09
7	SSI Vision Fund	Large Institutional Shareholder	1,081,520	691,439	-	1,772,959	From 19/10/09 02/11/09
8	SSI Fund Management Co., Ltd.	Related person of SSI Vision Fund	36,970	1,000,000	36,970	1,000,000	From 19/10/09 02/11/09
9	SSI Vision Fund	Large Institutional Shareholder	1,772,959	79,000	189,000	1,662,959	From 03/11/09 16/11/09
10	SSI Fund Management Co., Ltd.	Related person of SSI Vision Fund	1,000,000	-	219,000	781,000	From 03/11/09 16/11/09
11	SSI Vision Fund	Large Institutional Shareholder	1,662,959	372,000	108,860	1,926,099	From 17/11/09 11/12/09
12	SSI Fund Management Co., Ltd.	Related person of SSI Vision Fund	781,000	180,000	159,000	802,000	From 17/11/09 11/12/09
13	SSI Vision Fund	Large Institutional Shareholder	1,926,099	30,000	389,000	1,567,099	From 14/12/09 07/01/10
14	SSI Fund Management Co., Ltd.	Related person of SSI Vision Fund	802,000	223,900	318,120	707,780	From 14/12/09 07/01/10
15	Ben Thanh Corporation	Large Institutional Shareholder	6,776,393	1,000,000	145,670	7,630,723	From 22/10/09 21/01/10

## INFORMATION OF SAVICO TRADING ACTIVITIES IN 2009:

### TRADING STATISTICS IN 2009:

Trading Statistics in 2009	Unit	Amount
Price on 31/12/2008	VND/ share	11,200
Price on 31/12/2008	VND/ share	36,000
Highest price of the year	VND/ share	59,000
Lowest price of the year	VND/ share	9,900
Total trading volume	shares	40,187,251
Average trading volume/ time	shares / time	166,752
At HNX	shares / time	38,850
At HSX	shares / time	240,317
Amount of Shares Listed	shares	24,995,573
Shares Outstanding	shares	24,995,572
Market Cap (as of 31/12/2009)	billion VND	899.8
Book Value ( as of 31/12/2009)	billion VND	705.5
EPS (2009)	VND/ share	3,425
P/E (31/12/09)	times	10.51
P/B (31/12/09)	times	1.28
Foreign Holding (18/03/10)	%	8.66%
State Holding (18/03/10)	%	30.53%

### Closing Price and Trading Volume in 2009:



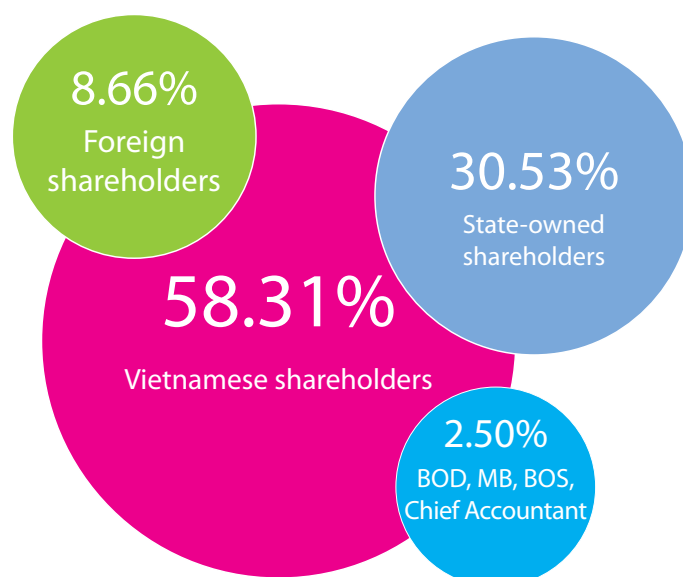
# Corporation Management and Shareholders Information

## Treasury Stock Trading Activities

During the year, the Corporation has sold 221,060 shares from the treasury stock account at an average price of VND 39,098/share and collected VND 8,642 million; the original invested price was VND 16,035/share.

## Shareholders Structure (according to the trading record closing on 18 March 2010)

No.	Shareholder Type	Volume	Proportion	No. of shareholders	Shareholder Structure	
					Institution	Individual
1	State-owned shareholders	7,630,723	30.53%	1	1	-
2	BOD, MB, BOS, Chief Accountant	625,807	2.50%	13		13
3	Vietnamese shareholders	14,574,278	58.31%	2,832	57	2,775
4	Foreign shareholders	2,164,765	8.66%	53	13	40
Total		24,995,573	100%	2,899	71	2,828



## List of Major shareholders (owning >5% of charter capital):

No.	Shareholder	Address	Total number of shares	Percentage
1	Ben Thanh Corporation	71-79 Dong Khoi st., Dist. 1, HCMC	7,630,723	30.53%
2	SSI Vision Fund	1703 Sun Wah tower – 115 Nguyen Hue st., Dist. 1, HCMC	1,629,099	6.52%
Total			9,259,822	37.05%



Chairman of Savico meetings with State Securities Commission of Korea

activities for the Corporation's long – term development and trust enhancement from our investors, customers, and shareholders.

Besides applying State Securities Commission of Vietnam and the HOSE's Regulations of disclosure, the Corporation has always updated our ongoing activities to investors on our website at [www.savico.com.vn](http://www.savico.com.vn). Just by one click on this link, investors could get our most current information, events, and reports. Also, by emailing any possible questions to the address [savico@savico.com.vn](mailto:savico@savico.com.vn), investors could get their answers in a short time. Via these communication media, the Corporation has connected to shareholders, investors, customers sharing perceptions how to maximize profits and increase company values.

In 2009, Savico issued the Savico Member cards validated at all our subsidiaries and partners as a proof of our mutual interests and connections in providing best service to our customers and great value to our shareholders.

In order to provide complete information about our business segments and to receive feedback from our shareholders, investors, Savico held a shareholder – investors meeting in February, 2009. Through which, investors had got a better understanding of the Corporation's 2008 achievements and developing directions in the coming years.

Savico also organized an institutional shareholders meeting in September, 2009 with the attendance of more than 50 representatives from 35 different financial institutions to present our institutional stock issuance of 4.6 million shares.

Moreover, the Corporation's management has always been seeking for investment opportunities, promoting Savico's image nationally and internationally through meetings with State Securities Commission of Korea, JP Morgan Investment Fund, Duxton Investment Fund, VOF Investment Fund, etc.

# Financial Statement



# Corporate information

<b>Decision No</b>	3448/QD-UB	9 July 2004
	3449/QD-UB	9 July 2004

These decisions were issued by Ho Chi Minh City People's Committee.

**Business Licence** 4103002955 issued by Ho Chi Minh City Planning and Investment Department on 15 December 2004, amended on 13 May 2005, 12 December 2006, 13 December 2006 and 30 March 2007, 4 November 2008. On 15 October 2009, the business licence was amended the 6th time with new business licence number of 0301154821.

<b>Board of Management</b>	Mr. Nguyen Vinh Tho	Chairman
	Mr. Te Tri Dung	Member
	Ms. Hoang Thi Thao	Member
	Mr. Le Dien	Member
	Mr. Nguyen Binh Minh	Member
	Mr. Tran Kim Thanh	Member (until 10 <sup>th</sup> July 2009)
	Mr. Vo Hien	Member
	Mr. Luong Quang Hien	Member (from 10 <sup>th</sup> July 2009)

<b>Board of Directors</b>	Mr. Nguyen Vinh Tho	General Director
	Mr. Nguyen Binh Minh	Deputy General Director
	Mr. Ta Phuoc Dat	Deputy General Director
	Mr. Vo Hien	Deputy General Director
	Mr. Phan Tuan Dung	Deputy General Director
	Mr. Mai Viet Ha	Deputy General Director

<b>Supervisory board</b>	Mr. Le Xuan Duc	Chairman
	Ms. Nguyen Phuong Loan	Member
	Mr. Nguyen Phuc Hung	Member

**Registered Office** 68 Nam Ky Khoi Nghia Street  
District 1, Ho Chi Minh City  
Vietnam

**Auditors** KPMG Limited  
Vietnam



# Report of the Independent Auditors

## To the Shareholders Saigon General Service Corporation

### Scope

We have audited the accompanying consolidated balance sheet of Saigon General Service Corporation and its subsidiaries ("the Group") as of 31 December 2009 and the related consolidated statements of income, changes in equity and cash flows for the year then ended and the explanatory notes thereto. These consolidated financial statements are the responsibility of the Group's management. Our responsibility is to express an opinion on these consolidated financial statements based on our audit.

We conducted our audit in accordance with Vietnamese Standards on Auditing. Those standards require that we plan and perform the audit to obtain reasonable assurance that the financial statements are free of material misstatement. An audit includes examining, on a test basis, evidence supporting the amounts and disclosures in the financial statements. An audit also includes assessing the accounting principles used and significant estimates made by management, as well as evaluating the overall financial statement presentation. We believe that our audit provides a reasonable basis for our opinion.

### Audit opinion

In our opinion, the consolidated financial statements give a true and fair view of the consolidated financial position of Saigon General Service Corporation and its subsidiaries as of 31 December 2009 and of their consolidated results of operations and cash flows for the year then ended in accordance with Vietnamese Accounting Standards, the Vietnamese Accounting System and accounting principles generally accepted in Vietnam.

### KPMG Limited

Vietnam

Investment Certificate No: 011043000345

Audit Report No: 09-01-153



Lucas Kurniawan  
CPA No. 1583/KTV  
Deputy General Director

Nguyen Thanh Nghi  
CPA No. 0304/KTV

Ho Chi Minh City, 18 March 2010

# Consolidated balance sheet

At 31 December 2009

	Code	Note	31/12/2009 VND	31/12/2008 VND
<b>ASSETS</b>				
<b>Current assets</b>	<b>100</b>		<b>521,121,849,396</b>	<b>367,076,207,609</b>
<b>Cash and cash equivalents</b>	<b>110</b>	<b>4</b>	<b>161,869,131,480</b>	<b>49,130,501,895</b>
<b>Short-term investments</b>	<b>120</b>	<b>5</b>	<b>35,633,284,631</b>	<b>46,551,022,680</b>
Short-term investments	121		52,922,284,631	70,651,488,532
Allowance for diminution in the value of short-term investments	129		(17,289,000,000)	(24,100,465,852)
<b>Accounts receivable – short-term</b>	<b>130</b>		<b>211,516,014,380</b>	<b>187,045,077,164</b>
Accounts receivable – trade	131		75,924,078,311	46,315,835,208
Prepayments to suppliers	132	6	91,349,631,557	111,873,041,485
Other receivables	138		45,284,562,103	30,025,474,832
Allowance for doubtful debts	139	7	(1,042,257,591)	(1,169,274,361)
<b>Inventories</b>	<b>140</b>	<b>8</b>	<b>94,686,470,498</b>	<b>71,484,902,978</b>
Inventories	141		99,346,719,662	75,639,267,407
Allowance for inventories	149		(4,660,249,164)	(4,154,364,429)
<b>Other current assets</b>	<b>150</b>		<b>17,416,948,407</b>	<b>12,864,702,892</b>
Short-term prepayments	151		5,741,079,982	1,384,913,953
Deductible value added tax	152		4,693,133,139	1,176,481,874
Taxes receivable from State Treasury	154		-	103,052,330
Other current assets	158		6,982,735,286	10,200,254,735
<b>Long-term assets</b>	<b>200</b>		<b>1,271,229,163,268</b>	<b>996,176,060,514</b>
<b>Accounts receivable – long-term</b>	<b>210</b>		<b>5,906,653,139</b>	<b>17,081,269,503</b>
<b>Fixed assets</b>	<b>220</b>		<b>405,096,824,068</b>	<b>337,423,863,671</b>
Tangible fixed assets	221	9	39,564,151,684	20,541,321,711
Cost	222		62,599,137,759	45,230,491,425
Accumulated depreciation	223		(23,034,986,075)	(24,689,169,714)
Finance lease tangible fixed assets	224	10	2,663,406,747	-
Cost	225		2,663,406,747	-
Accumulated depreciation	226		-	-
Intangible fixed assets	227	11	48,163,896,768	49,448,819,760
Cost	228		51,815,314,940	51,800,519,660
Accumulated amortisation	229		(3,651,418,172)	(2,351,699,900)
Construction in progress	230	12	314,705,368,869	267,433,722,200
<b>Investment property</b>	<b>240</b>	<b>13</b>	<b>97,802,040,681</b>	<b>38,521,026,609</b>
Cost	241		113,259,450,328	50,825,805,393
Accumulated depreciation	242		(15,457,409,647)	(12,304,778,784)

## Consolidated balance sheet

At 31 December 2009

	Code	Note	31/12/2009 VND	31/12/2008 VND
<b>Long-term investments</b>	<b>250</b>	<b>14</b>	<b>698,266,809,107</b>	<b>562,862,187,939</b>
Investments in associates	252		237,921,906,002	223,894,353,641
Other long-term investments	258		523,140,161,479	439,563,908,715
Allowance for diminution in the value of long-term investments	259		(62,795,258,374)	(100,596,074,417)
<b>Other long-term assets</b>	<b>260</b>		<b>64,156,836,273</b>	<b>40,287,712,792</b>
Long-term prepayments	261	15	26,946,046,843	19,617,798,427
Deferred tax assets	262	29	11,283,541,959	13,218,838,894
Long-term deposits	268		25,927,247,471	7,451,075,471
<b>TOTAL ASSETS</b>	<b>270</b>		<b>1,792,351,012,664</b>	<b>1,363,252,268,123</b>

# Consolidated balance sheet

At 31 December 2009

	Code	Note	31/12/2009 VND	31/12/2008 VND
<b>RESOURCES</b>				
<b>LIABILITIES</b>	<b>300</b>		<b>972,229,675,204</b>	<b>797,183,245,668</b>
<b>Current liabilities</b>	<b>310</b>		<b>353,687,820,855</b>	<b>317,889,953,349</b>
Short-term borrowings	311	16	134,764,632,245	128,168,304,260
Accounts payable – trade	312		24,797,707,780	41,829,700,166
Advances from customers	313		35,641,166,672	11,824,971,114
Taxes payable to State Treasury	314	17	30,333,507,769	21,239,068,472
Payables to employees	315		41,092,582,637	33,384,760,193
Accrued expenses	316	18	11,857,632,695	10,629,582,306
Other payables	319		75,200,591,057	70,813,566,838
<b>Long-term liabilities</b>	<b>330</b>		<b>618,541,854,349</b>	<b>479,293,292,319</b>
Other long-term liabilities	333	19	236,173,096,951	139,152,777,192
Long-term borrowings and liabilities	334	20	379,936,670,733	338,351,335,879
Provision for severance allowance	336		2,432,086,665	1,789,179,248
<b>EQUITY</b>	<b>400</b>		<b>713,819,499,018</b>	<b>486,602,595,830</b>
<b>Equity</b>	<b>410</b>		<b>705,475,235,184</b>	<b>479,212,219,009</b>
Share capital	411	21	249,955,730,000	203,610,400,000
Share premium	412	21	317,064,858,303	180,876,300,000
Treasury shares	413	21	(16,000)	(3,544,746,277)
Foreign exchange differences	416		2,590,491,459	650,345,638
Investment and development fund	417		18,409,006,477	16,193,469,287
Financial reserve fund	418		8,193,091,918	6,602,007,981
Retained profits	419		109,262,073,027	74,824,442,380
<b>Non-business expenditure fund</b>	<b>430</b>		<b>8,344,263,834</b>	<b>7,390,376,821</b>
Welfare and bonus fund	431		8,344,263,834	7,390,376,821
<b>MINORITY INTEREST</b>	<b>439</b>	<b>22</b>	<b>106,301,838,442</b>	<b>79,466,426,625</b>
<b>TOTAL RESOURCES</b>	<b>440</b>		<b>1,792,351,012,664</b>	<b>1,363,252,268,123</b>

Prepared by:



Hoang Thi Thao  
Chief Accountant

Approved by:



Nguyen Vinh Tho  
General Director

18 March 2010

# Consolidated statement of income

For the year ended 31 December 2009

	Code	Note	2009 VND	2008 VND
<b>Total revenue</b>	<b>01</b>	<b>23</b>	<b>3,093,441,601,012</b>	<b>2,120,656,466,797</b>
<b>Less sales deductions</b>	<b>03</b>		<b>(14,412,563,909)</b>	<b>(3,033,181,060)</b>
<b>Net sales</b>	<b>10</b>	<b>23</b>	<b>3,079,029,037,103</b>	<b>2,117,623,285,737</b>
<b>Cost of sales</b>	<b>11</b>	<b>24</b>	<b>(2,822,262,975,732)</b>	<b>(1,945,126,877,894)</b>
<b>Gross profit</b>	<b>20</b>		<b>256,766,061,371</b>	<b>172,496,407,843</b>
Financial income	21	25	27,798,512,404	77,487,561,998
Financial expenses	22	26	(25,936,699,342)	(202,501,817,096)
Selling expenses	24		(72,186,837,003)	(61,719,379,982)
General and administration expenses	25		(78,616,179,737)	(49,130,543,469)
<b>Net operating profit/(loss)</b>	<b>30</b>		<b>107,824,857,693</b>	<b>(63,367,770,706)</b>
<b>Share of profit in associates</b>		<b>14</b>	<b>14,190,492,809</b>	<b>10,666,133,785</b>
<b>Results of other activities</b>	<b>40</b>			
Other income	31	27	15,006,832,758	120,415,490,010
Other expenses	32	28	(11,372,621,708)	(5,847,989,273)
<b>Profit before tax</b>	<b>50</b>		<b>125,649,561,552</b>	<b>61,865,863,816</b>
<b>Income tax expense – current</b>	<b>51</b>	<b>29</b>	<b>(23,840,083,598)</b>	<b>(21,143,222,547)</b>
<b>Income tax (expense)/benefit – deferred</b>	<b>52</b>	<b>29</b>	<b>(1,935,296,935)</b>	<b>14,569,834,831</b>
<b>Net profit</b>			<b>99,874,181,019</b>	<b>55,292,476,100</b>

# Consolidated statement of income

For the year ended 31 December 2009

	Code	Note	2009 VND	2008 VND
<b>Net profit</b>			<b>99,874,181,019</b>	<b>55,292,476,100</b>
<b>Attributable to :</b>				
Earnings attributable to minority interest	61	22	27,988,729,031	15,339,311,289
Earnings attributable to equity holders of the Company	62		71,885,451,988	39,953,164,811
<b>Net profit</b>	60		<b>99,874,181,019</b>	<b>55,292,476,100</b>
<b>Basic earnings per share</b>	70	30	<b>3,425</b>	<b>2,236</b>

Prepared by:



Hoang Thi Thao  
Chief Accountant

Approved by:



Nguyen Vinh Tho  
General Director

18 March 2010

# Consolidated statement of change in equity

For the year ended 31 December 2009

	Share capital VND	Share premium VND	Treasury shares VND	Foreign exchange differences VND	Investment and development fund VND	Financial reserve fund VND	Retained profits VND	Bonus and welfare fund VND	Total VND
<b>Balance at 1 January 2008</b>	148,734,100,000	120,000,000,000	(2,801,612,500)	-	12,098,543,923	3,371,905,229	73,616,520,522	3,420,192,621	358,439,649,795
Shares issued	54,876,300,000	60,876,300,000	-	-	-	-	-	-	115,752,600,000
Share bought back	-	-	(743,133,777)	-	-	-	-	-	(743,133,777)
Net profit for the year	-	-	-	-	-	-	39,953,164,811	-	39,953,164,811
Foreign exchange differences	-	-	-	650,345,638	-	-	-	-	650,345,638
Allocation to funds	-	-	-	-	4,094,925,364	3,230,102,752	(13,693,719,537)	6,368,691,421	-
Dividends	-	-	-	-	-	-	(21,810,925,500)	-	(21,810,925,500)
Board of Management fee	-	-	-	-	-	-	(1,619,088,844)	-	(1,619,088,844)
Other deduction	-	-	-	-	-	-	(320,836,973)	-	(320,836,973)
Deduction of net investment in associate due to dilution	-	-	-	-	-	-	(1,300,672,099)	-	(1,300,672,099)
Fund utilised during the year	-	-	-	-	-	-	-	(2,398,507,221)	(2,398,507,221)
<b>Balance at 1 January 2009</b>	203,610,400,000	180,876,300,000	(3,544,746,277)	650,345,638	16,193,469,287	6,602,007,981	74,824,442,380	7,390,376,821	486,602,595,830

The accompanying notes are an integral part of these consolidated financial statements

# Consolidated statement of change in equity

For the year ended 31 December 2009

	Share capital VND	Share premium VND	Treasury shares VND	Foreign exchange differences VND	Investment and development fund VND	Financial reserve fund VND	Retained profits VND	Bonus and welfare fund VND	Total VND
<b>Balance at 1 January 2009</b>	203,610,400,000	180,876,300,000	(3,544,746,277)	650,345,638	16,193,469,287	6,602,007,981	74,824,442,380	7,390,376,821	486,602,595,830
Share issued	46,345,330,000	131,090,336,580	-	-	-	-	-	-	177,435,666,580
Treasury shares reissued	-	5,098,221,723	3,544,730,277	-	-	-	-	-	8,642,952,000
Net profit for the year	-	-	-	-	-	-	71,885,451,988	-	71,885,451,988
Foreign exchange differences	-	-	-	(1,411,458,593)	-	-	-	-	(1,411,458,593)
Foreign exchange differences on capital contribution in associate	-	-	-	3,351,604,414	-	-	-	-	3,351,604,414
Allocation to funds	-	-	-	-	2,215,537,190	1,591,083,937	(8,301,916,594)	4,495,295,467	-
Dividends (Note 31)	-	-	-	-	-	-	(28,609,769,200)	-	(28,609,769,200)
Board of Management fee	-	-	-	-	-	-	(536,135,547)	-	(536,135,547)
Fund utilised during the year	-	-	-	-	-	-	-	(3,541,408,454)	(3,541,408,454)
<b>Balance at 31 December 2009</b>	249,955,730,000	317,064,858,303	(16,000)	2,590,491,459	18,409,006,477	8,193,091,918	109,262,073,027	8,344,263,834	713,819,499,018

Prepared by:



Hoang Thi Thao  
Chief Accountant

Approved by:



Nguyen Vinh Tho  
General Director

18 March 2010

The accompanying notes are an integral part of these consolidated financial statements



# Consolidated statement of cash flows

For the year ended 31 December 2009

	Code	Note	2009 VND	2008 VND
<b>CASH FLOWS FROM OPERATING ACTIVITIES</b>				
<b>Profit before tax</b>	<b>01</b>		<b>125,649,561,552</b>	<b>61,865,863,816</b>
<b>Adjustments for</b>				
Depreciation and amortisation	02		9,365,982,781	9,091,544,733
Allowances and provisions	03		(43,853,346,424)	121,061,987,579
Loss/(gain) on disposals of assets			7,763,036,121	(23,288,164,499)
Loss on trading securities			26,653,476,621	6,762,693,337
Income from disposals of investments			-	(11,952,379,601)
Fixed assets written off	05		328,402,038	3,398,608,732
Interest expense	06		33,031,246,098	63,319,911,776
Dividends and interest income			(17,146,814,273)	(54,963,977,397)
Income from associates			(14,190,492,809)	(10,666,133,785)
Gain on disposal of associates			-	(6,715,939,197)
Profit from other investing activities			-	(100,759,620,000)
<b>Operating profit before changes in working capital</b>	<b>08</b>		<b>127,601,051,705</b>	<b>57,154,395,494</b>
Change in receivables and other current assets	09		(76,567,070,494)	5,433,620,802
Change in inventories	10		(23,833,619,353)	(11,188,493,344)
Change in payables and other liabilities	11		108,610,360,710	13,812,743,697
Change in prepayments	12		(7,328,248,416)	(18,396,714,346)
			<b>128,482,474,152</b>	<b>46,815,552,303</b>
Interest paid	13		(36,125,781,667)	(64,485,471,855)
Corporate income tax paid	14		(13,206,386,195)	(11,506,196,947)
Other payments for operating activities	16		(4,929,429,589)	(4,596,142,339)
<b>Net cash generated from/(used in) operating activities</b>	<b>20</b>		<b>74,220,876,701</b>	<b>(33,772,258,838)</b>

# Consolidated statement of cash flows

For the year ended 31 December 2009

	Code	Note	2009 VND	2008 VND
<b>CASH FLOWS FROM INVESTING ACTIVITIES</b>				
Payments for additions to fixed assets and other long-term assets	21		(105,581,494,870)	(197,219,596,943)
Proceeds from disposals of fixed assets and other long-term assets	22		3,948,954,697	39,740,725,364
Proceeds from disposals of investments in associates			-	13,177,500,794
Net proceeds from trading securities			5,478,152,130	9,514,042,332
Payments for other long term investments	25		(97,815,737,166)	-
Receipts of dividends and interest income	27		17,146,814,273	31,350,499,379
Collections on investments in other entities			-	35,801,393,390
Payments for other non-current assets			-	(11,237,295,000)
<b>Net cash used in investing activities</b>	<b>30</b>		<b>(176,823,310,936)</b>	<b>(78,872,730,684)</b>
<b>CASH FLOWS FROM FINANCING ACTIVITIES</b>				
Proceeds from equity issued	31		177,435,666,580	115,752,600,000
Issuance/(purchase) of treasury shares	32		8,642,952,000	(743,133,777)
Proceeds from borrowings	33		775,914,334,080	1,051,393,648,875
Payments to settle debts	34		(730,396,077,988)	(1,096,523,451,913)
Proceeds from equity issued by subsidiaries to minority interest			5,845,950,000	26,720,880,000
Payments of dividends to equity holders of the Company			(16,655,539,000)	(21,442,348,500)
Payments of dividends by subsidiaries to minority interest			(5,446,221,852)	(7,986,948,355)
<b>Net cash generated from financing activities</b>	<b>40</b>		<b>215,341,063,820</b>	<b>67,171,246,330</b>
<b>Net cash flows during the year</b>	<b>50</b>		<b>112,738,629,585</b>	<b>(45,473,743,192)</b>
<b>Cash and cash equivalents at the beginning of the year</b>	<b>60</b>		<b>49,130,501,895</b>	<b>94,604,245,087</b>
<b>Cash and cash equivalents at the end of the year</b>	<b>70</b>	<b>4</b>	<b>161,869,131,480</b>	<b>49,130,501,895</b>

# Consolidated statement of cash flows

For the year ended 31 December 2009

	2009 VND	2008 VND
<b>NON-CASH INVESTING ACTIVITIES</b>		
Acquisition of investment in associate for non-cash considerations	-	164,043,000,000
Cost of fixed assets acquired by the Group under finance leases	2,663,406,747	-

Prepared by:



Hoang Thi Thao  
Chief Accountant

Approved by:



Nguyen Vinh Tho  
General Director

18 March 2010

# Note to the consolidated financial statements

For the year ended 31 December 2009

These notes form an integral part of, and should be read in conjunction with, the accompanying consolidated financial statements.

## 1. Reporting entity

Saigon General Service Corporation ("the Company") was incorporated as a joint-stock company under Investment Licence No 3448/QD-UB issued by the Ho Chi Minh City People's Committee on 9 July 2004 and amended by Decision No 3449/QD-UB on the same day. The principal activities of the Company are:

- Service and trading: trading, distribution, repair and maintenance of cars, motorbikes and spare parts of Toyota, Ford, GM-Daewoo, Suzuki, Hyundai, SYM, Yamaha; providing diversified services with international standards; providing taxi services, automatic selling machine;
- Investment property services: Investment, development of real estates projects such as office buildings, trading centres, apartments, villas and high-class resorts;
- Financial services: investing in subsidiaries, associates and in shares of other entities operating in trading and services, real estates, infrastructures, finance, banking and telecommunications.

The Company's shares have been listed on the Ho Chi Minh Stock Exchange since 1 June 2009.

The consolidated financial statements of the Group for the year ended 31 December 2009 comprise the Company and its subsidiaries (together referred to as "the Group") and the Group's interest in associates.

As at 31 December 2009 the Group had 838 employees (2008: 765 employees).

## 2. Summary of significant accounting policies

The following significant accounting policies have been adopted by the Group in the preparation of these consolidated financial statements.

### (a) Basis of financial statement preparation

The consolidated financial statements, expressed in Vietnam Dong ("VND"), have been prepared in accordance with Vietnamese Accounting Standards, the Vietnamese Accounting System and accounting principles generally accepted in Vietnam, and are prepared on the historical cost basis.

The accounting policies have been consistently applied by the Group.

The consolidated financial statements, except for the consolidated statement of cash flows, are prepared on the accrual basis using the historical cost concept. The consolidated statement of cash flows is prepared using the indirect method.

### (b) Fiscal year

The fiscal period of the Group is from 1 January to 31 December.

# Note to the consolidated financial statements

For the year ended 31 December 2009

## (c) Basis of consolidation

### (i) Subsidiaries

Subsidiaries are those entities controlled by the Group. Control exists when the Group has the power, directly or indirectly, to govern the financial and operating policies of an entity so as to obtain benefits from its activities. In assessing control, potential voting rights that presently are exercisable are taken into account. The financial statements of subsidiaries are included in the consolidated financial statements from the date that control commences until the date that control ceases.

### (ii) Associates

Associates are those entities in which the Group has significant influence, but not control, over the financial and operating policies. Associates are accounted for using the equity method. The consolidated financial statements include the Group's share of the income and expenses of associates, after adjustments to align the accounting policies with those of the Group, from the date that significant influence commences until the date that significant influence ceases. When the Group's share of losses exceeds its interest in an associate, the carrying amount of that interest (including any long-term investments) is reduced to nil and the recognition of further losses is discontinued except to the extent that the Group has an obligation or has made payments on behalf of the associate.

### (iii) Transactions eliminated on consolidation

Intra-group balances and any unrealised gains or losses arising from intra-group transactions are eliminated in preparing the consolidated financial statements. Unrealised gains arising from transactions with associates are eliminated to the extent of the Group's interest in the entity. Unrealised losses are eliminated in the same way as unrealised gains, but only to the extent that there is no evidence of impairment.

### (iv) Goodwill

Goodwill represents the excess of the cost of an acquisition over the fair value of the Group's share of the net assets of the acquired subsidiaries and associates at the date of acquisition. Goodwill, if insignificant, is written off as incurred.

If the fair value of the Group's share of the net assets of the acquired subsidiaries and associates exceeds the cost of its acquisition, the excess is recognised in the statement of income immediately.

# Note to the consolidated financial statements

For the year ended 31 December 2009

## (d) Foreign currency transactions

Monetary assets and liabilities denominated in currencies other than VND are translated into VND at rates of exchange ruling at the balance sheet date. Transactions in currencies other than VND during the period have been translated into VND at rates approximating those ruling at the transaction dates. All realised and unrealised foreign exchange differences are recorded in the statement of income, except when they relate to the construction of tangible fixed assets or the translation of foreign currency monetary items during pre-operating stage of the entity, in which case they are recorded in the Foreign Exchange Difference Account in equity until the entity commences operations and the tangible fixed assets are put into use. Once the entity commences operations and the tangible fixed assets are put into use, the related realised foreign exchange differences are transferred to the statement of income, unrealised foreign exchange gains are transferred to the Unearned Revenue Account and unrealised foreign exchange losses are transferred to the Long-term Prepayment Account. The unrealised gains and losses are then amortised on a straight line basis over five years. This policy is in accordance with Vietnamese Accounting Standard No. 10 ("VAS 10") – *The Effects of Changes in Foreign Exchange Rates*.

On 15 October 2009, the Ministry of Finance issued Circular No. 201/2009/TT-BTC providing guidance on recognition of foreign exchange differences. This Circular requires that foreign exchange differences arising from period end translation of current monetary assets and liabilities denominated in currencies other than VND be recorded in the Foreign Exchange Difference Account in equity; and that such exchange differences be subsequently reversed at the beginning of the following period. The Group chose to continue applying VAS 10 for recognition of foreign exchange differences.

## (e) Cash and cash equivalents

Cash comprises cash balances and call deposits. Cash equivalents are short-term highly liquid investments that are readily convertible to known amount of cash, are subject to an insignificant risk of changes in value, and are held for the purpose of meeting short term cash commitments rather than for investment or other purposes.

## (f) Trading securities, short-term and long-term investments

### (i) Classification

The Group classifies its investments in shares listed or non-listed, as short-term investment or long-term investment depending on the Group's intention and investment strategy in respect of relevant investees.

### (ii) Recognition

The Group recognises trading securities, short-term and long-term investments on the date it becomes a party to the contractual provisions of the investments (trade date accounting).

### (iii) Measurement

Trading securities, short-term and long-term investments are stated at cost less allowance for diminution in value.

Cost of trading securities, short-term and long-term investments are determined on a weighted average basis.

# Note to the consolidated financial statements

For the year ended 31 December 2009

## **(iv) Impairment**

The allowance for diminution of listed securities is made in accordance with the current regulation as issued by the Ministry of Finance. The allowance is reversed if the subsequent increase in recoverable amount can be related objectively to an event occurring after the allowance was recognised. An allowance is reversed only to the extent that the investment's carrying amount does not exceed the carrying amount that has been determined if no allowance had been recognised.

## **(v) Derecognition**

Trading securities, short-term and long-term investments are derecognised when the rights to receive cash flows from the investments have expired or the Group has transferred substantially all risks and rewards of ownership.

## **(g) Accounts receivable**

Trade and other receivables are stated at cost less allowance for doubtful debts.

## **(h) Inventories**

Inventories are stated at the lower of cost and net realisable value. Cost is determined on a specific identification basis for merchandise inventory and weighted average basis for other items and includes all costs incurred in bringing the inventories to their present location and condition. Net realisable value is the estimated selling price of inventory items, less the estimated costs of completion and selling expenses.

The Group applies the perpetual method of accounting for inventory.

## **(i) Tangible fixed assets**

### **(i) Cost**

Tangible fixed assets are stated at cost less accumulated depreciation. The initial cost of a tangible fixed asset comprises its purchase price, including import duties, non-refundable purchase taxes and any directly attributable costs of bringing the asset to its working condition and location for its intended use. Expenditure incurred after tangible fixed assets have been put into operation, such as repairs and maintenance and overhaul costs, is normally charged to income in the period in which the costs are incurred. In situations where it can be clearly demonstrated that the expenditure has resulted in an increase in the future economic benefits expected to be obtained from the use of tangible fixed assets beyond their originally assessed standard of performance, the expenditure is capitalised as an additional cost of tangible fixed assets.

# Note to the consolidated financial statements

For the year ended 31 December 2009

## (ii) Depreciation

Depreciation is computed on a straight-line basis over the estimated useful lives of tangible fixed assets. The estimated useful lives are as follows:

▪ buildings	6 – 42 years
▪ machinery and equipment	4 – 8 years
▪ office equipment	2 – 7 years
▪ motor vehicles	5 – 6 years
▪ others	3 – 5 years

## (j) Financial lease tangible fixed assets

Leases in terms of which the Group assumes substantially all the risks and rewards of ownership are classified as finance leases. Tangible fixed assets acquired by way of finance leases are stated at an amount equal to the lower of fair value and the present value of the minimum lease payments at inception of the lease, less accumulated depreciation.

Depreciation on leased assets is computed on a straight-line basis over the estimated useful lives of items of the leased assets. The estimated useful lives of leased assets are consistent with the useful lives of tangible fixed assets as described in accounting policy 2(i).

## (k) Intangible fixed assets

### (i) Land use rights

Land use rights with indefinite period are stated at cost. Land use rights with definite period are stated at cost less accumulated amortisation. The initial cost of a land use right comprises its purchase price and any directly attributable costs incurred in conjunction with securing the land use right. Amortisation is computed on a straight-line basis over 20 to 50 years.

### (ii) Software

Cost of acquisition of new software, which is not an integral part of the related hardware, is capitalised and treated as an intangible asset. Software is amortised on a straight-line basis over 3 - 4 years.



# Note to the consolidated financial statements

For the year ended 31 December 2009

## **(l) Investment property**

### **(i) Cost**

Investment property is stated at cost less accumulated depreciation. The initial cost of an investment property comprises its purchase price, cost of land use rights and any directly attributable costs of bringing the asset to its working condition for its intended use. Expenditure incurred after investment property has been put into operation, such as repairs and maintenance, is normally charged to income in the period in which the costs are incurred. In situations where it can be clearly demonstrated that the expenditure has resulted in future economic benefits in excess of the originally assessed standard of performance of the existing investment property, the expenditure is capitalised as an additional cost of investment property.

### **(ii) Depreciation**

Depreciation is computed on a straight-line basis over the estimated useful lives of investment property which are ranging from 6 to 22 years.

## **(m) Long term prepayments**

### **(i) Pre-operating expenses**

Pre-operating expenses are recorded in the statement of income, except for establishment costs and expenditures on training, advertising and promotional activities incurred from the incorporation date to the commercial operation date. These expenses are recognised as long-term prepayments, initially stated at cost, and are amortised on a straight line basis over three years starting from the date of commercial operation.

### **(ii) Prepaid land costs**

Prepaid land costs comprise prepaid land lease rentals and other costs incurred in conjunction with securing the use of leased land. These costs are recognised in the statement of income on a straight-line basis over the term of the lease of 8 years.

### **(iii) Tools and supplies**

Tools and supplies used for more than one year are recorded as long-term prepayments and amortised over a period from 2 to 3 years.

## **(n) Construction in progress**

Construction in progress represents the cost of construction which has not been fully completed. No depreciation is provided for construction in progress during the period of construction.

## **(o) Trade and other payables**

Trade and other payables are stated at their cost.

# Note to the consolidated financial statements

For the year ended 31 December 2009

## (p) Provisions

A provision is recognised if, as a result of a past event, the Group has a present legal or constructive obligation that can be estimated reliably, and it is probable that an outflow of economic benefits will be required to settle the obligation. Provisions are determined by discounting the expected future cash flows at a pre-tax rate that reflects current market assessments of the time value of money and the risks specific to the liability.

## (q) Taxation

Income tax on the profit or loss for the period comprises current and deferred tax. Income tax is recognised in the statement of income except to the extent that it relates to items recognised directly to equity, in which case it is recognised in equity.

Current tax is the expected tax payable on the taxable income for the period, using tax rates enacted or substantially enacted at the balance sheet date, and any adjustment to tax payable in respect of previous periods.

Deferred tax is provided using the balance sheet method, providing for temporary differences between the carrying amounts of assets and liabilities for financial reporting purposes and the amounts used for taxation purposes. The amount of deferred tax provided is based on the expected manner of realisation or settlement of the carrying amount of assets and liabilities using tax rates enacted or substantively enacted at the balance sheet date.

A deferred tax asset is recognised only to the extent that it is probable that future taxable profits will be available against which the temporary difference can be utilised. Deferred tax assets are reduced to the extent that it is no longer probable that the related tax benefit will be realised.

## (r) Equity funds

Allocations are made to equity funds from retained profits each year based on percentage decided by the shareholders in their annual ordinary general meeting.

## (s) Revenue

### (i) Goods sold

Revenue from the sale of goods is recognised in the statement of income when the significant risks and rewards of ownership have been transferred to the buyer. No revenue is recognised if there are significant uncertainties regarding recovery of the consideration due or the possible return of goods.

### (ii) Services rendered

Revenue from services rendered is recognised in the statement of income in proportion to the stage of completion of the transaction at the balance sheet date. The stage of completion is assessed by reference to work performed. No revenue is recognised if there are significant uncertainties regarding recovery of the consideration due.

### (iii) Rental income

Rental income from leased property is recognised in the statement of income on a straight-line basis over the term of the lease. Lease incentives granted are recognised as an integral part of the total rental income.

# Note to the consolidated financial statements

For the year ended 31 December 2009

**(iv) Dividend income**

Dividends are recognised as income when the right to receive the dividend is established.

**(v) Revenue from securities trading**

Revenue from securities trading activities is recognised in the statement of income when significant risks and rewards of ownership have been transferred to the buyer. Significant risks and rewards of ownership have been transferred upon the completion of trading transaction (for listed securities) or the completion of the agreement on transfer of assets (for non-listed securities).

**(t) Operating lease payments**

Payments made under operating leases are recognised in the statement of income on a straight-line basis over the term of the lease. Lease incentives received are recognised in the statement of income as an integral part of the total lease expense.

**(u) Borrowing costs**

Borrowing costs are recognised as an expense in the period in which they are incurred, except where the borrowing costs relate to borrowings in respect of the construction of qualifying tangible fixed assets and investment property, in which case the borrowing costs incurred during the period of construction are capitalised as part of the cost of the assets concerned.

**(v) Earnings per share**

The Group presents basic earnings per share (EPS) for its ordinary shares which is calculated by dividing the profit or loss attributable to the ordinary shareholders of the Group by the weighted average number of ordinary shares outstanding during the year.

**(w) Segment reporting**

A segment is a distinguishable component of the Group that is engaged either in providing related products or services (business segment), or in providing products or services within a particular economic environment (geographical segment), which is subject to risks and rewards that are different from those of other segments. The Group's primary format for segment reporting is based on business segment. The Group operates in Vietnam, a single geographical segment.

**(x) Related parties**

Parties are considered to be related if one party has the ability, directly or indirectly, to control the other party or exercise significant influence over the other party in making financial and operating decisions. Parties are also considered to be related if they are subject to common control or common significant influence.

**(y) Off balance sheet items**

Amounts which are defined as off balance sheet items under the Vietnamese Accounting System are disclosed in the relevant notes to these financial statements.

# Note to the consolidated financial statements

For the year ended 31 December 2009

## 3. Segment reporting

	Services and trading		Investment property services		Financial services		Total	
	2009 VND	2008 VND	2009 VND	2008 VND	2009 VND	2008 VND	2009 VND	2008 VND
Revenues from external customers	2,969,203,787,953	2,067,024,044,994	127,304,310,603	85,057,198,018	24,509,943,760	53,695,738,508	3,121,018,042,316	2,205,776,981,520
Directly and attributable to segment expenses	(2,904,425,904,000)	(2,028,954,380,708)	(89,509,699,282)	(75,221,418,023)	(5,067,088,532)	(154,302,819,711)	(2,999,002,691,814)	(2,258,478,618,441)
Segment profit during the year	64,777,883,953	38,069,664,286	37,794,611,321	9,835,779,995	19,442,855,228	(100,607,081,203)	122,015,350,502	(52,701,636,921)
Un-allocated revenue							15,006,832,759	120,415,490,010
Un-allocated expense							(11,372,621,708)	(5,847,989,272)
							125,649,561,552	61,865,863,817

# Note to the consolidated financial statements

For the year ended 31 December 2009

	Services and trading		Investment property services		Financial services		Total	
	2009	2008	2009	2008	2009	2008	2009	2008
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
<b>Assets</b>								
Current assets	399,157,077,095	198,258,143,482	73,369,186,230	110,407,093,947	37,312,044,112	45,510,970,180	509,838,307,437	354,176,207,609
Non-current assets	406,301,583,172	328,782,406,714	619,639,805,908	459,944,884,242	244,711,779,800	207,448,769,558	1,270,653,168,880	996,176,060,514
Un-allocated assets	-	-	-	-	-	-	11,283,541,959	12,900,000,000
	805,458,660,267	527,040,550,196	693,008,992,138	570,351,978,189	282,023,823,912	252,959,739,738	1,791,775,018,276	1,363,252,268,123
<b>Liabilities</b>								
Current liabilities	258,969,874,570	194,691,628,547	81,845,009,085	103,211,765,070	12,872,937,200	19,986,559,732	353,687,820,855	317,889,953,349
Non-current liabilities	206,034,310,020	76,174,545,585	360,230,932,613	299,662,333,005	52,276,611,716	103,456,413,729	618,541,854,349	479,293,292,319
	465,004,184,590	514,701,302,978	442,075,941,698	402,874,098,075	65,149,548,916	123,442,973,461	972,229,675,204	797,183,245,668
Depreciation and amortisation	5,049,199,489	5,049,925,899	4,139,694,808	4,041,618,834	177,088,484	-	9,365,982,781	9,091,544,733
Allowances and provisions	(40,258,676,259)	4,462,429,671	(2,442,681,389)	-	-	116,599,557,908	(43,853,346,424)	121,061,987,579
Capital expenditure	79,933,137,250	4,462,343,432	32,976,606,036	193,407,599,149	-	-	112,909,743,286	197,869,942,581

# Note to the consolidated financial statements

For the year ended 31 December 2009

## 4. Cash and cash equivalents

	<b>31/12/2009</b> <b>VND</b>	<b>31/12/2008</b> <b>VND</b>
Cash on hand	3,222,446,566	3,806,935,102
Cash in banks	91,146,684,914	40,323,566,793
Cash equivalents	67,500,000,000	5,000,000,000
	<hr/>	<hr/>
	161,869,131,480	49,130,501,895
	<hr/>	<hr/>

## 5. Short-term investments

Short-term investments represented investments in trading securities.

Movements in the allowance for diminution in value of short-term investments during the year were as follows:

	<b>2009</b> <b>VND</b>	<b>2008</b> <b>VND</b>
Opening balance	24,100,465,852	2,110,850,000
Increase in allowance during the year	-	21,989,615,852
Written back	(6,811,465,852)	-
	<hr/>	<hr/>
Closing balance	17,289,000,000	24,100,465,852
	<hr/>	<hr/>

Included in short-term investments were investments in certain shares with carrying amount of VND28,204 million (2008: VND6,196 million) which are not listed or publicly traded.

At 31 December 2009 short-term investments with a carrying value of VND7,800 million (2008: VND39,009 million) were pledged with banks as security for loans granted to the Group.

## 6. Prepayment to suppliers

Prepayments to suppliers as of 31 December 2009 included amounts prepaid for acquisition of buildings and construction services of VND48,030 million (31/12/2008: VND100,760 million).

# Note to the consolidated financial statements

For the year ended 31 December 2009

## 7. Allowance for doubtful debts

Movements in the allowance for doubtful debts during the year were as follows:

	<b>2009 VND</b>	<b>2008 VND</b>
Opening balance	1,169,274,361	3,085,756,536
Increase in allowance during the year	126,883,638	50,000,000
Allowance utilised during the year	(253,900,408)	(1,966,482,175)
	<hr/>	<hr/>
Closing balance	1,042,257,591	1,169,274,361
	<hr/>	<hr/>

## 8. Inventories

	<b>31/12/2009 VND</b>	<b>31/12/2008 VND</b>
Goods in transit	1,920,476,190	-
Materials and spare parts	4,229,837,343	2,890,474,315
Merchandise inventory	93,196,406,129	72,748,793,092
	<hr/>	<hr/>
	99,346,719,662	75,639,267,407
Allowance for inventories	(4,660,249,164)	(4,154,364,429)
	<hr/>	<hr/>
	94,686,470,498	71,484,902,978
	<hr/>	<hr/>

Movements in the allowance for inventories during the year were as follows:

	<b>2009 VND</b>	<b>2008 VND</b>
Opening balance	4,154,364,429	2,229,823,262
Increase in allowance during the year	632,051,833	1,924,541,167
Allowance utilised during the year	(126,167,098)	-
	<hr/>	<hr/>
Closing balance	4,660,249,164	4,154,364,429
	<hr/>	<hr/>

At 31 December 2009 inventories with a carrying value of VND6,440 million (31/12/2008: VND14,025 million) were pledged with banks as security for loans granted to the Group.

# Note to the consolidated financial statements

For the year ended 31 December 2009

## 9. Tangible fixed assets

174

	Buildings VND	Machinery and equipment VND	Office equipment VND	Motor vehicles VND	Others VND	Total VND
<b>Cost</b>						
Opening balance	15,983,426,340	18,295,326,561	3,860,527,324	6,717,610,770	373,600,430	45,230,491,425
Additions	19,776,791,989	4,842,679,799	1,428,501,869	6,801,892,450	-	32,849,866,107
Transfers from construction in progress	1,542,311,188	-	-	-	-	1,542,311,188
Disposals	(105,789,054)	(13,087,008,839)	(545,454,540)	(2,879,084,896)	-	(16,617,337,329)
Written off	-	-	(191,674,205)	(214,519,427)	-	(406,193,632)
Closing balance	37,196,740,463	10,050,997,521	4,551,900,448	10,425,898,897	373,600,430	62,599,137,759
<b>Accumulated depreciation</b>						
Opening balance	10,499,050,000	8,276,920,905	2,102,882,803	3,471,231,100	339,084,906	24,689,169,714
Charge for the year	1,258,363,466	1,690,531,981	617,543,086	1,312,679,589	34,515,524	4,913,633,646
Disposals	(105,789,054)	(4,817,349,265)	-	(1,433,185,292)	-	(6,356,323,611)
Written off	-	-	(190,054,831)	(21,438,843)	-	(211,493,674)
Closing balance	11,651,624,412	5,150,103,621	2,530,371,058	3,329,286,554	373,600,430	23,034,986,075
<b>Net book value</b>						
Closing balance	25,545,116,051	4,900,893,900	2,021,529,390	7,096,612,343	-	39,564,151,684
Opening balance	5,484,376,340	10,104,244,036	1,757,644,521	3,160,541,290	34,515,524	20,541,321,711

Included in the cost of tangible fixed assets were assets costing VND14,398 million which were fully depreciated as of 31 December 2009 (31/12/2008: VND5,555 million), but which are still in active use.

At 31 December 2009, tangible fixed assets with a carrying value of VND2,287 million (31/12/2008: VND1,838 million) were pledged with banks as security for loans granted to the Group.



# Note to the consolidated financial statements

For the year ended 31 December 2009

## 10. Finance lease tangible fixed assets

	Office equipment VND
<b>Cost and net book value</b>	
Additions and closing balance	2,663,406,747

At the end of the lease the Group has the option to purchase the equipment at a beneficial price. The leased equipment secures the lease obligations.

## 11. Intangible fixed assets

	Indefinite land use right VND	Definite land use right VND	Software VND	Total VND
<b>Cost</b>				
Opening balance	14,634,054,300	36,537,848,610	628,616,750	51,800,519,660
Additions	-	-	66,004,700	66,004,700
Written off	-	(51,209,420)	-	(51,209,420)
Closing balance	14,634,054,300	36,486,639,190	694,621,450	51,815,314,940
<b>Accumulated amortisation</b>				
Opening balance	-	2,295,048,022	56,651,878	2,351,699,900
Charge for the year	-	1,143,911,958	155,806,314	1,299,718,272
Closing balance	-	3,438,959,980	212,458,192	3,651,418,172
<b>Net book value</b>				
Closing balance	14,634,054,300	33,047,679,210	482,163,262	48,163,896,768
Opening balance	14,634,054,300	34,242,800,588	571,964,872	49,448,819,760

At 31 December 2009, intangible fixed assets with a carrying value of VND45,739 million (31/12/2008: VND46,699 million) were pledged with banks as security for loans granted to the Group.

# Note to the consolidated financial statements

For the year ended 31 December 2009

## 12. Construction in progress

	2009 VND	2008 VND
Opening balance	267,433,722,200	128,243,343,505
Additions during the year	56,292,835,400	172,928,816,857
Transfers to investment property	(5,882,581,928)	(32,758,995,141)
Transfers to tangible fixed assets	(1,542,311,188)	-
Transfer to long-term investments	(818,300,400)	-
Written off	(82,492,660)	(979,443,021)
Disposals	(695,485,207)	-
	<hr/>	<hr/>
Closing balance	314,705,368,869	267,433,722,200

At 31 December 2009, construction in progress with a carrying value of VND161,013 million (31/12/2008: VND132,999 million) was pledged with a bank as security for loans granted to the Group.

During the year, borrowing costs capitalised into construction in progress amounted to VND17,979 million (2008: VND23,738 million).

## 13. Investment property

	Land use rights VND	Buildings VND	Total VND
<b>Cost</b>			
Opening balance	-	50,825,805,393	50,825,805,393
Transfers from construction in progress	462,106,962	5,420,474,966	5,882,581,928
Transfers from prepayments to suppliers	57,306,554,900	-	57,306,554,900
Disposals	(462,106,962)	(293,384,931)	(755,491,893)
	<hr/>	<hr/>	<hr/>
Closing balance	57,306,554,900	55,952,895,428	113,259,450,328
<b>Accumulated depreciation</b>			
Opening balance	-	12,304,778,784	12,304,778,784
Charge for the year	-	3,152,630,863	3,152,630,863
	<hr/>	<hr/>	<hr/>
Closing balance	-	15,457,409,647	15,457,409,647
<b>Net book value</b>			
Closing balance	57,306,554,900	40,495,485,781	97,802,040,681
Opening balance	-	38,521,026,609	38,521,026,609

The Group's investment property represented buildings held for earning rental income.

# Note to the consolidated financial statements

For the year ended 31 December 2009

The fair value of investment property has not been determined as there was no recent market transaction for similar property in the same location as the Group's investment property and there is no active market for such property.

Included in the cost of investment property were assets costing VND4,893 million which were fully depreciated as of 31 December 2009 (31/12/2008: VND4,893), but which are still in active use.

At 31 December 2009, investment property with a carrying value of VND83,487 million (31/12/2008: VND23,150 million) were pledged with banks as security for loans granted to the Group.

## 14. Long-term investments

	31/12/2009 VND	31/12/2008 VND
Long-term equity investments in associates	237,921,906,002	223,894,353,641
Long-term corporate bonds	-	1,000,000,000
Long-term treasury bonds	-	150,000,000
Other long-term investments	523,140,161,479	438,413,908,715
	<hr/>	<hr/>
	761,062,067,481	663,458,262,356
Allowance for diminution in value of long-term investments	(62,795,258,374)	(100,596,074,417)
	<hr/>	<hr/>
	698,266,809,107	562,862,187,939
	<hr/>	<hr/>

Movements of investments in associates were as follows:

	2009 VND	2008 VND
Balance at the beginning of the year	223,894,353,641	63,531,680,896
New investments	-	166,443,000,000
Elimination	124,342,320	248,684,638
Share of net profit in associates	14,190,492,809	10,666,133,785
Disposals of associates	-	(6,461,561,597)
Dividends from associates	(3,638,887,232)	(9,232,911,982)
Deduction of net investment in associate due to dilution	-	(1,300,672,099)
Foreign exchange differences on capital contribution in associate	3,351,604,414	-
	<hr/>	<hr/>
	237,921,906,002	223,894,353,641
	<hr/>	<hr/>

Included in other long-term investments were investments in certain shares with carrying amount of VND294,721,932,590 which are not listed or publicly traded; market price for these shares could not be reliably determined and reliable information for impairment consideration is not available; consequently investments in these shares are carried at cost.

# Note to the consolidated financial statements

For the year ended 31 December 2009

At 31 December 2009 investment in associates with cost of VND13,713 million and other long-term investments with cost of VND60,730 million (31/12/2008: VND16,799 million and VND168,628 million, respectively) were pledged with banks as security for loans granted to the Group.

Movements in the allowance for diminution in value of long-term investments during the year were as follows:

	2009 VND	2008 VND
Opening balance	100,596,074,417	1,481,761,682
Increase in allowance during the year	-	99,114,312,735
Written back	(37,800,816,043)	-
Closing balance	62,795,258,374	100,596,074,417

Details of the investments in associates are as follows:

Name	Principal activity	Investment Licence	% of ownership	31/12/2009 VND	31/12/2008 VND
Super Car Co., Ltd	Trading cars' spare parts and interior decorative materials.	Business Licence No. 4103008825 issued by the Planning and Investment Department on 21 December 2007 and amended on 6 March 2008	37.5%	1,293,252,613	1,860,931,380
Savico Ben Thanh Co., Ltd (SYM)	Trading SYM motorbikes, providing maintenance services.	Business Licence No. 4102036521 issued by Ho Chi Minh City Planning and Investment Department on 25 January 2006.	37%	1,851,170,058	1,635,734,827
Dana Joint Stock Company (DANA FORD)	Trading FORD cars and spare parts, providing maintenance services.	Business Licence No. 044937 issued by the Planning and Investment Department of Danang on 16 June 1998 and amended on 25 June 2007.	40%	5,668,065,506	4,669,355,554
Comfort Delgro Savico Taxi Company	Providing taxi transportation and related services in Vietnam.	Business Licence No. 824/GP-HCM issued by the People's Committee of Ho Chi Minh City on 28 March 2005.	40.19%	23,708,149,910	22,206,922,691

# Note to the consolidated financial statements

For the year ended 31 December 2009

Name	Principal activity	Investment Licence	% of ownership	31/12/2009 VND	31/12/2008 VND
Saigon Services Co., Ltd (SSC)	Construction of civil, industrial projects and providing office for lease and entertainment services.	Business Licence No. 4102003457 issued by Ho Chi Minh City Planning and Investment Department on 9 January 2001.	49%	1,831,887,896	1,830,137,405
Toyota East Saigon Joint Stock Company (TESC)	Trading TOYOTA cars and spare parts, providing maintenance services.	Business Licence No. 4103001903 issued by Ho Chi Minh City Planning and Investment Department on 3 November 2003, amended on 14 July 2005, 14 November 2007.	35.16%	41,673,458,611	27,648,271,784
Savico -Vinaland Co., Ltd	Constructing and managing the business centre, providing office for lease and related services.	Investment License No. 411022000214 issued by the People's Committee of Ho Chi Minh City on 3 October 2008.	49.50%	161,895,921,408	164,043,000,000
				237,921,906,002	223,894,353,641

## 15. Long-term prepayments

	31/12/2009 VND	31/12/2008 VND
Prepaid land cost (*)	16,125,432,980	18,500,496,262
Tools and supplies	5,824,655,699	-
Pre-operating expenses	4,199,160,437	-
Others	746,797,727	1,117,302,165
	26,946,046,843	19,617,798,427

(\*) Prepaid land cost represented land rental prepaid for 8 years in advance and is amortised over 8 years.

# Note to the consolidated financial statements

For the year ended 31 December 2009

## 16. Short-term borrowings

	31/12/2009 VND	31/12/2008 VND
Denominated in USD	10,300,000,000	600,000,000
Denominated in VND	87,238,862,045	93,140,455,060
	<hr/>	<hr/>
	97,538,862,045	93,740,455,060
Current portion of long-term liabilities (Note 19)	37,225,770,200	34,427,849,200
	<hr/>	<hr/>
	134,764,632,245	128,168,304,260

Including in short-term borrowings were VND39,540,156,000 (31/12/2008: VND12,391,000,000) unsecured and VND57,998,706,045 (31/12/2008: VND81,349,455,060) secured by assets with carrying value of VND75,586 million (31/12/2008: VND221,662 million).

These loan bore interests at rates ranging from 3.6% to 12.75% (2008: from 3.6% to 19.5%) per annum.

## 17. Taxes payable to State Treasury

	31/12/2009 VND	31/12/2008 VND
Value added tax	3,850,749,035	2,880,851,299
Corporate income tax	24,457,520,023	13,823,822,620
Other taxes	2,025,238,711	4,534,394,553
	<hr/>	<hr/>
	30,333,507,769	21,239,068,472

## 18. Accrued expenses

	31/12/2009 VND	31/12/2008 VND
Interest on borrowings	1,078,264,776	4,172,800,345
Rental fee	2,662,852,652	995,950,831
Audit fee	1,045,376,182	824,255,842
Salary and related expenses	1,099,162,755	1,621,974,403
Others	5,971,976,330	3,014,600,885
	<hr/>	<hr/>
	11,857,632,695	10,629,582,306

# Note to the consolidated financial statements

For the year ended 31 December 2009

## 19. Other long-term liabilities

	31/12/2009 VND	31/12/2008 VND
Deferred revenue	145,952,506,418	98,764,380,000
Long-term deposit received	10,011,121,947	12,335,453,066
Other long-term payables	80,209,468,586	28,052,944,126
	236,173,096,951	139,152,777,192

## 20. Long-term borrowings and liabilities

	31/12/2009 VND	31/12/2008 VND
Borrowings denominated in USD	82,224,660,795	13,600,000,000
Borrowings denominated in VND	332,683,203,954	359,179,185,079
	414,907,864,749	372,779,185,079
Finance lease liabilities (*)	2,254,576,184	-
	417,162,440,933	372,779,185,079
Repayable within twelve months	(37,225,770,200)	(34,427,849,200)
	379,936,670,733	338,351,335,879

Including in long-term borrowings were VND49,537,878,075 (31/12/2008: VND63,000,000,000) unsecured and VND365,369,986,674 (31/12/2008: VND309,779,185,079) secured by assets with carrying value of VND305,624 million (31/12/2008: VND284,292 million).

These loans bore interests at rates ranging from 10.5% to 14.1% (2008: from 11.34% to 18%) per annum.

Repayment schedules of long-term borrowings were as follows:

	2009 VND	2008 VND
Within one year	37,225,770,200	34,427,849,200
Within two to five years	282,445,319,255	251,244,814,000
Over five years	95,236,775,294	87,106,521,879
	414,907,864,749	372,779,185,079

# Note to the consolidated financial statements

For the year ended 31 December 2009

(\*) The future minimum lease payments under non-cancellable finance leases were:

	<b>Payments</b>	<b>31/12/2009 VND Interest</b>	<b>Principal</b>
Within one year	690,581,300	360,004,100	330,577,200
Within two to five years	2,595,161,384	671,162,400	1,923,998,984
	<hr/> 3,285,742,684	<hr/> 1,031,166,500	<hr/> 2,254,576,184 <hr/>

## 21. Share capital

	<b>31/12/2009</b>		<b>31/12/2008</b>	
	<b>Number of shares</b>	<b>VND</b>	<b>Number of shares</b>	<b>VND</b>
Authorised share capital	24,995,573	249,955,730,000	20,361,040	203,610,400,000
Issued ordinary shares	24,995,573	249,955,730,000	20,361,040	203,610,400,000
Treasury ordinary shares	(1)	(16,000)	(221,061)	(3,544,746,277)
Ordinary shares currently in circulation	<hr/> 24,995,572	<hr/> 249,955,714,000	<hr/> 20,139,979	<hr/> 200,065,653,723 <hr/>

All ordinary shares have a par value of VND10,000. Each share is entitled to one vote at meetings of the Company. Shareholders are entitled to receive dividend as declared from time to time. All ordinary shares are ranked equally with regard to the Company's residual assets. In respect of shares bought back by the Company, all rights are suspended until those shares are reissued.

Movements in share capital during the year were as follows:

	<b>31/12/2009</b>		<b>31/12/2008</b>	
	<b>Number of shares</b>	<b>VND</b>	<b>Number of shares</b>	<b>VND</b>
Balance at the beginning of the year	20,139,979	200,065,653,723	14,676,170	145,932,487,500
Shares issued during the year	4,634,533	46,345,330,000	5,487,630	54,876,300,000
Treasury shares purchased during the year	-	-	(23,821)	(743,133,777)
Treasury shares reissued during the year	221,060	3,544,730,277	-	-
Balance at the end of the year	<hr/> 24,995,572	<hr/> 249,955,714,000	<hr/> 20,139,979	<hr/> 200,065,653,723 <hr/>



# Note to the consolidated financial statements

For the year ended 31 December 2009

In August 2009, the Company reissued treasury shares for proceeds of VND8,642,952,000, exceeding par value by VND5,098,221,723. This amount was recorded as share premium.

In October 2009, the Company issued 4,634,533 shares for existing and new shareholders. The proceeds from shares issuance in excess of the par value totalling VND131,090,336,580 was recorded as share premium in equity section.

## 22. Minority interest

	2009 VND	2008 VND
Balance at the beginning of the year	79,466,426,625	45,650,892,992
Earnings attributable to minority interest during the year	27,988,729,031	15,339,311,289
Capital contribution during the year	5,845,950,000	26,720,880,000
Dividends	(5,446,221,852)	(7,986,948,355)
Utilisation of welfare and bonus fund borne by minority interest	(851,885,588)	(257,709,301)
Foreign exchange difference	(701,159,774)	-
	<hr/>	<hr/>
Balance at the end of the year	106,301,838,442	79,466,426,625

## 23. Total revenue

Total revenue represents the gross invoiced value of goods sold and services rendered exclusive of value added tax.

Net sales comprised of:

	2009 VND	2008 VND
Total revenue		
▪ Sales	2,876,534,520,785	1,926,804,323,326
▪ Services	140,785,619,923	131,869,781,468
▪ Investment property services	76,121,460,304	61,982,362,003
	<hr/>	<hr/>
	3,093,441,601,012	2,120,656,466,797
Less sales deductions	(14,412,563,909)	(3,033,181,060)
	<hr/>	<hr/>
Net sales	3,079,029,037,103	2,117,623,285,737

# Note to the consolidated financial statements

For the year ended 31 December 2009

## 24. Cost of sales

	2009 VND	2008 VND
Merchandise goods sold	2,703,288,808,377	1,826,338,329,622
Services provided	113,738,507,559	98,607,936,063
Depreciation charge of investment property	3,152,630,863	3,548,914,146
Carrying value of Investment properties disposed	1,450,977,100	14,707,156,896
Allowance for inventories	632,051,833	1,924,541,167
	2,822,262,975,732	1,945,126,877,894

## 25. Financial income

	2009 VND	2008 VND
Interest income	2,189,982,234	4,976,197,668
Income from disposal of investments	-	11,952,379,601
Income from disposal of securities	10,135,681,200	10,044,079,470
Dividends	15,135,860,459	49,987,779,729
Foreign exchange gains	318,664,516	526,732,748
Others	18,323,995	392,782
	27,798,512,404	77,487,561,998

## 26. Financial expenses

	2009 VND	2008 VND
Interest expense from banks	33,031,246,098	63,319,911,776
Loss from short-term investments trading	36,789,157,821	16,621,492,448
Securities trading fees	484,394,542	211,916,819
Foreign exchange losses	244,182,776	1,234,769,205
Allowance for short-term and long-term investments	-	121,103,928,587
Reversal of allowance for short-term and long-term investments	(44,612,281,895)	-
Others	-	9,798,261
	25,936,699,342	202,501,817,096

# Note to the consolidated financial statements

For the year ended 31 December 2009

## 27. Other income

	2009 VND	2008 VND
Proceeds from disposals of tangible fixed assets	3,948,954,697	3,024,486,813
Commission received from other parties	276,021,026	164,391,681
Compensation received from other parties	4,723,445,966	5,942,240,239
Deduction in payables offered by suppliers	1,175,373,920	1,063,766,877
Gain on disposal of investment in associate	-	6,715,939,197
Others	4,883,037,149	103,007,295,927
	15,006,832,758	120,415,490,010

## 28. Other expenses

	2009 VND	2008 VND
Carrying value of tangible fixed assets disposed	10,261,013,718	1,745,403,969
Carrying value of fixed assets written off	382,402,038	3,398,608,732
Others	729,205,952	703,976,572
	11,372,621,708	5,847,989,273

## 29. Income tax

### (a) Recognised in the balance sheet

	31/12/2009 VND	31/12/2008 VND
<b>Deferred tax assets</b>		
Allowances and provisions	4,745,384	13,125,435,845
Allowance for doubtful debts	-	22,050,524
Allowance for inventories	-	42,000,000
Accruals	935,254,115	29,352,525
Tax value of loss carry-forwards recognised	10,343,542,460	-
	11,283,541,959	13,218,838,894

# Note to the consolidated financial statements

For the year ended 31 December 2009

## (b) Recognised in the statement of income

	2009 VND	2008 VND
<b>Current tax expense</b>		
Current year	22,897,602,866	21,143,222,547
Under provision in prior year	942,480,732	-
	23,840,083,598	21,143,222,547
<b>Deferred tax expense/(benefit)</b>		
Origination of temporary differences	(766,557,349)	(16,452,728,916)
Write off of deferred tax assets	6,310,518,697	1,882,894,085
Reversal of temporary differences	6,734,878,047	-
Tax value of loss carry-forwards recognised	(10,343,542,460)	-
	1,935,296,935	(14,569,834,831)
Income tax expense	25,775,380,533	6,573,387,716

## (c) Reconciliation of effective tax rate

	2009 VND	2008 VND
Profit before tax	125,649,561,552	61,865,863,816
Tax at income rate applicable to the Company	31,223,634,686	17,322,441,868
Tax effect of non deductible expenses	2,194,173,005	1,730,171,654
Tax effect of non-taxable income	(4,290,189,552)	(12,251,965,093)
Effect of tax incentives	(8,403,790,776)	(4,451,130,061)
Effect of lower tax rate at subsidiary	-	(727,187,384)
Effect of lower tax rate differential on certain income	-	799,485,914
Deferred tax assets not recognized in subsidiaries	2,790,364,084	2,436,715,305
Deferred tax assets written off	6,310,518,697	1,882,894,085
Tax losses utilised in subsidiaries	(128,638,903)	(168,038,572)
Effect of unrealised loss from subsidiary	(4,863,171,440)	-
Under provision in prior year	942,480,732	-
Income tax expense	25,775,380,533	6,573,387,716

Deferred tax assets have not been recognised by certain subsidiaries in respect of their tax losses because it is not probable that future taxable profit will be available against which the subsidiaries can utilise the benefits therefrom.

# Note to the consolidated financial statements

For the year ended 31 December 2009

## (d) Applicable tax rates

The Company and its subsidiaries have an obligation to pay the Government income tax at the rate that is generally applied for companies in Vietnam, which is currently at 25%. The Company is exempted from income tax for 2005 and 2006 and receives a 50% reduction in income tax for the five succeeding years (2007 to 2011).

Under the term of Circular 03/2009/TT-BTC, the Company is entitled to a 30 percent reduction of income tax liabilities for the fourth quarter of 2008 and the whole year for 2009.

## 30. Basic earnings per share

The calculation of basic earnings per share at 31 December 2009 was based on the earnings attributable to equity holders of the Company and a weighted average number of ordinary shares outstanding, calculated as follows:

	2009 VND	2008 VND
Earnings attributable to equity holders of Saigon General Service Corporation	71,885,451,988	39,953,164,811

### *Weighted average number of ordinary shares*

	2009 Number of shares	2008 Number of shares
Issued ordinary shares at the beginning of the year	20,139,979	14,676,170
Effect of shares issued in May 2007	-	-
Effect of shares bought back in May 2008	-	(1,133)
Effect of shares issued in May 2008	-	3,201,118
Effect of shares bought back in June 2008	-	(1,119)
Effect of shares bought back in August 2008	-	(452)
Effect of shares bought back in September 2008	-	(853)
Effect of shares bought back in October 2008	-	(1,553)
Effect of shares bought back in November 2008	-	(463)
Effect of shares sold out in August 2009	73,687	-
Effect of shares issued in October 2009	772,422	-
Weighted average number of ordinary shares at the end of the year	20,986,088	17,871,715

As of 31 December 2009, the Company does not have potentially dilutive ordinary shares.

## 31. Dividends

The General Meeting of Shareholders of the Company on 15 April 2009 resolved to distribute dividends amounting to VND16,112 million (8% of par value of shares in circulation as at 20 May 2009, which is the ex-dividend date).

The General Meeting of Board of Management of the Company on 25 December 2009 resolved to distribute dividends amounting to VND12,498 million (5% of par value of shares in circulation at 15 January 2010, which is the ex-dividend date).

# Note to the consolidated financial statements

For the year ended 31 December 2009

## 32. Significant transactions with related parties

### Identity of related parties

The Group has related relationship with its major shareholders, its associates and its key management personnel. The Group has the following subsidiaries.

Subsidiaries Name	Principal activity	Investment licence	% of ownership
Saigon Ford Co., Ltd (SAIGON FORD)	Trading FORD cars and spare parts, providing maintenance services.	Business Licence No. 4102001544 issued by Ho Chi Minh City Planning and Investment Department on 5 March 2003, amended on 22 October 2003 and 26 April 2005.	52.05%
Toyota Giai Phong Joint Venture (TGP) Company	Trading TOYOTA cars and spare parts, providing maintenance services.	Business Licence No. 14/GP-HN issued by the People's Committee of Hanoi on 22 January 1998.	51%
East City Co., Ltd (GM DAEWOO)	Trading GM-Daewoo cars and spare parts, providing maintenance services.	Business Licence No. 4102014294 issued by Ho Chi Minh City Planning and Investment Department on 5 March 2003 and amended on 22 October 2003.	55%
Savico Automatic Service and Trading Co., Ltd (SAVICO - R Co., Ltd)	Trading of electrical engines, automatic selling machine and spare parts, providing automatic selling machines lease, advisory services, domestic transportation services, telecom and postal services, business advertising services, and provide office lease service.	Business Licence No. 4102034948 issued by Ho Chi Minh City Planning and Investment Department on 23 November 2005 and amended on 19 January 2006 and 12 October 2007.	99%
City Automobile Corporation (HYUNDAI)	Trading Hyundai cars and spare parts, providing maintenance services.	Business Licence No. 0309553786 issued by Ho Chi Minh City Planning and Investment Department on 03 November 2009	51%
Saigon Auto Service Trading Limited Company (YAMAHA Can Tho)	Trading YAMAHA motorbikes and spare parts, providing maintenance services.	Business Licence No. 5702001169 issued by Can Tho Planning and Investment Department on 11 August 2006.	93.33 %

# Note to the consolidated financial statements

For the year ended 31 December 2009

Subsidiaries Name	Principal activity	Investment licence	% of ownership
Saigon Star Corporation	Trading SUZUKI motorbikes and spare parts, providing maintenance services.	Business Licence No. 4103007242 issued by the Planning and Investment Department of Ho Chi Minh City on 9 July 2007 and amended on 28 May 2008.	55%
Saigon Vien Dong Co., Ltd	Trading Honda motorbikes and spare parts, providing maintenance services.	Investment License No. 4102055390 issued by Ho Chi Minh Planning and Investment Department on 29 October 2007.	55%
Savico Hanoi Corporation	Operating business centre, providing hotel services; civil constructions, industrial projects; agents and consignments; import and export activities; trading and maintenance automobile, providing engines rental; transportation and car parking services.	Business Licence No. 0103018056 issued by Hanoi Planning and Investment Department on 19 June 2007 and 12 September 2007.	70%
Toyota Can Tho Co., Ltd	Trading TOYOTA cars and spare parts, providing maintenance services.	Investment License No. 571022000005 issued by the People's Committee of Can Tho on 18 April 2007.	51%

## Transactions with key management personnel

Total remuneration and business allowances to key management personnel were as follows:

	2009 VND	2008 VND
Board of Management	2,101,842,000	1,655,309,224
Board of Directors	953,000,000	731,580,512
Supervisory Board	92,000,000	72,000,000
	<hr/> 3,146,842,000	<hr/> 2,458,889,736

# Note to the consolidated financial statements

For the year ended 31 December 2009

## Other related party transactions

During the year there were the following significant transactions with related parties:

Related Party	Relationship	Nature of transaction	2009 VND	2008 VND
Toyota East Saigon Joint Stock Company	Associate	Dividends received from associate	1,371,240,000	7,159,696,800
		Purchase of merchandise to associate	922,307,388	-
		Sale of merchandise to associate	132,484,000	-
ComfortDelgro Savico Taxi Company	Associate	Rental charged to associate	2,184,202,774	1,828,939,872
Ben Thanh Savico General Trading & Services Co., Ltd	Associate	Dividends received from associate	448,000,000	224,000,000
		Commission received from associate	1,652,773,650	494,919,500
Dana Joint Stock Company	Associate	Dividends received from associate	1,819,647,182	838,800,110
Savico – Vinaland Co., Ltd	Associate	Consultant fee charged to associate	3,156,603,624	-

## 33. Lease commitments

The future minimum lease payments under non-cancellable operating leases were:

	31/12/2009 VND	31/12/2008 VND
Within one year	20,570,129,788	16,684,840,576
Within two to five years	36,543,158,353	41,592,887,366
More than five years	67,253,419,236	69,299,673,021
	<b>124,366,707,377</b>	<b>127,577,400,963</b>



# Note to the consolidated financial statements

For the year ended 31 December 2009

## 34. Production and business costs by element

	2009 VND	2008 VND
Cost of purchase of merchandises	1,697,200,811,330	1,305,481,924,298
Labour costs and staff costs	79,003,405,186	55,878,448,347
Depreciation and amortisation	9,365,982,781	9,091,544,733
Outside services	89,407,639,642	55,169,682,493
Other expenses	20,289,730,576	12,624,588,292

Prepared by:



Hoang Thi Thao  
Chief Accountant

Approved by:



Nguyen Vinh Tho  
General Director

18 March 2010

## Savico's Branches, Subsidiaries, Affiliates and Investment Company



**BRANCHES****Savico Can Tho branch**

Address: 71 Hung Vuong st., Ninh Kieu  
Dist., Can Tho City

Tel : 0710 3827 308

Fax : 0710 3820 205

**Savico Da nang branch**

Address: Vo Van Tan st., Thanh Khe Dist.,  
Da Nang City

Tel : 0511 3647 858

Fax : 0511 3646 517

**SUBSIDIARIES AND AFFILIATES****Subsidiary Companies**

01

**Savico Hanoi Corporation**

Address: : 40 Cat Linh st., Hanoi

Tel : 04. 3736 7636

Fax : 04. 3737 7656

Charter capital : VND 50,000,000,000

Savico's share : 70%

02

**Toyota Giai Phong JV Co., Ltd.**

Address : 807 Giai Phong st., Giap Bat Ward, Hoang Mai Dist.,  
Hanoi

Tel : 04. 3664 0124

Fax : 04. 3664 0127

Charter capital : VND 18,134,000,000

Savico's share: : 51%

03

**Saigon Automobile Corporation (Saigon Ford)**

Address : 61A Cao Thang st., Dist. 3, HCMC

Tel : 08 3822 7122

Fax : 08 3823 3494

Charter capital : VND 13,000,000,000

Savico's share: : 52,05%



## Savico's Branches, Subsidiaries, Affiliates and Investment Company

---

### Saigon Automobile Corporation (Saigon Ford)

Branches

1. Dong Son Used Vehicles and Maintenance Service Center  
104 Pho Quang st., Ward 2, Tan Binh Dist., HCMC
2. Saigon Automax  
72 Tran Dinh Xu, Dist. 1, HCMC
3. Saigon Auto Mall  
105 Nguyen Van Cu st., Dist. 5, HCMC
4. Branch in Can Tho  
41A/3 3/2 st., Xuan Khanh Ward, Can Tho City

---

# 04

### Dong Do Thanh Co., Ltd.

Address : 655 Hanoi high way, Dist. 2, HCMC  
Tel : 08 3898 9878  
Fax : 08 3898 9876  
Charter capital : VND 8,000,000,000  
Savico's share: : 55%

---

# 05

### Saigon Service & Trading Co., Ltd. (Yamaha Can Tho)

Address : 1164-166C 3/2 st., Ninh Kieu Dist., Can Tho City  
Tel : 0710 3780 166  
Fax : 0710 3780 166  
Charter capital : VND 4,000,000,000  
Savico's share : 70%

25 shops: 164/1B Tran Ngoc Que st., Hung Loi Ward, Ninh Kieu Dist., Can Tho City

---



## 06

**Toyota Can Tho JV Co., Ltd.**

Address:	: Block 20, Phu An Residence, Quang Trung, Phu Thu Ward, Cai Rang Dist., Can Tho city
Tel	: 0710 3827 308
Fax	: 0710 3820 205
Charter capital:	: VND 49,625,548,000
Savico's share	: 51%

## 07

**Saigon Ngoi Sao Corporation**

Address	: 14-16 Tran Hung Dao st., Dist. 1, HCMC
Tel	: 08 3837 8390
Fax	: 08 3838 6146
Charter capital	: VND 15,000,000,000
Savico's share	: 51%

## Motorcycles Shops:

1. 182 Tran Quoc Thao st., Dist. 3, HCMC (Suzuki)
2. 3/9 Kha Van Can st., Thu Duc Dist. (Suzuki)
3. 325 Ly Tu Trong st., Dist. 1, HCMC (Suzuki)
4. 379 Quang Trung st., (Suzuki)
5. 673 Huynh Tan Phat st., Tan Thuan Dong Ward, Dist. 7 (Honda)

## Showroom Ô tô Suzuki:

510 High way 13, Hiep Binh Phuoc Ward, Thu Duc Dist., HCMC

## 08

**City Automobil Corporation**

Address	: 6 Tran Hung Dao st., Dist. 1, HCMC
Tel	: (84.8) 3915 3247
Fax	: (84.8) 3915 3248
Charter capital	: VND 10,000,000,000
Savico's share	: 51%

**TCTC****TOYOTA CẦN THƠ****SÀI GÒN NGÔI SAO****HYUNDAI****HYUNDAI TRẦN HƯNG ĐẠO**

# Savico's Branches, Subsidiaries, Affiliates and Investment Company

## 09

### Ben Thanh Auto Corporation

Address	: 831 Truoc Chinh st., Tay Thanh Ward, Tan Phu Dist., HCMC
Tel	: (84.8) 3815 7979
Fax	: (84.8) 3815 8989
Email	: info@benthanhford.com.vn
Website	: www.benthanhford.com.vn
Charter capital	: VND 20,000,000,000
Savico's share:	: 52%

### Affiliated Companies

## 01

### Toyota East Saigon Corporation

Headquarter Address	: 507 Hanoi highway, Dist. 2, HCMC
Tel	: 08 3898 9242 / 08 3899 9243
Charter capital:	: VND 39,000,000,000
Savico's share	: 35,16%
Branch	: 18 Phan Van Tri st., Ward 7, Go Vap Dist., HCM

## 02

### Ben Thanh Savico General Trading Co., Ltd.

Address	: 17-19 Tran Hung Dao st., Dist. 1, HCMC
Tel	: 08 3914 3826
Fax	: 08 3914 2899
Charter capital	: VND 3,000,000,000
Savico's share	: 37,33%

#### Shops

1. 1 Nguyen Trai st., Dist. 1, HCMC
2. 365 Huynh Tan Phat st., Tan Thuan Dong Ward, Dist. 7
3. 144 Le Van Viet st., Hiep Phu Ward, Dist. 9, HCMC
4. 58-59 Nguyen Thi Dinh st., An Phu Ward, Dist. 2, HCMC
5. 331C Tran Hung Dao st., Co Giang Ward, Dist. 1, HCMC



**BEN THANH FORD**



**BẾN THÀNH SAVICO**

## 03

**Comfort DelGro Savico Taxi Co., Ltd.**

Address	: Ho Van Hue st., Ward 2, Tan Binh Dist., HCMC
Tel	: 3842 4400
Fax	: 08 3842 4400
Charter capital	: VND 79,315,000,000
Savico's share	: 40 %

## 04

**DANA Corporation**

Address	: 56 Dien Bien Phu st., Thanh Khe Dist., Da nang
Tel	: 0511 3646 555
Fax	: 0511 3646746
Charter capital	: VND 8,000,000,000
Savico's share	: 40,27%

## Branches:

- 1 Dong son service center  
37A Dien Bien Phu st., Da Nang City
- 2 Auto trading center (second-hand auto)  
66 Vo Van Tan st., Da Nang City
- 3 Gia Lai Branch  
304 Pham Van Dong st., Thong Nhat Ward, Pleiku city
- 4 Binh Dinh Branch  
73 Tay Son st., Quang Trung Ward, Quy Nhon City

## 05

**Super vehicle joint stocks company**

Address	: 104 Pho Quang st., Ward 2, Tan Binh Dist., HCMC
Tel	: 08 66 530 532
Fax	: 08 38 420 574
Charter capital	: VND 8,000,000,000
Savico's share	: 37,50%



COMFORT DELGRO SAVICO TAXI



DANAFORD



SUPER CAR

## Savico's Branches, Subsidiaries, Affiliates and Investment Company

---

06

### **Savico Vinaland joint venture company**

Address	: 115-117 Ho Tung Mau st., Ben Nghe Ward, Dist. 1, HCMC
Charter capital:	: VND 320,000,000,000
Savico's share	: 50,5%

---

07

### **Saigon Khanh Hoi General Services Co., Ltd.**

Address	: 56 Ben Van Don st., Dist. 4, HCMC
Tel	: 3943.3430
Fax	: 3943 3429
Charter capital	: VND 6.000.000.000
Savico's share	: 49%

---





## Investment Companies:

No.	Company Name	Address	Telephone	Charter Capital (Unit: VND)	Savico's proportion
<b>COMPANIES WITH SAVICO PERSONEL IN THE MANAGEMENT BOARD</b>					
1	Orient Commercial Bank	45 Le Duan st., Dist. 1, HCMC	Tel: 38 220 960 FAX: 38 220 963	2,000,000,000,000	5.12%
2	Orient Securities Company	194 Nguyen Cong Tru st., Nguyen Thai Binh Ward, Dist. 1, HCMC	Tel: 39 144 290 FAX: 39 142 295	240,000,000,000	10.00%
3	BenThanh Trading & Service Joint Stock Company (TSC)	120-121 Ben Chuong Duong st., Dist. 1, HCMC	Tel: 38 236 724 FAX: 38 223 390	88,000,000,000	1.72%
4	Viet Thai Wire & Cable Corporation	Street no. 1, Bien Hoa 1 Industrial zone, Dong Nai province	Tel: 061 3836 158 FAX: 061 3836 297	50,000,000,000	13.02%
5	Ben Thanh Non Nuoc Tourism Corporation (Sandy Beach)	255 Huyen Tran Cong Chua st., Hoa Hao Ward, Ngu Hanh Son Dist., Da Nang City	Tel: 0511 3836 216 FAX: 0511 3836 335	70,000,000,000	8.57%
6	Ben Thanh Long Hai Corporation (Tropicana)	Street 44A, Phuoc Hai Ward, Dat Do Dist., Ba Ria Vung Tau province	Tel: 64 679999 FAX: 64 678888	43,000,000,000	15.00%
7	Ho Chi Minh City Electric Power Trading Investment Corporation (Tradincorp)	29 street no. 41, Ward 6, Dist. 4, HCMC	Tel: 22 117 898 FAX: 38 264 051	234,039,498,000	5.77%
8	Thu Duc Housing Development (TDH)	384 Vo Van Ngan st., Binh Tho Ward, Thu Duc Dist., HCMC	Tel: 38 966 676 FAX: 38 961 123	378,750,000,000	0.81%
<b>OTHER INVESTED COMPANIES</b>					
9	Viet A Bank (VAB)	115-121 Nguyen Cong Tru st., Nguyen Thai Binh Ward, Dist. 1, HCMC	ĐT: 38 292 497 FAX: 38 230 336	1,631,861,830,000	3,71%
10	Seaprodex Refrigeration Industry Corporation (Searefico)	149B Truong Dinh st., Dist. 3, HCMC	Tel: 38 752 116 FAX: 38 753 002	80,201,000,000	2.16%
11	Saigon Postel Corporation	199 Dien Bien Phu st., Ward 15, Binh Thanh Dist., HCMC	Tel: 54 041 440 FAX: 54 040 795	467,499,910,000	3.92%
12	Constrexim Pacific (COPAC)	69 Le Quoc Hung st., Ward 12, Dist. 4, HCMC	Tel: 22 116 707 FAX: 39 434 233	50,000,000,000	10%
13	Merufa Joint Stock Company (MERUFA)	C64/II street no. 8, Vinh Loc A Industrial Zon, Binh Chanh Dist., HCMC	Tel: 37 655 031 FAX: 37 654 161	33,394,140,000	3.29%
14	Global Insurance Company (GIC)	106-108 Cong Quynh st., Dist. 1, HCMC	Tel: 39 202 627 FAX: 39 202 628	344,546,000,000	0.52%
15	Saigon Beer – Alcohol – Beverage Joint Stock Corporation (Sabeco)	6 Hai Ba Trung st., Dist. 1, HCMC	Tel: 38294083 FAX: 38296856	6,412,811,860,000	0.03%







**SAVICO**

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ TỔNG HỢP SÀI GÒN**

66B-68 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh

Tel : (84-8) 3821 3913

Fax : (84-8) 3821 3553 - (84-8) 3821 5992

Email : [savico@savico.com.vn](mailto:savico@savico.com.vn)

[www.savico.com.vn](http://www.savico.com.vn)